

Thánh thất Trà Vinh



Sách ấn tống. Không bán.

2 • 2016

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

NXB TÔN GIÁO



HUỆ KHẢI CHỦ BIÊN

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

TẬP HÀNH – BÌNH THÂN 2016 • 18

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



 NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Thánh thất Cà Mau



Thánh thất Chợ Gạo (Tiền Giang, 9-2015). Ảnh: Tony L.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠI ĐẠO
VĂN UYỂN
大道文苑

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý
Tập HANH (18) - Quý Hai 2016

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2016

MỤC LỤC

Giao Cảm – Văn Uyển	3
THÁNH GIÁO	
Mười Khuyên – Đức Lý Thái Bạch	7
Người Xưa Buồn Cho Người Nay – Đức Ngô Tùng Châu	10
Tu Đi Con! Gây Lại Tình Thương – Đức Diêu Trì Kim Mẫu	11
KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI	
Tản Mạn Về Đạo Lý Ẩn Ấc Dương Thiện – Diệu Nguyên	27
Đoàn Phổ Tế Lưu Động HT Truyền Giáo – Nguyễn Công Khánh	41
Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Lâm Đồng – Nhân Ngôn	49
Đến Với Ngày Vui Thánh Thất Tân Phú 1 – Lê Thị Nô	53
Vì sao Tôi Vào Đạo Cao Đài – Nguyễn Văn Nghĩa	59
Giếng Cổ Tại Thánh Tịnh Đông Cung Bạch Long – Dân Trí	73
Tám Năm Hành Trình... – Phạm Nguyễn Thiên Vũ	75
Lá Thư Cà Mau – Trần Trung Nhân	80
Niềm Vui Ở Hương Mỹ – Thượng Vui Thanh	82
Tuổi Học Trò Bất Hạnh – Lê Trí Tổng	87
Trần Trọng Kim Và <i>Việt Nam Sử Lược</i> – Trần Văn Chánh	115
THƠ ÁO TRẮNG	
Những Lần Đưa Tiễn – Trần Dã Sơn	36
Thăm Mộ Hàn Mặc Tử – Đỗ Thị Kết	38
Xanh Rì Miền Thương / Ta - Người / Gửi Bạn – Võ Văn Pho	85
Nắm / Thả – Nguyễn Quốc Huân	86
Chị Tôi / Tự Khúc / Bước Tiếp ... – Huỳnh Văn Mười	111, 112, 114
ĐẾN VỚI NHAU	
Nhìn Lại Tám Năm Ấn Tống (6-2008/6-2016) – Ban Ấn Tống	145
Gió Bốn Phương – Ban Ấn Tống	149
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tống	153, 155

1. ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN tập HANH (số 18), quý Hai 2016, đánh dấu tròn tám năm phổ thông giáo lý qua phương tiện là Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo (tháng 6-2008 / tháng 6-2016).

GIAO CẨM

Kỷ niệm tám năm ấn tổng, bìa 1 Văn Uyên tập Hanh (số 18) Bính Thân không in hình một thánh sở như mấy năm qua. Có lẽ sự thay đổi này không khỏi làm quý bạn đọc ngạc nhiên. Chúng ta ắt còn nhớ hiền huynh Phạm Trung Quốc (thánh thất Nhựt Chánh, Bến Lức, thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo), từng tâm tình như sau:

Mỗi kỳ có Văn Uyên mới phát hành, tề đệ đều sốt sắng giới thiệu với đạo hữu quanh vùng. Nhưng bà con ở đây phần lớn vốn chất phác, vừa thoáng nhìn thấy bìa sách liền nói: “Tôi có rồi.” (...) Thì ra, bìa Văn Uyên lúc nào cũng in hình thánh thất hay thánh tịnh, nhìn thoáng qua thì khá giống nhau, cho nên bà con tưởng lầm. Phải chi Ban Ấn Tổng nghĩ ra cách nào để giúp bà con dễ phân biệt.⁽¹⁾

Tiếp thu ý kiến xác đáng trên, cũng như ý kiến tương tự của hiền tỷ Nguyễn Thị Lang (thánh thất Trung Thành, Đà Nẵng, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), bìa Văn Uyên quý Hai này là ảnh con ong hút mật hoa.⁽²⁾ Mượn dùng ảnh

⁽¹⁾ Văn Uyên tập Hanh (số 14) năm Ất Mùi, tr. 202.

⁽²⁾ Mượn từ http://www.huffingtonpost.ca/lizanne-foster/bc-recall-plant-seeds_b_6919688.html. Truy cập 17-01-2016.

này, chúng tôi liên tưởng tới tất cả các tác giả, các đạo hữu, các vị Mạnh Thường Quân ân nhân luôn luôn âm thầm, cần mẫn như những con ong suốt tám năm qua để cùng góp phần vun đắp, dưỡng nuôi cho hơn một trăm đầu sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng. Vậy thì, với ảnh đẹp này làm bìa, Văn Uyên tập Hanh (số 18) xin được làm cánh thiệp xinh xắn kính trao gửi những “con ong” thân quý gần xa với tất cả lòng biết ơn sâu đậm của Ban Ấn Tổng.

2. Trang 30 trong quyển *Người Đạo Cao Đài Làm Quen Phương Pháp Nghiên Cứu*,⁽³⁾ có đoạn này:

Tóm lại, để viết được bài nghiên cứu tốt, ngoài phương pháp nghiên cứu, người viết còn phải chú ý rèn luyện kỹ thuật hành văn, phong cách ngôn ngữ. Cần đọc nhiều sách. Có những tác phẩm nghiên cứu giá trị với văn phong mực thước, lập luận vững chắc, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu... Người nghiên cứu chưa có kinh nghiệm cần noi theo đó để học tập ưu điểm.

Tiếp theo đó, khi nêu *Vài tấm gương tiêu biểu về phong cách viết biên khảo*, sách giới thiệu như sau:

Bộ Việt Nam Sử Lược (hai quyển) của Lê Thần Trần Trọng Kim (1883-1953) có ưu điểm là ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu. Lời bình luận ôn tồn, chùng mực.

Chúng tôi vẫn tin và mong rằng những người con áo trắng đang ôm ấp hoài bão viết sử đạo Cao Đài sẽ tìm thấy

⁽³⁾ Huệ Khải biên soạn. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, quyển 45 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

trong bộ sử danh tiếng của học giả Trần Trọng Kim không ít gương mẫu để noi theo. Tuy nhiên, ưu và khuyết của bộ sử ấy là gì? Câu trả lời ngắn gọn quả không hề đơn giản.

Bởi vậy, chúng tôi rất vui mừng khi nhận được bài viết *Trần Trọng Kim Và Việt Nam Sử Lược* của nhà nghiên cứu uy tín Trần Văn Chánh, cũng là một phương danh quen thuộc với bạn đọc Văn Uyển suốt tám năm nay. Bài viết công phu và khách quan của Trần tiên sinh (vốn là nhà giáo, người Bạc Liêu) sẽ giúp bạn đọc Cao Đài hiểu lý do vì sao soạn giả quyển *Người Đạo Cao Đài Làm Quen Phương Pháp Nghiên Cứu* đã rất trân trọng giới thiệu bộ *Việt Nam Sử Lược* với những vị muốn chép sử Cao Đài.

Đề tri ân các nhà văn hóa đáng kính của dân tộc, Văn Uyển tập Lợi (11) năm Giáp Ngọ (2014), trang 126-140, đã in bài *Học Giả Trần Trọng Kim* của cùng cây bút khảo cứu tên tuổi Trần Văn Chánh. Quý đạo hữu có thể xem lại bài này để tưởng nhớ Lê Thần – một trong những khuê tinh sáng ngời của dòng giống Lạc Hồng.

3. Trong Văn Uyển tập Hanh (số 18), quý đạo hữu thấy chúng tôi chọn in lại một vài ảnh xưa liên quan tới lịch sử đạo Cao Đài. Các ảnh này có khi đã quá cũ, độ nét không được như ý. Tuy nhiên, đây là những ảnh tài liệu rất quý, trước mắt giúp cho hình thức Văn Uyển bớt khô khan vì trang sách thường in dày đặc con chữ; về lâu dài, các ảnh này có thể dùng minh họa cho các sách Cao Đài. Nếu quý đạo hữu đang có những ảnh tài liệu liên quan tới đạo Cao Đài, xin hoan hỷ cộng tác với Văn Uyển.

4. Với mong ước các sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo dễ dàng tới được quý bạn đọc ở nơi xa xôi, nhất là hải ngoại, kể từ tháng 01-2016 Ban Ấn Tổng bắt đầu đăng lại nội dung các tập ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN tại địa chỉ: daidaovanuyen.blogspot.com.

Blog UNDERSTANDING CAODAIISM cũng ra mắt với các bài tiếng Anh của Huệ Khải viết về đạo Cao Đài tại địa chỉ: understandingcaodaiism.blogspot.com.

Mở hàng cho blog tiếng Anh này là Giáo Sư Winfried Löffler, người Áo, mà chúng ta đã biết qua Văn Uyển tập Nguyên (số 13) năm Ất Mùi. Kế tiếp, một nữ tu Dòng Thánh Phaolô thành Chartres (SPC) là chị Cécile hiện đang tu học bên Ý, đã ghé thăm blog này vì cần tìm hiểu về đạo Cao Đài do yêu cầu đối thoại liên tôn của khóa học...

5. Bước sang năm thứ chín, hãy còn quá nhiều điều thiết yếu trong nhà Đạo cần được tiếp tục chớ chuyên qua từng trang *Văn Uyển*, từng tập sách dày mỏng trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng. Chỉ xin cố gắng bước thêm từng bước cho xứng đáng với lòng tin tưởng mến yêu của quý đạo hữu gần xa, và cho khỏi bội bạc với hồng ân Thầy Mẹ cùng các Đấng... Xin anh chị em luôn dành thời gian cầu nguyện Thầy Mẹ, Tam Giáo, Tam Trấn, và Công Đồng Tiền Khai Đại Đạo từ bi thêm sức, soi dẫn, dắt dìu Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng vững vàng rảo bước trên đường dài góp phần vào công cuộc phổ thông giáo lý Kỳ Ba, cùng hướng tâm về ngày hạnh phúc thống nhất đạo Cao Đài.

BAN ẤN TỔNG

MƯỜI KHUYẾN

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 28-11 Kỷ Hợi
(Chủ Nhật 27-12-1959)

LÝ THÁI BẠCH

*Muốn cho Giáo Hội có quyền
Bản thân chức sắc mỗi giềng chung tay
Tình đời mình chớ có say
Nên phần nội bộ trông ngay lại mình.*

*MỘT khuyến gắng hy sinh hành đạo
Đạo được nên hoài bão đừng lơ (1)
Gần xa trên dưới một lời
Chung tay xây dựng cuộc đời thuận phong.*

*HAI khuyến khá để lòng lo liệu
Đừng riêng lo lụy địu gia đình (2)
Làm sao sáng lẽ công bình
Hễ người được lợi thì mình mất chi.*

*BA khuyến nhớ đi đi lại lại
Vì non sanh gieo rải tình thương*

*Trông nom hướng dẫn chủ trương
Gia đình êm ấm mọi đường tinh minh. (3)*

*BỐN khuyến tự đặt mình thanh khiết
Quyền pháp tinh (4) mọi việc mới thông
Muốn đưa người đến đại đồng
Thì mình phải có cái lòng vị tha.*

*NĂM khuyến lấy chữ hòa làm đích (5)
Lập thân bằng công tích nhiều năm (6)
Rủ nhau đi viếng đi thăm
Người đau người khổ bị trăm việc đời.*

*SÁU khuyến tu đến nơi đến mức
Giải thoát lặn, tích cực việc công (7)
Ý Trời tình đạo cảm thông
Để tâm hồi hướng thông công nhẹ nhàng.*

*BẢY khuyến lập cơ quan hàng ngũ (8)
Lập lấy lòng đầy đủ đức tin
Dưới trên chung trí giữ gìn
Kẻ đi người ở nhận nhìn việc chung.*

(1) **Hoài bão** 懷抱: Lý tưởng, ước vọng cao đẹp (*an ideal, aspiration*). **Lơ**: Không còn gắn bó, lơ là.

(2) **Lịu địu gia đình**: Vương bạn chuyện gia đình.

(3) **Tinh minh**: Rành rẽ và sáng suốt.

(4) **Quyền pháp tinh**: Quyền pháp rõ ràng, chặt chẽ.

(5) **Đích**: Chỗ nhắm, mục đích (*target*).

(6) **Công tích nhiều năm**: Công khó tu hành tích lũy nhiều năm.

(7) **Tích cực việc công**: Tích cực lo liệu việc chung trong đạo.

(8) **Cơ quan hàng ngũ**: Bộ phận chuyên trách có đủ nhân sự được sắp đặt theo lớp lang quy củ.

TÁM khuyên phải sống cùng đạo hữu
Gây tình thương trợ cứu⁽⁹⁾ lẫn nhau
Làm cho ai cũng mạnh giàu
Cơm no áo ấm giữ màu đạo tâm.⁽¹⁰⁾

CHÍN khuyên biết âm thầm lúc khó
Khó khăn thì ở nhỏ lòng chơn
Đừng cho tiếng oán lời hờn
Miễn tròn công vụ nghĩa hơn đủ đầy.

MƯỜI khuyên nhớ lời Thầy quyền đạo⁽¹¹⁾
Tôn trọng là cải tạo thế gian
Lập thân hành đạo rõ ràng
Đưa cơ thống nhất huy hoàng ngày mai.

(Nguồn: Thánh Truyền Trung Hưng,
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

⁽⁹⁾ **Trợ cứu:** Cứu trợ, cứu giúp.

⁽¹⁰⁾ **Cơm no áo ấm giữ màu đạo tâm:** Người tín đồ nếu đói khổ quá sẽ chỉ lo tập trung kiếm miếng cơm manh áo và để lạt lòng với đạo. Có thực mới vực được đạo; do đó, muốn cho tín đồ mạnh mà chung thủy với đạo thì phải tìm cách giúp họ có được cơm no áo ấm.

⁽¹¹⁾ **Quyền đạo:** Quyền pháp trong đạo, tôn ti trong đạo.

HUỆ KHẢI chú thích

NGƯỜI XƯA BUỒN CHO NGƯỜI NAY

Thánh thất Trung Thành
ngày 01-12 Mậu Dần (Thứ Sáu 20-01-1939)

NGÔ TÙNG CHÂU

THI

Nhân loại than ôi, lăm nã nùng
Một người làm xấu, bậu mang chung
Chung nhau một giống con Hồng Lạc
Lạc chủng Long xưa cũng hóa sùng.

Thảm bậy hơn sinh muốn khuấy chơi
Cười cho đáy giếng ếch trông trời
Trời to, trời nhỏ vừa người biết
Biếtặng bao nhiêu, biết mấy hơi.

Khó dạy cho ai thoát ngục tù
Tưởng mình là trí, chẳng dè ngu
Cả đời tỵ đắc kiêu căng mãi
Đến Hội Long Hoa khó kịp tu.

(Nguồn: Thánh Truyền Trung Hưng,
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

TU ĐI CON! GÂY LẠI TÌNH THƯƠNG!

Huần Cung Đàn

Tuất thời, 29-8 Ất Ty (Thứ Sáu 24-9-1965)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. (*Pháp đàn:* Vô vi. *Đồng tử:* Hoàng Mai. *Độc giả:* Huệ Chơn. *Điển ký:* Ngọc Kiều, Hồng Ân, Huệ Đăng. *Hộ đàn:* Diệu Chơn Quang, Diệu Long. *Chứng đàn:* Vô vi. *Chưởng Nghiêm Pháp Quân:* Thiện Bảo.)

THI

Vâng lệnh Mẫu Nghi ⁽¹⁾ đến báo đàn

Chào chư liệt vị khắp tam ban ⁽²⁾

⁽¹⁾ **Mẫu Nghi** 母儀: Tấm gương cho các bà mẹ noi theo (*an example for mothers*). Ngày xưa, vợ vua (hoàng hậu) được xem là **mẫu nghi thiên hạ** 母儀天下, có nghĩa bà là gương mẫu cho tất cả các bà mẹ trong nước (*a motherly model of the nation*). Do đó, mẫu nghi còn là từ để gọi người phụ nữ đứng đầu một nước. Trong thánh giáo này, **Mẫu Nghi** là một từ dùng để gọi Đức Mẹ.

⁽²⁾ **Tam ban** 三班: Ba ban hay ba nhóm chức sắc, chức việc và tín đồ khi hành lễ trong bửu điện: ① Nam (bên phải) và nữ (bên trái) ở chánh giữa nhìn vào Thiên Bàn; ② Nữ ở bên trái nhìn vào bàn thờ Đức Nhị Trán Oai Nghiêm Thường Cư Nam

Pháp đàn trên có vô vi điển

Của Đức Đông Phương ánh bủa tràn.⁽³⁾

NHỨT NƯƠNG TIÊN NỮ

Chào chư Thiên mạng,⁽⁴⁾ chư đạo tâm nam nữ. Vâng lệnh báo đàn có Đức Vô Cực Từ Tôn giáng cơ. Vây chư liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Tiên Nữ xuất ngoại ứng hầu.

TIẾP ĐIỂN

VÔ CỰC TỪ TÔN ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

Mẹ linh hồn các con.⁽⁵⁾

Mẹ mừng các con nam nữ.

Hải Quan Âm Như Lai; ③ Nam ở bên phải nhìn vào bàn thờ Đức Tam Trán Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

⁽³⁾ **Câu 3-4:** Phạm một đàn cơ phải có một vị chức sắc Hiệp Thiên Đài làm pháp đàn. Nhưng đây là trường hợp không có pháp đàn hữu vi (không có chức sắc Hiệp Thiên Đài) nên Đức Đông Phương Lão Tổ (là đấng Chưởng Quân Hiệp Thiên Đài) làm pháp đàn vô vi.

⁽⁴⁾ **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành). Đồng nghĩa với *Thiên ân sứ mạng*.

⁽⁵⁾ **Mẹ linh hồn các con:** [Ta là] Mẹ Linh Hồn [của] các con (*I'm your Spiritual Mother*). Lưu ý: Trong tiếng Việt, chữ *của* thường được hiểu ngầm. Thí dụ: *Nhà tôi, cha tôi...* Đức Chí Tôn khi giáng cơ thường xưng: *Thầy các con / I'm your Master*. Một số người viết "*Thầy, các con!*" thì sai.

THI

Từ thử⁽⁶⁾ dạy khuyên đã quá nhiều
Hỏi con còn nhớ được bao nhiêu
Nỗi đời nỗi đạo hai vai chích⁽⁷⁾
Lỡ đệ lỡ thầy⁽⁸⁾ một bước xiêu⁽⁹⁾
Đứa dở bôn chôn ngay buổi sáng
Người hay luộm thuộm đến ban chiều⁽¹⁰⁾
Non đoài ác lặn chuông linh giục⁽¹¹⁾
Bớ trẻ đường ngay kíp dất dìu.⁽¹²⁾

⁽⁶⁾ **Từ thử** (tự thử 自此): Từ ấy, từ đó (*since then, henceforth*).

⁽⁷⁾ **Chích** 隻: Đơn chiếc, lẻ loi (*alone, lonely*). **Hai vai chích**: Một thân lẻ loi gánh vác, một mình đơn chiếc gồng gánh, không có người chia sẻ, giúp đỡ.

⁽⁸⁾ **Lỡ đệ lỡ thầy**: Cũng như *lỡ thầy lỡ tớ*. **Có lẽ** ý muốn nói khả năng không phù hợp với một hoàn cảnh cụ thể nào đó, cho nên không đủ sức để đứng ra làm người lãnh đạo, mà cũng không thích hợp để đem thân phụng sự người khác.

⁽⁹⁾ **Bước xiêu**: Bước chân không vững vàng (*unstable step*).

⁽¹⁰⁾ **Bôn chôn**: Lật đật, vội vã (*to hurry, to make haste*). **Luộm thuộm**: Cầu thả, tắc trách (*to do something carelessly and casually*). **Câu 5-6**: Người kém cỏi thì sớm biết lo liệu từ lúc ban đầu. Kế ý giới thì chênh mảng, khi nước tới chân mới vội vàng cuống quýt nên công việc bị sai sót.

⁽¹¹⁾ **Non đoài**: Núi ở phía tây. **Ác**: Mặt trời chiều. **Chuông linh**: Ý nói tiếng chuông thức tỉnh con người hãy biết lo tu hành.

⁽¹²⁾ **Đường ngay**: Chánh đạo. **Kíp**: Cấp tốc, đừng trì hoãn. **Câu 7-8**: Ngày giờ đã muộn, kiếp người không đợi, các con hãy mau chân dất dìu nhau bước lên đường đạo, cùng lo tu hành.

Các con nam nữ! Mãi đến hôm nay, qua khỏi ngày lễ kỷ niệm Khai Đạo một tuần,⁽¹³⁾ Mẹ mới giáng đàn nơi đây, để kiểm điểm lại trong quá trình cơ Đạo, làm một bài học chung để các con ghi nhớ ngày kỷ niệm đó. Mẹ miễn lễ toàn tất. Các con an tọa.

Các con ôi! Đến nay, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã trải qua ngót bốn mươi thu, sự phổ truyền chánh giáo, hướng dẫn quần linh⁽¹⁴⁾ buổi hạ nguồn trên bước đường tu học, các con đã đóng góp một phần công quả rất lớn trong sử Đạo.

Về phương diện thể Thiên hành hóa,⁽¹⁵⁾ các con đã được một điểm son, nhưng còn về phương diện hiệp nhứt quy nguyên một thể thống đạo⁽¹⁶⁾ tại nước nhà, các con còn vấp phải bao nhiêu trở ngại, nhưng đầu sớm đầu muộn, những trở ngại đó các con sẽ vượt qua. Có như vậy phương thức hành đạo, kinh điển, đạo luật mới có cơ hội soạn thảo duy

⁽¹³⁾ **Ngày lễ kỷ niệm Khai Đạo**: Tức là ngày 23-8 âm lịch, kỷ niệm ngày các tiền khai lập thủ tục *Khai Tịch Đạo*, xác lập tư cách pháp nhân của đạo Cao Đài trước khi tiến hành một tháng Phổ Độ Lục Tinh (từ giữa tháng 10 đến giữa tháng 11-1926).

⁽¹⁴⁾ **Quần linh** 群靈: Các linh hồn (*all souls*); cũng có nghĩa như **quần sinh** 群生, **chúng sinh** 眾生 (*all living beings, all human beings*), vì mỗi người là một điểm linh quang chiết từ Thượng Đế (khỏi Đại Linh Quang).

⁽¹⁵⁾ **Thể Thiên hành hóa** 替天行化: Thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành.

⁽¹⁶⁾ **Thể thống đạo**: Thể thống của đạo Cao Đài.

nhứt,⁽¹⁷⁾ từ đó mới có thể phổ truyền năm châu bốn biển. Còn như trước hiện trạng, các con chưa thể làm gì được hầu⁽¹⁸⁾ thực hiện sứ mạng cao cả đó.

Giả thử hiện giờ, nếu có một ngoại nhơn từ phương trời Âu, Mỹ, Úc đến hỏi sự tổ chức trong đạo Cao Đài, các con phải nói làm sao, giải thích làm sao, dựa vào tiêu chuẩn, đạo luật nào để giải thích cho ngoại nhơn đó khỏi thắc mắc lầm lẫn một khi được hỏi đến một con thứ hai ở chi phái khác?

Hôm nay các con hãy bình tâm cùng Mẹ kiểm điểm, ôn lại trong quá trình⁽¹⁹⁾ với những sứ mạng thể Thiên hành hóa, gồm **mấy lãnh vực và mấy xu hướng** trong hàng huynh đệ các con.

Cũng thời một cõi lòng thiết tha thương Thầy mến Đạo, con nào cũng muốn sáng danh Thầy, rạng danh Đạo, nhưng chính trong mỗi con còn thiếu những điều kiện và hoàn cảnh, do đó là một trở ngại rất lớn:

- Con có đũa khi đặt mình vào đạo, hằng muốn đem chánh pháp, đạo luật, kinh điển phổ truyền khắp nơi để cho nhơn sanh tỉnh thức tu học, để tạo lập một cõi thiên đàng ở thế gian toàn là hiền nhơn đạo đức.

⁽¹⁷⁾ **Duy nhứt:** Theo một hệ thống duy nhất.

⁽¹⁸⁾ **Hầu:** Ngõ hầu, để mà (*in order to, so as to*).

⁽¹⁹⁾ **Quá trình** 過程: Quãng đường đã qua (*course of past events*).

- Cũng có đũa nóng lòng vì việc đạo, bước xa hơn một bước, là tạo thế lực bên đời để dễ bề phổ truyền chánh đạo, nhưng không hay rằng mình đã vướng chơn trong lưới rập thường tình của thế nhơn.

- Cũng có đũa nóng lòng vì việc quốc gia đại sự, muốn chen chân vào đó để làm phương tiện hoạt động phổ biến Đạo Trời.

- Cũng có đũa vì tiền đồ⁽²⁰⁾ Đại Đạo và danh nghĩa đạo giáo,⁽²¹⁾ giữa buổi thế sự phân tranh, muốn được tiếng nói Đạo Thầy làm trung gian để giải hòa mọi mặt.

- Cũng có đũa muốn tại gia tu học, gìn giữ tân pháp.

- Cũng có đũa thường xuyên đi đến chùa, thất, để học hỏi điều hay lẽ phải trong hàng huynh đệ tiền phong.

- Cũng có đũa trong tâm chẳng muốn đi đâu, nhưng sợ e vắng mặt lâu ngày rồi huynh đệ cho mình là ngã đạo,⁽²²⁾ nên ngày sóc vọng rúng rỗi bước đến chùa, thất cho có lệ.

- Cũng có đũa không quản của, công, đem đóng góp vào cơ quan Đạo⁽²³⁾ để được hưởng phúc hồng⁽²⁴⁾ Thầy Mẹ rưới chan.

- Cũng có đũa vào Đạo để thọ Thiên phong vào hàng

⁽²⁰⁾ **Tiền đồ** 前途: Tương lai (*the future*).

⁽²¹⁾ **Đạo giáo:** Tôn giáo (*religious, religion*)

⁽²²⁾ **Ngã đạo:** Trượt té trên đường đạo, ý nói nhạt đạo, bỏ đạo.

⁽²³⁾ **Cơ quan Đạo:** Cơ sở của đạo Cao Đài (*Caodai institution*).

⁽²⁴⁾ **Phúc hồng:** Hồng phúc 洪福, phước lớn.

anh lớn, đợi ngày lâm chung, tuổi tên được vào sử Đạo...

Nhưng rồi các con ôi! Ai là bực xứng đáng thay mặt Chí Tôn để nói lên được tiếng nói duy nhất của đạo Cao Đài? Ai là người xứng đáng nói lên tiếng nói để cảnh tỉnh các lãnh tụ chỉ phái Đạo để cùng vạch một đường hướng chung cho bước tiến của Đạo Trời?

Bởi trong hàng huynh đệ các con có **những điều kiện không đồng nhất**:

- Con thì có thành tích công quả với sử Đạo, nhưng thiếu tài cán hoạch định đường lối tiến cho nơn sanh.

- Cũng có con đức tài vẫn có, nhưng thiếu thông minh hoạt bát lỗi lạc để diễn tả hết những tối thượng siêu đẳng của Đạo Trời.

- Cũng có con tài đã có, hoạt bát đã hay, nhưng thiếu thiện tâm, thiện chí hoằng dương Thiên Đạo.⁽²⁵⁾

- Cũng có con tài có, thông minh có, thiện chí có, nhưng thiếu về thành tích tiền bối khai minh Đại Đạo.⁽²⁶⁾

- Cũng có con thừa tài dư đức, thiện chí có dư, thành tích sử Đạo có sẵn, nhưng vì hai chữ nghèo nàn về vật chất⁽²⁷⁾

⁽²⁵⁾ **Thiên Đạo** 天道: Đạo Trời, tức đạo Cao Đài.

⁽²⁶⁾ **Thiếu về thành tích tiền bối khai minh Đại Đạo**: Xét về tiểu sử thì không có tên trong các bậc tiền bối có công mở Đạo vào năm 1926.

⁽²⁷⁾ **Hai chữ nghèo nàn về vật chất**: Nghèo tiền của. Ca dao mĩa mai: *Vai mang túi bạc kè kè / Nói quấy nói quạ người nghe ảm*

mà tiếng nói trung kiên chẳng được ai nghe, chẳng được lưu ý đến.

- Cũng có con chẳng có những điều kiện trên, chỉ có một mảnh tâm trung thương Thầy mến Đạo, chất phác hồn nhiên, như như mộc mạc, mà chính là những con đó đã đóng góp cả của lẫn công rất nhiều với cơ Đạo, đã hy sinh đặt mình dưới sự sai khiến hướng dẫn của đàn anh hướng đạo...

Nhưng ai là người xứng để lãnh nhiệm vụ hướng dẫn đó, hỏi các con?

Các con tự hỏi mình đặt thân vào cửa đạo để mà chi? Có phải để tự giác, tự tu, tự nhận làm những việc thiện, việc nhân nghĩa để trả lần bao nghiệp oan khiên tiền kiếp, nhẹ mình hầu sớm để hưởng đời thượng nguơn thánh đức, an cư lạc nghiệp, đất Thuần trời Nghiêu, sau ngày viên mãn phủ sạch nợ trần, điểm linh quang được trở về hiệp nhất cùng Thầy Mẹ hay chăng?

Đó là điều mà Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng đã dạy ngay từ buổi khai Đạo.

Đạo khai để cứu đời, chớ không phải làm nhặng⁽²⁸⁾ cho đời, mà cứu bằng cách nào vậy hỏi các con?

ảm / Trong lung chẳng có một đồng / Lời nói như rỗng cũng chẳng ai nghe. Đây là thực trạng xã hội vốn có từ xa xưa, và trong cửa đạo vẫn chưa thoát khỏi tệ trạng người giàu thì được nể nang, còn tít đồ nghèo lại bị coi thường.

⁽²⁸⁾ **Làm nhặng**: Làm những điều sai quấy (*to do wrong things*).

Chính các con phải tự cứu mình trước rồi mới có phương tiện và điều kiện cứu kẻ khác. Tự cứu mình như thế nào đó các con?

Trước hết, phải thành thật với lòng mình, tự đóng khung mình trong kỷ luật đạo, gột rửa hết những tánh ích kỷ xấu xa, ý nghĩ đen tối, tánh nết ganh hiềm ghét ngố;⁽²⁹⁾ tập lần đức bác ái vị tha, tinh thần phục thiện; thực hiện được đường lối công bình, bác ái, từ bi. Ba điểm đó là sơ khởi, người mới giữ đạo phải tập làm cho được.

Từ bi là mình phải bắt nẫn, thương tâm trước những sự đau khổ nhục nhã của kẻ khác, cốt làm sao giác ngộ và tạo mọi hoàn cảnh để giúp kẻ khổ sớm thoát ra vòng tội lỗi đen tối.

Bác ái là xót thương tất cả, chẳng những Nhơn loài, mà thương luôn đến loài thú cầm thảo mộc, bò bay máy cưa. Tha thứ những kẻ có lỗi với mình để cảm hóa họ lại gần với mình, hầu hướng dẫn họ lần vào đường tu hành chánh đạo. Từ bi, bác ái, khi con làm được xong, cũng phải nhớ đến công bình.

Chính sự chạy lạt của các con đã gắn liền với hai chữ công bình, vì không thể ngon miệng với cao lương mỹ vị trên cái đau khổ chết chóc của loài khác. Mình muốn Trời Phật, Thánh Thần hộ độ, khoan dung, dịu dặt mình tai qua nạn khỏi, sớm ngộ Đạo, thì mình cũng phải hộ độ, dịu dặt

⁽²⁹⁾ **Ngố:** Người có tài. **Ganh hiềm ghét ngố:** Ganh ghét người hiền đức và tài giỏi (*to envy and hate the worthy*).

những kẻ khác và khoan dung, công bình với kẻ khác. Dầu kẻ đó là người nghịch, cũng phải tạo cho được lòng thương đối với họ. Chính trong chữ tự tu tự cứu, các con phải làm được những điều sơ đẳng đó rồi mới nói những việc khác.

Người tu tại gia là một đơn vị tín đồ, nếu chưa được làm bực hướng đạo,⁽³⁰⁾ cũng phải cho xứng đáng một người tín đồ. Khuyên người làm từ bi, bác ái, công bình, mà chính mình không làm được thì sự khuyên đó không đem lại kết quả gì hết.

Các con đừng mong vọng Thiên Liêng thố lộ Thiên cơ cùng thời cuộc. Mong vọng đó là kẻ hở, là chỗ yếu để cho mị tà lợi dụng sở thích đó, hướng dẫn các con xa Thầy xa Đạo.

Hỡi các con! Muốn biết để làm chi? Giả thử Thiên Liêng cho biết đời thượng nguon thánh đức sẽ lập vào năm, tháng, ngày, giờ nào đó, rồi các con phải làm gì cho thích hợp một khi các con thiếu công quả, thiếu những đức tính của người tu?

Tại hại hơn nữa, khi các con biết được Thiên cơ thời sự, bản tánh háo danh, hiếu kỳ sẵn có, tiết lậu đầu đànng xó chợ, đó là mầm tai họa nảy nở trong người các con.

Các con chỉ biết có một đường lối tu Nhơn tích đức, công quả phổ giáo Đạo Trời, cảnh tỉnh sanh linh. Hễ mỗi người

⁽³⁰⁾ **Hướng đạo** 向导: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

thực hiện được tình thương, hễ thương thì không còn giết hại lẫn nhau, đời thái bình thanh trị dầu không cầu mong cũng đến.

Ngày mới khai minh Đại Đạo, những tiên tri đã có, cơ tiền định đã được hé mở đôi phần, nhưng chúng sanh không lưu ý, vì đương hưởng cảnh an cư, mấy ai nghĩ đến cơ cuộc sẽ diễn biến và diễn biến như ngày nay.

Nước đến trôn, tâm hồn rối loạn, chạy đến cầu xin Thượng Đế cứu rỗi cho mình. Thượng Đế thương tất cả chúng sanh, mở Đạo cho chúng sanh tu để tự cứu và cứu kẻ khác, nhưng nếu chúng sanh không tu, không tự cứu, Thượng Đế cũng chẳng biết làm sao!

THI BÀI

1. Các con hãy lần tay đếm lại

Đạo Thầy khai đã mấy mươi thu

Con nào quyết chí lo tu

Con nào nương ả bóng dù Tạo cơ.⁽³¹⁾

2. Lời thánh dụ phú thơ⁽³²⁾ còn đó

Bao thi văn dạy dỗ khuyên răn

Mong cho thế sự ăn năn

⁽³¹⁾ **Tạo:** Tạo Hóa, Trời (*the Creator*). **Nương ả bóng dù Tạo cơ:** Ý nói vào Đạo không phải thực lòng muốn cải sửa bản thân cho nên người đạo đức, mà chỉ vọng tưởng sẽ được Ôn Trên che chở (mặc dù thói hư tật xấu bản thân vẫn không chừa bỏ).

⁽³²⁾ **Lời thánh dụ phú thơ:** Thánh giáo dạy dỗ bằng thơ phú.

Tự tu tự tỉnh, lần phẳng đường về.

3. Cõi trần là sông mê bể khổ

Tạm thời gian con ở nơi đây

Biết bao những việc quấy rầy

Lo ăn lo mặc, dờ hay đủ điều.

4. Việc phải trái sớm chiều đây đó

Việc nghĩa nhân khắp ngõ cùng đường

Tình thương lẫn với thù hằn

Khi hờn khi giận, cố dằn cho qua.

5. Xuân hạ đến thu tàn đông chí⁽³³⁾

Việc đời no cũng chỉ đầy thôi

Tại trời ách nước than ôi

Thương con trong cảnh quả nhôi⁽³⁴⁾ thế gian.

6. Quanh năm cảnh cơ hàn⁽³⁵⁾ túng thiếu

Nghèo với giàu đồng chịu ngang nhau

Nghiệp chung⁽³⁶⁾ mấy kiếp biết sao

Hẹn ngày để trả cho nhau tại trần.

⁽³³⁾ **Đông chí:** Mùa đông đến.

⁽³⁴⁾ **Quả nhôi:** Quả báo xấu diễn ra dồn dập, ráo riết (*accumulated karmic retributions*).

⁽³⁵⁾ **Cơ hàn** 飢寒: Đói lạnh (*hungry and cold*).

⁽³⁶⁾ **Nghiệp chung:** Cộng nghiệp 共業: Nghiệp báo xấu mà cả một tập thể phải cùng nhau chung trả (*collective karmic retributions*).

7. Vì thương con bao lần mở đạo
 Vì thương con đạo giáo khai minh
 Miễn con giữ được chân tình
 Kỳ Ba ân xá siêu sinh dễ dàng.
8. Con hồi con, mau toan lo liệu
 Con hồi con, bận bịu chi đời
 Mảng lo⁽³⁷⁾ phải trái cho rồi
 Thân tàn sức mỏng⁽³⁸⁾ Đạo Trời chưa xong.
9. Tu đi con! Giữ lòng bác ái
 Tu đi con! Gây lại tình thương
 Kêu nhau chung bước một đường
 Đừng phân màu sắc khác thường trắng đen.
10. Con phải cố khêu đèn chơn lý
 Cho người đời để ý nhìn theo
 Nữ nam chẳng luận giàu nghèo
 Tình thương bủa rộng nhắm vào hành y.⁽³⁹⁾
11. Đêm thanh vắng Mẹ ghi mấy đoạn
 Kêu con hiền phải ráng nghe qua
 Chinh chinh bóng nhựt xế tà⁽⁴⁰⁾

Hẹn ngày hội ngộ canh gà⁽⁴¹⁾ gáy tan.

THI

Tang thương⁽⁴²⁾ cuộc thế biết mà chi
 Xáo trộn tâm trung mệt ích gì
 Những việc nghĩa nhân tua⁽⁴³⁾ gắn bó
 Đề tài chính xác ở khoa thi.⁽⁴⁴⁾

Khoa thi tuyển chọn bực nhân hiền
 Những kẻ cần tu hữu huệ duyên
 Thánh đức thượng nguơn Trời chuyển lập
 Thế trần chung hưởng cõi Thần Tiên.

⁽³⁷⁾ **Mảng lo:** Mải lo, cứ lo lắng hoài.

⁽³⁸⁾ **Sức mỏng:** Sức lực hao mòn.

⁽³⁹⁾ **Về:** Chỗ rẽ, khúc quanh trên sông. **Nắm vào:** Xem xét hoàn cảnh mà tìm cách hành động cho thích hợp. **Hành y:** Làm đúng theo sự hướng dẫn, lời dạy bảo.

⁽⁴⁰⁾ **Chinh chinh bóng nhựt xế tà:** Ánh mặt trời chiều tà chiếu chênh chếch, nghiêng nghiêng.

⁽⁴¹⁾ **Canh gà:** Tiếng gà gáy cầm canh. Một đêm có năm canh: Canh một (giờ Tuất, 19-21 giờ); canh hai (giờ Hợi, 21-23 giờ); canh ba (giờ Tý, 23-01 giờ sáng); canh tư (giờ Sửu, 01-03 giờ sáng); canh năm (giờ Dần, 03-05 giờ sáng).

⁽⁴²⁾ **Tang thương** 桑滄: Nói tắt thành ngữ *thương hải [biển vì] tang điền* 滄海[變為]桑田: Biển xanh biến thành ruộng dâu, ám chỉ biến cố (thay đổi lớn lao) ở đời; cùng nghĩa với cuộc dâu biển hay *biển dâu (life's vicissitude)*.

⁽⁴³⁾ **Tua:** Nên, hãy nên (*should, had better*), do chữ 須. **Tua gắn bó:** Nên gắn bó (*had better attach yourselves to it*).

⁽⁴⁴⁾ **Đại ý bốn câu:** Tìm biết Thiên cơ thế sự chớ ích lợi gì, mà chỉ khiến cho lòng người xáo trộn. Chớ nên lợi lòng thực hành những việc nhân nghĩa, vì nghĩa nhân chính xác là đề thi tuyển chọn người hiền đức được sống đời thượng nguơn thánh đức.

NGÂM

*Dạy con kẻ cũng khá nhiều
Đem về dành để sớm chiều lần xem
Siêng năng học hỏi chị em
Những điều chưa biết, biết thêm để làm.
Thế trần giả tạm đừng ham
Quả công khuya sớm siêng làm cho tinh ⁽⁴⁵⁾
Ban ân con trẻ tác tình ⁽⁴⁶⁾
Thế gian tu học, Thiên Đình ⁽⁴⁷⁾ Mẹ lui.*

Thăng.

⁽⁴⁵⁾ **Tinh:** Kỹ càng, hoàn hảo, không sơ sót (*thoroughly*).

⁽⁴⁶⁾ **Tác tình:** Tác lòng, tấm lòng.

⁽⁴⁷⁾ **Thiên Đình** 天庭: Thiên Tào 天曹 (*the Heaven Court*).

HUỆ KHẢI & LÊ ANH MINH hiệp chú



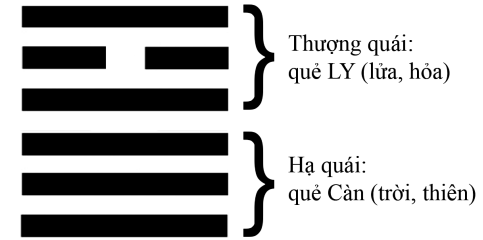
Thánh thất Vĩnh Lợi (Huế): Đạo hữu hầu chuông.
Ảnh: Tewfic El-Sawy (Mỹ)

TẢN MẠN VỀ ĐẠO LÝ ẨN ÁC DƯƠNG THIỆN

DIỆU NGUYÊN

1. Trong kinh sách người xưa truyền lại có thành ngữ **ẩn ác dương thiện**. Ẩn là che giấu, hiểu cho thoáng là không phơi bày ra. *Ẩn sĩ* là người có học vấn và danh tiếng, nhưng lui vào chốn hẻo lánh để sống, hoặc chủ tâm giấu kín thân phận mình giữa chốn thành thị đông người. Dương là khen ngợi, làm cho lan rộng ra. *Biểu dương* ai tức là công khai khen ngợi người ấy. Ác là tội lỗi, lỗi lầm, hành vi sai trái, những gì xấu xa... Trái nghĩa với ác là thiện. Như thế, *ẩn ác dương thiện* nghĩa là không phơi bày, không rêu rao điều xấu của người mà nêu cao điều tốt của người. Đây là lòng dạ quảng đại của bậc quân tử. Theo sách *Trung Dung* (chương 6), Đức Khổng Tử có lần khen vua Thuấn là người *ẩn ác nhi dương thiện* (không phơi bày cái xấu ác mà tán dương cái tốt đẹp của người khác).

Tuy nhiên, có người hiểu “ẩn ác” là bao che cho cái xấu, như thế đồng nghĩa dung túng làm lỗi, tức là không có tác dụng tích cực. Hiểu như vậy nên họ chuộng cách nói thứ hai là **át ác dương thiện**. Át tức là đè nén, chế ngự, ngăn chặn (thí dụ, *át chế*). Vậy át ác dương thiện tức là đè nén không cho cái xấu ác phát triển đồng thời khen ngợi, tán dương điều tốt lành.



Quẻ **HỎA THIÊN ĐẠI HỮU**

Thành ngữ át ác dương thiện có thể tìm thấy trong Kinh Dịch. Quẻ thứ mười bốn tên gọi là Hỏa Thiên Đại Hữu, gồm quẻ Ly (lửa, hỏa) ở trên (thượng quái, cũng gọi ngoại quái) và quẻ Càn (trời, thiên) ở dưới (hạ quái, cũng gọi nội quái). Do đó, giải về hình tượng quẻ này có câu: “*Hỏa tại thiên thượng, Đại Hữu. Quân tử dĩ át ác dương thiện, thuận Thiên hựu mệnh.*”

Ngô Tất Tố dịch: *Lửa ở trên trời, là quẻ Đại Hữu. Đáng quân tử coi đó mà ngăn kẻ ác, biểu dương người thiện, thuận theo mệnh tốt của Trời.*

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch:

*Đại Hữu là lửa trên trời
Hiển nhân xấu giấu, lành thời tán dương.
(Cho đời thêm đẹp, thêm hương)
Đúng theo đường lối, chủ trương của Trời.*

2. Đạo Giáo Trung Quốc có nhiều thiện thư (sách khuyên mọi người làm lành, tạo phúc đức); trong đó, một thiện thư danh tiếng là *Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn*. Đoạn 13 sách này có lời khuyên dân chúng “*thường tu ẩn*

ác dương thiện”, nghĩa là hãy nên luôn luôn nên che giấu điều xấu xa của người mà nêu cao điều tốt lành của người. (Tu trong câu dẫn trên nghĩa là *hãy nên, cần phải*; không có nghĩa là *tu hành*.)

Lại có một giải thích tỉ mỉ như sau: “*Ẩn ác dương thiện tức là thấy người ta dở, có lỗi lầm thì gặp riêng khuyên bảo, đừng ra ngoài nói xấu làm người ta mất hết danh dự; gặp được việc làm tốt của ai thì nên ghi nhớ mà học theo, đồng thời hết sức ca ngợi để mọi người cùng được biết.*”

Tương truyền đây là lời của danh nho Viên Liễu Phàm (1535-1609), tên thật là Viên Hoàng, người đời Minh (Trung Quốc), thi đậu tiến sĩ, tinh thông Tam Giáo. Trong các sách của ông, về mặt khuyên tu, rất nổi tiếng là quyển *Liễu Phàm Tứ Huấn* (bốn bài khuyên dạy hãy làm lành tích đức), từ lâu đã có bản dịch tiếng Việt.

3. Người Việt nói tốt khoe, xấu che. Tục ngữ này được giảng như sau: “Cái gì tốt thì đem ra khoe, cái gì xấu thì che giấu mất. Đó là tánh tự nhiên của người đời.” (Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, *Tự Điển Việt Nam*. Sài Gòn: Khai Trí 1970. Quyển Hạ, Phần II, tr. 321.) Nếu hiểu như vậy thì tục ngữ này không mang ý nghĩa tích cực như thành ngữ ẩn ác dương thiện.

Tại sao ẩn ác dương thiện lại có ý nghĩa tích cực? Vì đây là một cách tu trì, rèn luyện nhân cách, trau dồi đức hạnh.

Luận Ngữ (12:1) chép lời dạy của Đức Khổng Tử: *Phi lễ vật ngôn*. (Không nói điều trái lễ.) Như thế, người tu hành

hay bậc quân tử không đem điều tệ, việc chẳng lành của người khác mà bàn tán, loan truyền, rêu rao, v.v...

Ẩn ác dương thiện cũng là cách giữ giới bất vọng ngữ, để tránh khẩu nghiệp (quả báo xấu do lời ăn tiếng nói). Trong kinh của Minh Lý Đạo có bài *Tịnh Khẩu Chú* do Đức Tây Phương Phật Tổ ban cho môn đồ, gồm bốn câu như sau:

*Lời ăn nói là nơi lỗ miệng
Tiếng luận đàm liệu biện đề phòng
Giữ gìn miệng đặng sạch trong
Thốt lời mình chánh, rèn lòng tụng kinh.*

Hàm ý bốn câu này khuyên người tín đồ phải biết gìn giữ miệng mồm cho tinh sạch để tụng đọc kinh. Giữ sạch mồm miệng không có nghĩa là đánh răng súc miệng, mà là đừng thốt ra những điều trái lễ; đừng nói ra, đừng kể lại những việc trái đạo đức.

4. Ẩn ác dương thiện cũng là thực hành đức công bằng. *Luận Ngữ* (15:24) chép lời Đức Khổng Tử: *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*. (Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho kẻ khác.) Bản thân ta không muốn bị chê bai thì ta đừng chê bai kẻ khác, hãy “ẩn ác” giùm cho họ. Cũng thế, chính ta vui thích khi được khen ngợi thì tại sao không biết khen ngợi kẻ khác? Vậy hãy “dương thiện” giùm cho họ. (Tuy nhiên, phải khen đúng chỗ, hợp lý, chân thành; chứ không phải khen bừa, khen xã giao rồi trở thành kẻ nịnh nọt, khiến cho việc “dương thiện” không có tác dụng tích cực.)

Nhân nói tới tiếng khen, cũng nên nhắc lại rằng theo các nhà giáo dục, nếu một đứa trẻ được khen đúng cách, đúng lúc thì cuộc đời em ấy sẽ thay đổi rất tốt đẹp. Trong một hồi ức cảm động, tiến sĩ Joel Bawilley kể rằng ông xuất thân là một đứa trẻ da màu con nhà nghèo, quê mùa. Năm chín tuổi, chú bé chuyển tới học ở một trường tại thành phố New York, và luôn bị bạn học phân biệt đối xử, lạnh nhạt. Do đó, chú học hành kém sút vì mặc cảm tâm lý chứ không phải vì tối dạ, lười biếng... Thế rồi thầy giáo phụ trách lớp chú bệnh nhiều phải tạm nghỉ; giáo viên dạy thay là thầy Sean, một người da màu. Một hôm, khi thông báo cho cả lớp biết kết quả bài thi giữa học kỳ, thầy Sean đã đặc biệt khen ngợi Joel, rồi yêu cầu chú cuối buổi học hãy đến gặp riêng thầy. Thầy lại vui vẻ khen ngợi chú lần nữa, khuyên chú hãy tiếp tục cố gắng không ngừng... Từ đó trở đi, việc học hành của bé Joel hoàn toàn thay đổi, chú dần dần trở thành học sinh xuất sắc. Thời gian trôi qua, chú vào đại học, rồi trở thành tiến sĩ, rồi làm giáo sư tại viện đại học bang Michigan danh tiếng. Sau bốn mươi năm không gặp lại thầy Sean, đến khi may mắn biết được chỗ ở của thầy giáo cũ, chẳng ngại đường xa, tiến sĩ Joel Bawilley lập tức lái xe vượt ba trăm cây số để thăm thầy. Cuộc tái ngộ thật cảm động và thầy Sean tiết lộ rằng năm xưa bài thi của bé Joel thật ra chỉ đáng vào loại khá, nhưng thầy vẫn hết lời khen ngợi vì biết em đã rất cố gắng. Thầy tâm sự, thuở bé chính thầy cũng không mấy khác hoàn cảnh Joel, nhưng nhờ được một giáo viên khích lệ mà rút cuộc thầy vượt qua hết mọi trở lực. Đó là lý do thầy Sean đã không tiếc lời

khen Joel, một hình ảnh thơ ấu của thầy.

5. Đạo Nho có *Luận Ngữ* ghi chép lời nói của Đức Khổng Tử. Tương tự, đạo Islam có *Hadith* ghi chép lời nói của Thiên sứ Muhammad, đạo Phật có *Kinh Pháp Cú* chép những lời dạy của Đức Phật. Về đạo lý ẩn ẩn dương thiện, tín đồ Islam (người Muslim) và Phật tử được khuyên dạy thế nào?

- Với người Muslim, Hadith đoạn 36 chép: “Bất kỳ ai che giấu [lỗi lầm của] một tín đồ Islam, Allah sẽ che giấu [những lầm lỗi của kẻ ấy] trong đời này và trong kiếp sau. / *Whoever conceals [the faults of] a Muslim, Allah will conceal [his faults] in this life and the Hereafter.*”

Ngoài ra, Hadith đoạn 15 chép: “Bất kỳ ai tin tưởng Allah và Ngày Phán Xét Cuối Cùng hãy nên nói những điều tốt đẹp hoặc là làm thinh, im lặng. / *Whoever believes in Allah and the Last Day should speak good things or keep silent.*”

- Với tín đồ đạo Phật, đoạn 232 trong *Kinh Pháp Cú* khuyên:

*Lời đừng nói ác hại ai
Nói lành, nói thiện miệt mài tu thân.*

6. Đạo Cao Đài có bản *Kinh Cảm Ứng* viết theo thể thơ lục bát. Điều thứ Tư trong *Kinh Cảm Ứng* dạy:

*Rủi may dạ chẳng kiêng dè
Những điều xấu bạn, đem khoe ngạo cời*

Gỗ ganh lòng chẳng hổ người

Trông mong xoi bói của người việc riêng.

7. Các trích dẫn kinh điển trong nhiều tôn giáo khác nhau như trên đây cho thấy dường như phần đông chúng ta dễ có xu hướng thích thú rêu rao, lan truyền khuyết điểm, lỗi lầm người khác mà quên rằng chính bản thân chúng ta vẫn chưa hoàn thiện; chúng ta cũng mắc phải những lỗi lầm tương tự mà lắm khi còn nghiêm trọng hơn lỗi lầm của người khác nữa!

Bởi thế phương Tây có lời khuyên rằng đừng than phiền về tuyết phủ trên nóc nhà hàng xóm trong khi ngưỡng cửa nhà mình chưa sạch. (*Don't complain about the snow on your neighbor's roof when your own doorstep is unclean.*)

Kinh Thánh (Luca 6:41) chép lời Đức Giêsu dạy: “*Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của chính mình thì lại không để ý tới?*”

Người biết ẩn ác dương thiện chẳng những sẽ không phí thời gian “phát tán” chuyện xấu của thiên hạ, mà còn không thèm lắng nghe thiên hạ huyền truyền những chuyện chẳng hay ho được nhật nhạn đầu đường cuối phố, tức là không để cho người khác có dịp nói xấu, đàm tiếu.

Trong *Bắc Cầu Tâm Linh* (Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 13-14), tác giả Huệ Khải kể chuyện ba bình lộc của nhà đại hiền triết Socrates. Khi có người hăm hở toan kể cho Socrates nghe những lời ông tiếng ve liên quan tới bạn của Socrates, thì nhà đại hiền triết liền chặn lại và bảo: “Bản

thân ông không dám chắc những gì thiên hạ đơm đặt về bạn tôi là đúng sự thật. Hơn nữa, ông chỉ thấy chúng chẳng những vô ích mà còn xấu xa. Vậy thì có sao ông lại muốn đem những thứ rác rưởi ấy nhét vào tai tôi chứ?!”

8. Thời nay, từ khi có mạng quốc tế (Internet), rồi thêm Facebook, v.v... thì trong xã hội mau chóng hình thành một khối quần chúng rất đông đảo được gọi là “cộng đồng mạng” hay là “cư dân mạng”. Thế nhưng, bên cạnh những lợi ích rất to tát của Internet và Facebook, lại đồng thời song hành một mặt trái nguy hại không kém.

Phần đông con người vốn có xu hướng hay rêu rao, bàn tán, thêu dệt, phẩm bình chuyện thiên hạ, cho dù bản thân không tận mắt chứng kiến. Thế nên, hễ có một vụ tai tiếng, một “lùm xùm” nào đó kèm theo hình ảnh giật gân được tung lên mạng, thì đám đông lập tức giống như một bầy sói xúm vào xâu xé, đá kích, và nối tiếp nhau sao chép, lan truyền cái chuyện không hay ho đó ra rộng thêm một cách dễ dàng sau vài ngón tay gõ trên bàn phím và một cái nhấp chuột đơn giản. Đám đông xa lạ bất cần đếm xỉa tác hại rất lớn ảnh hưởng đời sống và tinh thần của nạn nhân. Một số nạn nhân vì thế hoặc hoảng loạn, thậm chí có người đã phải tự tử vì quá sức chịu đựng trước dư luận!

Những cư dân mạng đó chỉ biết hả hê, hào hứng với việc tung tin và lan truyền tin xấu, không biết mình đã vô tình gây tạo ra nghiệp ác. Phải chăng vì họ hoàn toàn không được dạy cho biết về đạo lý ẩn ác dương thiện? Vào Youtube, nhan nhản những đoạn video về các nhân vật nữ

có tên tuổi bị bêu riếu là “lộ hàng”! Bản thân Internet, Facebook, v.v... không có lỗi, mà chính là con người hoặc vô tình hay hữu ý đã lạm dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để thỏa mãn cho tánh xấu cố hữu của mình.

Ngày 22-02-2012 tại Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn (Hà Nội) có tổ chức cuộc hội thảo với chủ đề “Văn Hóa Truyền Thông Trong Thời Kỳ Hội Nhập”. Hôm ấy, tham luận của một nhà báo nhìn nhận rằng một số tờ báo đang cố tình khai thác, cố tình đăng tải tin tức theo kiểu càng giật gân càng hay. Để câu người đọc, báo chí đua nhau đưa tin và bình luận về sự kiện, hiện tượng bất thường, do đó đã đưa tới tình trạng chụp giật, lùng sục khai thác thông tin đời tư nạn nhân của các vụ việc rồi đưa từng chi tiết lên mặt báo một cách tỉ mỉ, nếu không nói là xúc phạm người trong cuộc thì cũng hết sức phản cảm, rất cần phê phán (<http://www.chungta.com>, ngày 24-3-2016).

Muốn giải quyết vấn nạn nói trên một cách căn cơ và lâu dài, có lẽ trong nhà trường và trong từng gia đình, con trẻ cần được sớm dạy kỹ về đạo lý ăn ăc dương thiện, và chính người lớn cần làm gương cho trẻ. Mặt khác, những người có trách nhiệm thực hiện và tham gia các loại hình truyền thông đại chúng cần phải có cái tâm lành, có tấm lòng đạo đức, có lương tri. Xã hội chúng ta hiện nay đừng quên học lại những gì người xưa từng khuyên bảo, trong đó có đạo lý ăn ăc dương thiện, tuy xa xưa mà không hề cổ hủ.

DIỆU NGUYỄN
23-3-2016

NHỮNG LẦN ĐƯA TIỀN

TRẦN DÃ SƠN

một

Tiền người đi qua một dặm dài
Mịt mờ sương cát dấu chân phai
Ta không vũ tướng không danh sĩ
Nên thẹn với đời, thẹn với ai.

Mây núi Trường Sơn đùn lớp lớp
Ta về thương màu áo mơ phai
Ta về khê gọi tên bằng hữu
Bóng nhỏ nghiêng nghiêng chiều đỏ dài.

Phố thị tung bùng muôn sắc mới
Mà người giữa phố buồn không hay
Vâng, ta với phố như tên Mán
Uống rượu cho quên những tháng ngày.

Những thàng mặt trắng quay lưng hết
Ta nâng ly mà nghe đắng cay
Thôi trách làm gì câu tiễn biệt
Nợ đời còn trĩu nặng đôi vai.

1969

hai

Tiền người đi mùa lá vàng bay
Ngẫm thân thêm thẹn nợ râu mày
Lần trang sử cũ mơ tri kỷ
Cát vẫn bụi làm tay trắng tay
Thà cứ là người điên giữa chợ
Không thương không nhớ không đắng cay
Áo thơ bạc phếch trắng đầu núi
Hạc nội mây ngàn vỗ cánh bay.
1998

ba

Tiền người đi ai có nhớ ai
Bụi đỏ mờ theo vạt dặm dài
Mỏi mắt trông vời quê quán bạn
Thềm hoang đã mọc mấy lần gai
Chờ trăng đã khuất sau đầu núi
Chén trà thơm mơ chôn Bồng Lai
Trả mùi tục lụy về theo gió
Ngâm khúc đạo ca buổi tàn phai
Lòng không chất chứa nên lòng rộng
Ta chẳng là ta cũng chẳng ai
Nếu bạn hỏi rằng thua hay được
Ta cười: Chỉ là giấc liêu trai
Tiền người đi cây buồn giấu mặt
Ta có buồn đâu, bóng ngả dài.
2015

THĂM MỘ HÀN MẶC TỬ

Ghềnh Ráng đây rồi, đây cảnh mơ
Biển trời lộng lộng, cả trời thơ
Mặc Tử một đời, bao thương tiếc
Quy Nhơn ngày ấy... đến bây giờ

Ai đã một lần ghé lại thăm
Đã từng mừng tượng cội xa xăm
Bơ vơ quê cũ, hồn ngây dại
Chỉ gió trăng, cùng mộng tháng năm

Mặc Tử nằm yên, nay đã yên
Kiếp người, bao mộng ước triền miên
Hạnh phúc, vinh quang ai chẳng muốn
Khổ đau, bất hạnh... có ai tìm

Ghềnh Ráng một chiều nghe nao nao
Lượn lơ mây trắng tít trên cao
Núi đá chềnh vênh, thăm thăm nước
Mặc Tử hồn thơ mãi dạt dào.

ĐỖ THỊ KẾT

15-11-2015

* Nguyễn Trọng Trí (1912-1940), bút danh Hàn Mặc Tử, về với Chúa tại bệnh viện phong (cùi) Quy Hòa (nay thuộc phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định). Mộ nhà thơ ở Ghềnh Ráng, cách Quy Nhơn khoảng 3km. [Văn Uyển chú]

THÌ XIN LÀM BÔNG CỎ

Không là sắc mùa xuân
Không là hương mùa hạ
Chỉ là bụi của trần
Chỉ là rêu của đá

Thì xin làm chót lá
Từng chút xanh muộn măn
Đêm cúi mình làm gậy
Dìu bước hạt sương lãn

Thì xin làm bông cỏ
Che hồn cuội giữa trời
Trộn vào nhau một sắc
Nghìn năm mưa nắng phơi.

HUỲNH VĂN MƯỜI

GỢI BẠN

Đi đi! Về phía lao xao
Tìm lâu đài mộng, xây ao ước cầu
Một mai giữ áo công hầu
Về đây cùng đối ẩm câu vô thường.

VÕ VĂN PHO



THÁNH THẮT TỪ VÂN

100 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, TpHCM

Thứ Bảy 05-3-2016: **Giáo Sư Thượng Văn Thanh** (Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) cùng với Đoàn Phổ Tế Lưu Động chụp ảnh lưu niệm nhân dịp tổng kết đạo sự ba tháng cuối năm Ất Mùi (2015) của Đoàn Phổ Tế Lưu Động, và sinh hoạt tân niên Bính Thân (trao đổi về kinh nghiệm bình giảng thánh giáo).

Ảnh: Nguyễn Thế Tuấn

Trưởng Ban Phổ Tế, thánh thất Trung Hải (Đà Nẵng)

ĐOÀN PHỔ TẾ LƯU ĐỘNG

thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

NGUYỄN CÔNG KHÁNH

Nhằm mục đích yểm trợ cho sinh hoạt phổ tế ở các họ đạo, cơ sở đạo, kết hợp phổ biến các thông tin của Giáo Hội đến bốn đạo, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đã chấp thuận cho Cơ Quan Phổ Tế tổ chức Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

Từ lúc hình thành Đoàn Phổ Tế Lưu Động cho đến hôm nay, thời gian đã được một năm, trong đó có ba tháng thực thi đạo sự phổ tế cùng với sinh hoạt tu học. Sau đây là đôi nét về Đoàn Phổ Tế Lưu Động thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài:

1. Kế hoạch tổ chức Đoàn Phổ Tế Lưu Động

Kế hoạch tổ chức Đoàn Phổ Tế Lưu Động do Cơ Quan Phổ Tế đệ trình đã được Hội Thánh chấp thuận trong phiên họp ngày 13-01 Ất Mùi (03-3-2015). Nội dung kế hoạch đã xác định mục đích, cơ cấu nhân sự điều hành, và các bước thực hiện. Hiện nay, thành phần điều hành Đoàn gồm có:

Trưởng Đoàn: Giáo Hữu THƯỢNG KHÓA THANH

Phó Đoàn 1: Đạo huynh NGUYỄN HUỆ QUANG

Phó Đoàn 2: Đạo huynh NGUYỄN CÔNG KHÁNH

2. Nội Quy Hành Đạo của Đoàn Phổ Tế Lưu Động

Căn cứ kế hoạch đã được Hội Thánh phê chuẩn, Ban Điều Hành Lâm Thời đã soạn thảo Nội Quy Hành Đạo của Đoàn và được Cơ Quan Phổ Tế thông qua vào ngày 08-3 Ất Mùi (26-4-2015). Nội quy này ấn định các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên và cách thức làm việc trong đoàn, cũng như đặt ra những tiêu chí cần thiết cho việc tuyển dụng thành viên Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

3. Chiêu sinh

Ngày 12-4 Ất Mùi (29-5-2015), đạo văn thông báo chiêu sinh số 48/PT-15 đã được Cơ Quan Phổ Tế gửi đến các họ đạo và cơ sở đạo. Sau hơn một tháng, có 46 hồ sơ xin dự tuyển từ 29 họ đạo và 2 cơ sở đạo, gồm 37 nam ứng viên và 9 nữ ứng viên.

Các hồ sơ đăng ký đã thể hiện tinh thần hăng hái phụng sự Giáo Hội của các nam nữ ứng viên. So với điều kiện dự tuyển có 13 hồ sơ không hợp lệ; tuy nhiên, trong tinh thần dùi dặt nhau trên đường tu học lập công, Cơ Quan Phổ Tế đã chấp nhận cho các ứng viên này được dự khảo tuyển.

4. Khảo tuyển giai đoạn 1

Việc khảo tuyển giai đoạn 1 được tổ chức tại hai địa điểm là Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng) và thánh thất Từ Vân (Phước Nhuận, TpHCM). Các ứng viên phải thực hiện một bài viết trong thời gian 120 phút với một đề tài do Cơ Quan Phổ Tế đặt ra. Đây là bước khảo sát kiến văn, học nghiệm của các ứng viên. Các ứng viên cũng được yêu cầu

thực hiện một Phiếu Tham Khảo về sở trường và điều kiện tham gia Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

Kết quả giai đoạn 1 có 40 ứng viên được Cơ Quan Phổ Tế chấp thuận chuyển sang khảo tuyển giai đoạn 2.

5. Khảo tuyển giai đoạn 2

Khảo tuyển giai đoạn 2 được tổ chức tại Trung Hưng Bửu Tòa vào hai ngày 30-7 và 01-8 Ất Mùi (12 và 13-9-2015), có 37 ứng viên tham gia. Ở giai đoạn này, các ứng viên đã được Hội Đồng Giám Khảo gồm sáu chức sắc đại diện của năm Cơ Quan trong Hội Thánh (Hành Chánh, Phước Thiện, Minh Tra, Phổ Tế, và Nữ Phái) “sát hạch” qua hai câu hỏi dành cho mỗi ứng viên: (a) Một câu do ứng viên chọn trong số 40 câu hỏi in sẵn; (b) Một câu hỏi trực tiếp từ Hội Đồng Giám Khảo. Thời gian trả lời hai câu hỏi này không quá 20 phút.

Hội Đồng Giám Khảo đã đánh giá kết quả dự tuyển của mỗi ứng viên qua nội dung phần trả lời hai câu hỏi, cách ứng xử tình huống và tác phong ứng viên khi xuất hiện trước đạo hữu.

Căn cứ kết quả khảo tuyển hai giai đoạn 1 và 2, Cơ Quan Phổ Tế chấp nhận cho 34 ứng viên bước tiếp sang giai đoạn 3: Tập huấn.

6. Giai đoạn 3: Tập huấn

Giai đoạn 3 được tổ chức tại Trung Hưng Bửu Tòa trong ba ngày 09, 10 và 11-10 Ất Mùi (20, 21, và 22-11-2015), có 30 ứng viên tham dự.

Trong giai đoạn này các ứng viên được trang bị bổ sung phần kiến thức, kỹ năng và đặt ra những yêu cầu cần có của người Phổ Tế Lưu Động qua việc học tập và thảo luận các chủ đề sau: (a) Con đường trung đạo; (b) Vai trò Phổ Tế; (c) Bản lĩnh cùng tác phong đạo hạnh của thành viên Phổ Tế Lưu Động; (d) Tín, Nguyện, Hạnh của thành viên Phổ Tế Lưu Động; (e) Kỹ năng thuyết trình; (f) Nội Quy Hành Đạo của Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

Sau phần học tập và thảo luận, các ứng viên thực hiện phần kiểm tra bằng cách trả lời 50 câu hỏi trắc nghiệm để kết thúc khóa tập huấn.

Các ứng viên đạt yêu cầu trọn ba giai đoạn được Cơ Quan Phổ Tế cấp một Sổ Hành Đạo và một sổ tư liệu cơ bản làm hành trang bước vào hành trình phụng sự Giáo Hội với danh nghĩa thành viên Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

7. Hành đạo và học tập

Cho đến lúc này tất cả 33 thành viên Đoàn Phổ Tế Lưu Động (bao gồm thành phần điều hành) đã nhận nhiệm vụ giao phó của Hội Thánh nói chung và Cơ Quan Phổ Tế nói riêng trên tinh thần: (a) Tôn trọng tổ chức; (b) Tự nguyện; (c) Tự giác; (d) Không ngại khó.

Và hứa nguyện: (a) Hành đạo trên tinh thần tích cực phụng sự; (b) Lấy Thuần Chân Vô Ngã làm phương châm tu tiến; (c) Giữ hạnh khiêm cung trong mọi giao tiếp xử sự; (d) Luôn cố gắng làm tròn bổn phận giữ đạo và truyền đạo của người tín đồ Cao Đài.

Sau khi nhận nhiệm vụ, từ ngày 11-10 Ất Mùi (22-11-2015), Đoàn Phổ Tế Lưu Động đã nhận được yêu cầu yểm trợ từ các họ đạo như: Trung Thạnh, Hội An, Trung Đông, Lý Sơn, Vệ Long Trung, Trung Hòa (Quảng Ngãi), và Ngọc Linh Đài. Sau đó Đoàn chỉ kịp thực hiện thuyết trình các đề tài trong mùa Chung Niên Sám Hối tại ba họ đạo (Trung Thạnh, Hội An, và Trung Đông); bốn họ đạo còn lại phải hẹn qua năm Bính Thân.

Ngày 27-01 Bính Thân (05-3-2016), Đoàn tổ chức kỳ họp đầu tiên để ôn lại đạo sự sau ba tháng hành đạo đồng thời trang bị thêm một số kiến thức, kinh nghiệm học thánh giáo và kỹ năng truyền đạt thánh giáo đến đạo hữu.

Tại buổi họp, qua phản ánh của các thành viên, Đoàn nhận thấy các thành viên còn gặp nhiều lúng túng và khó khăn trong bước đầu tiên hành, triển khai đạo sự phổ tế lưu động; trong đó, ưu tư nhất là thiếu tài liệu phổ tế và kỹ năng truyền đạt.

Phần lớn thời gian trong ngày dành cho phần học tập.

Buổi sáng, theo lời mời của Đoàn, đạo huynh Huệ Khải đã đến thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận) để chia sẻ kinh nghiệm bình giảng thánh giáo.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Đạo huynh Huệ Khải đã giải tỏa nỗi e ngại của một số thành viên vốn ngỡ rằng để nói “bình giảng thánh giáo” tức là “phẩm bình thánh giáo” thì ắt thất lễ với Ông Trên. Theo đạo huynh, khi nói “bình thơ” có nghĩa là ngâm và giải nghĩa từng câu thơ, nói “bình văn” nghĩa là đọc lên bài văn và giải nghĩa từng câu,

Buổi chiều, Đoàn nghe phần thuyết trình của đạo huynh Nguyễn Một, thành viên của Đoàn, chia sẻ suy nghĩ qua đề tài “Tìm Hiểu Kinh, Thánh Giáo Dưới Góc Nhìn Ngôn Ngữ Văn Học”.

Trong hai buổi sáng và chiều, sau mỗi phần trình bày của từng đạo huynh, đều có thảo luận và giải đáp thắc mắc của các thành viên tham dự.

Trong buổi sáng còn có mặt đạo tỷ Diệu Nguyên và đạo tỷ đã chia sẻ những kinh nghiệm rất bổ ích về việc tìm học và chuyển tải thánh giáo đến đạo hữu, làm sao để người bình giảng tiếp nhận được ơn soi dẫn, phù trợ của các Đấng thiêng liêng, nhờ đó mà lời bình giảng dễ đi sâu vào lòng đạo hữu...

Đạo huynh Huệ Khải và đạo tỷ Diệu Nguyên đã thể hiện tinh thần ủng hộ tích cực Đoàn Phổ Tế Lưu Động qua việc dành nhiều thời gian quý báu để tham gia trao đổi, thảo luận với các thành viên Đoàn Phổ Tế Lưu Động suốt hai buổi sáng và chiều ngày hôm đó.

Đặc biệt, Đoàn Phổ Tế Lưu Động cũng hân hạnh đón tiếp Anh Lớn Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế Hội Thánh) đến thăm, khuyến khích, và

từng đoạn. Vậy, nói “bình giảng thánh giáo” nghĩa là đọc (và ngâm) thánh giáo, rồi giải nghĩa bài thánh giáo. Phần lớn thời gian nói chuyện, đạo huynh chia sẻ những điều cần lưu ý mỗi khi giảng thánh giáo, và minh họa mỗi trường hợp bằng các vé thi trích trong *Thánh Truyền Trung Hưng* của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

tham gia sinh hoạt với Đoàn trọn cả buổi chiều.

Sau cùng, Giáo Sư Thượng Văn Thanh, huynh tỷ Huệ Khải - Diệu Nguyên, cùng với các thành viên của Đoàn Phổ Tế Lưu Động đã chụp ảnh lưu niệm một buổi sinh hoạt học tập đầu xuân rất bổ ích và thắm tình đạo mạch.

8. Thay lời kết

Để thay cho phần kết thúc bài giới thiệu Đoàn Phổ Tế Lưu Động thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, chúng tôi xin mượn bài thơ của đạo huynh Huệ Khải đã trao tặng cho Đoàn trong buổi sáng 27-01 Bính Thân vừa qua:

KÍNH CHÀO ĐOÀN PHỔ TẾ LƯU ĐỘNG
HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

*Xin chào bạn, những đoàn viên Phổ Tế
Từ hôm nay lưu động khắp gần xa
Bình thánh ngôn, giảng thánh giáo Đạo nhà
Giúp tín chúng tỏ tường từng lý lẽ*

*Ngày sóc vọng sẽ vui thêm biết mấy
Áo trắng về trắng thánh sở mỹ miều
Cùng học hành lời các Đấng thương yêu
Cho tỉnh thức tâm linh bừng trời dậy*

*Kho thánh giáo mấy mươi thu chờ đợi
Nay có rồi Đoàn Phổ Tế nhiệt tình
Dốc tuệ tài phô diễn để xương minh
Nguồn chánh pháp vốn cao thâm vời vợi*

TRỌNG TRÁCH PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

*Đuốc tuệ khêu rọi đàng tâm tối
Trống truy hồn giục lối bốn phương
Pháp môn chế luyện cho thường
Phổ thông giáo lý phô trương lẽ Trời.*

Đức **THÁI BẠCH KIM TINH**
Thánh thất Trung An, ngày 18-4 Ất Mùi (08-6-1955)

*Trung Hưng kiến tạo đại đồng
Mở đường giáo lý Tây Đông hòa bình.*

Đức **CỬU NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG**
Linh Tháp, ngày 08-4 Bính Thân (17-5-1956)

*Đầu năm mới, một đấng trình phần khởi
Phổ Tế viên lưu động nối nhau đi
Xin nguyện cầu Ôn Thánh Triết diệu kỳ
Nâng đỡ gót dặm dài không biết mỏi
Chào Phổ Tế, đường rộng bày muôn lối...*

Xin cầu nguyện Thầy Mẹ và các Đấng thiêng liêng soi dẫn, Hội Thánh và nhân sanh hộ trì cho Đoàn Phổ Tế Lưu Động hoàn thành nhiệm vụ trên đường hành đạo lập công.

TM. Đoàn Phổ Tế Lưu Động
Phó Đoàn 2: **NGUYỄN CÔNG KHÁNH**

CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LÂM ĐỒNG

NHÂN NGÔN

Tỉnh Lâm Đồng nằm về hướng nam Tây Nguyên, gồm có hai thành phố (Bảo Lộc, Đà Lạt) và mười huyện (Bảo Lâm, Cát Tiên, Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Đam Rông, Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lâm Hà). Hiện nay ở tỉnh Lâm Đồng có mười tám thánh sở thuộc bốn Hội Thánh Cao Đài.

1. Hội Thánh Cao Đài Ban Chỉ Đạo

Thánh thất Bồng Lai: thôn Bồng Lai, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng. ☎01688213854.

Thánh thất Đà Lạt: thành phố Đà Lạt. ☎0633570505.

Thánh thất Phú Sơn: xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà. ☎0633855183.⁽¹⁾

Thánh thất Quảng Lạc: thôn Quảng Lạc, thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương. ☎01645862958.

Thánh thất Xuân Sơn: xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt.

⁽¹⁾ Thánh thất Phú Sơn hình thành vào thập niên 1940.

2. Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan

Thánh thất Liên Bồng: khu phố 6, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng. ☎01662604879.

3. Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh

Thánh thất Bồng Lai (họ đạo Đức Trọng): thôn Bồng Lai, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng. ☎01677088528.

Điện thờ Phật Mẫu Bồng Lai: thôn Bồng Lai, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng.

Thánh thất Di Linh và điện thờ Phật Mẫu Di Linh: 391 Hùng Vương, khu 1, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh. ☎0633871305.

Thánh thất Đa Phước và điện thờ Phật Mẫu Đa Phước: phường 11, thành phố Đà Lạt. ☎0633829770.

Thánh thất Phước Khánh và điện thờ Phật Mẫu Phước Khánh: thôn Đường Mới, đường 412, thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương. ☎0633519243.⁽²⁾

Điện thờ Phật Mẫu họ đạo Bảo Lộc: 168/6 Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc. ☎0633725299.

Nhóm tín hữu ở thôn Cát Lâm, xã Phước Cát 1, huyện Cát Tiên: ☎01645402901. (Trong lúc còn chờ hoàn tất thủ tục pháp lý để hình thành thánh thất, các đạo hữu sinh hoạt

⁽²⁾ Vào năm Mậu Dần (1938) Quyền Khâm Châu Đạo quận đạo Đà Lạt (bấy giờ Đà Lạt là quận) đến truyền đạo tại quận D'ran, sau này hình thành thánh thất Phước Khánh.

tín ngưỡng tại nhà riêng của một vị chánh trị sự nữ. Nghi lễ do một vị chánh trị sự nam phụ trách.)

4. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

Thánh thất Trung Dương: thôn Lạc Thiện, thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương. ☎0633849725.

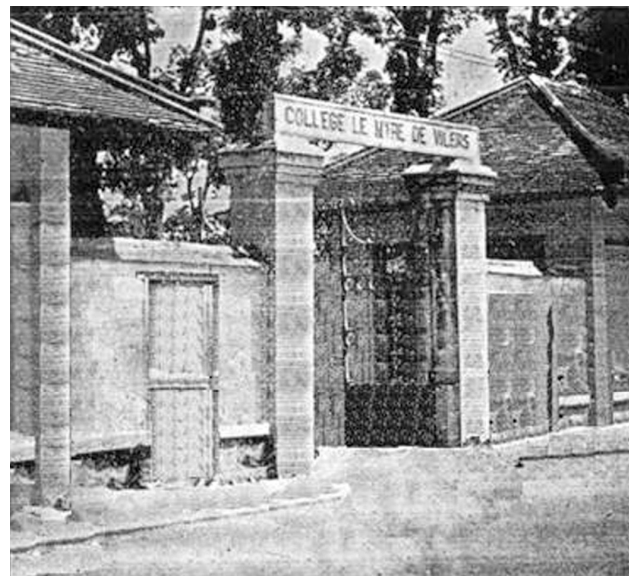
Cơ sở đạo Cát Tiên: thôn Cát Lương, xã Phước Cát 1, huyện Cát Tiên. ☎01694358158.

Cơ sở đạo Liên Châu: thôn 10, xã Liên Đàm, huyện Di Linh. ☎0973707282.

Đại Đạo Văn Uyên ra đời với thiện ý trở thành “mảnh vườn nhỏ” của cộng đồng áo trắng gần xa. Do đó, Ban Ấn Tổng rất vui khi nhận được những “hoa kiếng” do quý tín hữu Kỳ Ba từ địa phương của mình gửi về, để ương trồng tại mảnh vườn chung này.

Thật vậy, những hình ảnh và bài viết của hiền huynh **NHÂN NGÔN** (thánh thất Trung Dương, thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng) giúp cho Văn Uyên thêm màu sắc xinh tươi.

Bài và hình ảnh của hiền huynh cũng khiến chúng tôi chạnh nhớ hai người bạn quá cố của chúng ta: *Đạt Linh Nguyễn Văn Tài* và *Đạt Truyền Hà Văn Phú*. Trong những giờ cúng thời, tu tịnh, chúng ta hãy hiệp tâm cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn cho hai người bạn rất thân thiết của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng.



GÓC
ẢNH
LỊCH
SỬ

H.Kh. st.

Nghị định ngày 17-3-1879 của Thống Đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers thành lập collège de Mỹ Tho tại tỉnh Mỹ Tho (nghị định bổ sung ngày 14-6-1880). Ngày 02-12-1942, trường đổi tên là collège Le Myre de Vilers. Nghị định 179-NĐ ngày 22-3-1953 của Tổng Trưởng Giáo Dục Nguyễn Thành Giung đổi tên trường là trung học Nguyễn Đình Chiểu. Nhiều vị tiền khai Cao Đài đã học trường này.



ĐẾN VỚI NGÀY VUI THÁNH THẤT TÂN PHÚ 1

LÊ THỊ NÔ

Trời mờ sáng, chiếc xe mười sáu chỗ bắt đầu lăn bánh. Chúng tôi khởi hành từ thánh thất Tân Nhuận Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp) trực chỉ phà Đình Khao thuộc tỉnh Vĩnh Long để sang tỉnh Bến Tre dự lễ khánh thành thánh thất Tân Phú 1. Mọi thứ lo toan về cuộc sống đời thường bỏ lại phía sau, trước mắt thênh thang con đường tu học, hành đạo.

Đạo hữu Thanh Tùng trẻ tuổi nhất trong đoàn, bao giờ cũng chu đáo và nhiệt tình. Tuy rất bận bịu trong công việc của một doanh nhân, nhưng khi có đạo sự Thanh Tùng lại thu xếp việc đời, sốt sắng lấy xe đưa họ đạo đi giao lưu, học hỏi và hành đạo.

Mọi người đều hoan hỷ, vì chuyến đi được trang bị đủ thứ: nước uống, bánh bao chay ăn sáng, thùng kính sách nhỏ (chọn từ chương trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo để chia sẻ lại họ đạo ở xa), và có cả những lương khô cần thiết chuyển về Hội Thánh Ban Chính Đạo.

Tuy sinh trưởng ở miền Tây, nhưng khi đối cảnh thiên nhiên sông nước hữu tình của vùng đất nổi tiếng về cây ăn quả, vào buổi sáng tinh mơ, không khí trong lành, không



Ảnh: Thanh Tùng

Nữ phái Tân Nhuận Đông trước thánh thất Tân Phú 1.

gian tĩnh lặng, thánh khiết, chúng tôi có cảm giác lâng lâng sáng khoái.

Tới phà Tân Phú, mới 6 giờ rưỡi sáng. Bên phà vắng khách, chúng tôi có dịp xuống xe, nhìn chung quanh, và không ngớt trầm trồ vườn sa kê bát ngát trước mắt. Sự ưu đãi quá lớn của Hóa Công ban cho vùng đất phù sa màu mỡ này, cùng với sự cần cù lao động của con người đã làm nên sức sống tươi mát yên bình cho Bến Tre, thánh địa của Cao Đài Ban Chính Đạo.

Qua phà Tân Phú, theo bản đồ hướng dẫn lộ trình, chúng tôi dễ dàng nhận ra đường vào thánh thất. Gởi xe ngoài ngã tư Tân Bắc, theo dòng người áo trắng, chúng tôi cảm nhận được sự an bài, soi dẫn của Thầy Mẹ. Mấy năm gần đây, những thánh tịnh, thánh thất vẫn liên tục xây dựng, khánh thành; kinh sách có điều kiện in ấn phổ biến, và những người con áo trắng có cơ hội chiêm ngưỡng, sẻ chia, mở rộng đời sống tâm linh, tinh tấn trên con đường tu học trong thời tận độ.

Trước kia thánh thất Tân Phú 1 nguyên là một nhà tu cất trên diện tích 3.291,5 mét vuông, do ông Hà Văn Khoan phụng hiến. Nhà tu tọa lạc ở đầu cù lao Bảo, thuộc ấp Tân Nam, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, nằm gần tỉnh lộ 884 về phía nam khoảng 300 mét, trực thuộc họ đạo Tiên Thủy. Những vị hướng đạo đầu tiên khai lập nhà tu là quý ông Hà Văn Khoan, Văn Ngọc, Văn Hượm và quý bà Hương Lợi, Hương Huồn. Số tín đồ bấy giờ là 113 vị (gồm 51 nam, 62 nữ).

Sau khi nhà tu Tân Phú hoàn thành, Ban Quản Lý cùng toàn đạo tu hành theo đường lối hành đạo của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương. Cơ sở phước điền có diện tích 4.363 mét vuông đất vườn do ông Văn Ngọc phụng hiến để toàn đạo có nơi làm công quả, tạo huê lợi cho nhà tu.

Lần hồi người nhập môn vào đạo ngày càng đông, cơ sở nhà tu không còn đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhơn sanh đang gia tăng.

Năm 1945, Hội Thánh cho phép lập họ đạo Tân Phú và xây dựng thánh thất theo Đạo lệnh số 01/ĐLTT ngày 26-10 Ất Dậu (Thứ Sáu 30-11-1945).

Trải qua bao nhiêu thăng trầm, họ đạo Tân Phú vẫn vững vàng phát triển, góp phần làm cho danh Đạo tỏa sáng. Thánh thất đã được chính quyền công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa.

* Từ 1945 đến 1974, quý vị Đầu Họ Đạo gồm có:

1945-1949: Giáo Hữu Ngọc Trọng Thanh.

1950-1954: Giáo Hữu Thái Bí Thanh.

1954-1958: Giáo Hữu Thái Chức Thanh.

1958-1962: Giáo Hữu Thượng Minh Thanh.

1962-1968: Giáo Hữu Thái Năng Thanh.

1969-1974: Giáo Hữu Thái Khoan Thanh.

* Từ 1975 đến nay, quý vị Quyền Đầu Họ Đạo gồm có:

1975-1982: Lễ Sanh Ngọc Quế Thanh.

1983-2008: Lễ Sanh Ngọc Bản Thanh.

2009 đến nay: Lễ Sanh Thái Nhị Thanh.

Được Hội Thánh chấp thuận, vào ngày 06-12 Giáp Ngọ (Chủ Nhật 25-01-2015) họ đạo tổ chức lễ khởi công xây dựng lại thánh thất Tân Phú 1 theo mẫu Hội Thánh quy định. Công trình hoàn tất và lễ khánh thành được tổ chức vào ngày 12-02 Bính Thân (Chủ Nhật 20-3-2016).

Buổi lễ được tổ chức rất long trọng và trang nghiêm với sự giúp đỡ của Hội Thánh và chính quyền. Trong hoàn cảnh chung của Bến Tre và nhiều tỉnh miền Tây là nước sinh hoạt đang bị nhiễm mặn, ban tổ chức vẫn vượt qua những khó khăn để tiếp đãi quan khách gần xa vô cùng niềm nở, ân cần và chu đáo.

Theo bản báo cáo kết quả xây dựng, chúng tôi biết rằng ngoài số tổng thầu (986.210.000 đồng) và tổng xuất (1.459.200.000 đồng), còn có sự đóng góp tích cực của quý đạo tâm về vật tư (670 bao xi măng), và công quả lao động (768 ngày), đồng thời còn có rất nhiều nhu yếu phẩm phục vụ trong suốt quá trình xây dựng. Hèn chi, trên gương mặt rạng rỡ của các tín hữu sở tại vẫn đang ánh lên niềm tự hào về sự đóng góp của mỗi người vào ngôi nhà chung này.

Chúng tôi thầm tạ ơn các Đấng Cao Dày đã tạo duyên lành cho các tín đồ, đạo tâm cùng góp phần công quả, để mọi người có ý thức làm chủ trong xây dựng và bảo tồn cơ sở vật chất, làm nền cho mọi sinh hoạt tu học tâm linh.

Giã từ thánh thất Tân Phú I, hướng về thành phố Bến

Tre, lòng chúng tôi mãi ngân nga hai câu lục bát treo trước Hiệp Thiên Đài:

Cầu xin trăm họ bình an

Nước giàu dân mạnh thanh nhàn muôn năm.

Đây không chỉ là hai câu kết thúc *Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối* mà Đức Đông Phương Lão Tổ ban cho tín hữu chúng ta; đây cũng là nguyện ước chung của người tín hữu Cao Đài về mặt nhân sinh thế đạo.

LÊ THỊ NÔ

Văn Uyên rất vui khi được quý đạo hữu các nơi gửi bài và hình ảnh tường thuật sinh hoạt tu học tại địa phương mình.

Những thông tin bổ ích này giúp cộng đồng áo trắng chúng ta thêm gần gũi nhau, vì có dịp hiểu biết nhau.

Những tin vui từ các họ đạo luôn luôn mang lại những hiệu ứng tích cực, giúp đồng đạo chúng ta thêm lạc quan, phấn khởi, thấy rằng sự thành tựu của họ đạo bạn cũng là của họ đạo mình, vì tất cả đều là anh chị em linh sơn cốt nhục có chung một Ngọc Đế Trời Cha.

Bằng những tình cảm mỹ miều như vậy, đàn con áo trắng chúng ta đang thật sự xích lại với nhau, cùng thổi bùng lên ước vọng về một Hội Thánh Cao Đài thống nhất cho đúng lời Thầy dạy (20-02-1926): “*Máy nhánh rồi sau cũng một nhà.*”

VÌ SAO TÔI VÀO ĐẠO CAO ĐÀI

NGUYỄN VĂN NGHĨA

Tôi xuất thân trong một gia đình nghèo, cha mẹ đều là tín hữu Cao Đài. Khi tôi mới lên ba tuổi thì mẹ mất sớm, cha vẫn ở vậy chăm sóc con cái. Thời buổi chiến tranh loạn lạc nên Đạo luôn di dời đến nơi an toàn; cha tôi vẫn luôn trung kiên và nương sống gần Đạo, nhờ vậy từ thuở nhỏ tôi được theo học Đạo Đức Học Đường ở Tòa Thánh Tây Ninh.⁽¹⁾ Mỗi khi vào lớp, tất cả học trò đều đứng nghiêm

⁽¹⁾ Tháng 9-1928 Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh thành lập Đạo Đức Học Đường (bậc tiểu học) và khai giảng năm học đầu tiên, có tất cả hai trăm mười học sinh. Năm 1931, Đạo Đức Học Đường mở được tám lớp. Năm 1932 mở được mười một lớp, với bốn trăm mười bảy trẻ (gồm ba trăm mười hai nam và một trăm lẻ năm nữ). Năm 1941 quân đội Pháp chiếm giữ Tòa Thánh Tây Ninh, đóng cửa Đạo Đức Học Đường. Khoảng tháng 9-1946, Hội Thánh tái lập Đạo Đức Học Đường trên khu đất mới vì trường cũ đã hư hoại. Các lớp mái tranh vách đất được gấp rút xây dựng cho kịp khai giảng niên khóa 1946-1947. Năm 1952 Đạo Đức Học Đường có sáu mươi lớp với mái lợp tranh, tường xây gạch đất không nung; chỉ có một dãy lớp mái ngói dành cho các lớp năm thứ nhất, thứ nhì (1ère année, 2ème année). Trường có mười lớp cao đẳng (cours supérieur). Khi lên bậc trung học thì các trẻ được chuyển ra trường Lê Văn Trung (về sau trở thành trường trung tiểu học Lê Văn Trung). Để biết thêm chi tiết, có thể đọc: Huệ Khải, *Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014, tr. 37-40. (Văn Uyển chú)

trang đọc bài *Kinh Vào Học*:

*Đại Từ Phụ xin thương khai khiêu
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ
Gần điều nên, lánh lẽ hư
Nương gương thân huệ đặng trừ nghiệt căn...*

Chúng tôi luôn luôn được thầy cô dạy bảo cẩn kỹ trong việc ứng xử, ráng tập cho thành thói quen hằng ngày: Phải biết kính trọng người lớn, vâng lời thầy cô, yêu thương cha mẹ, hòa thuận với anh chị em và bạn học...

Có buổi đọc đường đến trường, tôi rất ngạc nhiên khi lần đầu tiên gặp một ông cụ có lẽ đã trên bảy mươi tuổi đang đi ngược chiều với ông mặc đạo phục trắng khoảng chừng năm mươi tuổi. Khi đến gần nhau, ông cụ dừng chân đứng nghiêm trang chấp tay cúi đầu chào; ông mặc đạo phục trắng cũng chấp tay xá đáp lễ. Sau đó hai người tiếp tục đường ai nấy đi. Nhưng hình ảnh này tạo cho tôi một ấn tượng rất tốt đẹp cùng với lòng thắc mắc.

Về nhà tôi kể lại chuyện ấy cho cha tôi nghe và hỏi vì sao ông cụ làm như thế. Cha tôi cho biết ông trẻ tuổi hơn là một vị chức sắc nên tín đồ dù lớn tuổi hơn cũng phải kính cẩn thủ lễ.

Trong những ngày cúng đàn dịp sóc vọng hay lễ vía các Đấng, tôi thường theo cha đến thánh thất, điện thờ Phật Mẫu. Tôi cũng thích nghe hàng giáo phẩm giảng đạo vào cuối buổi cúng đàn.

Năm tôi mười tám tuổi, cha tôi bảo hãy nhập môn vào

Đạo nhưng tôi vẫn chần chừ, do dự. Tôi nghĩ mình đã sống trong vùng Đạo, lâu nay cũng được nghe giáo lý, cũng ăn chay với cha mười ngày một tháng, chỉ cần sống tốt với mọi người là được rồi, cần chi phải nhập môn.

Tuy vậy, khi lớn lên sống ở nhiều địa phương, gặp nơi nào có thánh thất Cao Đài, kể cả chùa Phật hay nhà thờ Thiên Chúa, thì tôi đều tìm đến để nghe giảng đạo, không có ý tưởng phân biệt tôn giáo vì nghĩ rằng tôn giáo nào cũng đều dạy con người hướng thiện.

Khi lập gia đình, bước vào trường đời bon chen trong cuộc sống đủ trò danh lợi tài sắc vây quanh, tôi mới cảm nhận rõ những tình cảm thường trỗi dậy như giận hờn, thương ghét, buồn vui, ham muốn, v.v... Trong đó vui ít mà buồn nhiều. Có những lúc khổ cực, thiếu thốn, càng lo lắng càng thêm chán nản, tôi chợt nhớ đến lời chức sắc giảng câu “*Tri túc thường túc, chung thân bất nhục*” (Biết đủ thì thường đủ và cả đời không phải chịu nhục), nhờ vậy mà vơi bớt lo toan.

Có lúc được thuận lợi cuộc sống đầy đủ hơn, ai cũng nghĩ rằng có vật chất đầy đủ thì tinh thần thoải mái. Nhưng qua thực tế, tôi lại cảm nhận rằng giữa vật chất và tinh thần luôn tác động lẫn nhau: Muốn đạt được vật chất thì lao tâm khổ trí; tính toán càng nhiều thì phải lao lực, khổ thân. Suốt thời gian dài phấn đấu để tạo nên sự nghiệp, tham vọng đó không phải chỉ lo cho bản thân mà còn lo cho tương lai con cháu... Thế rồi, một hôm tất cả những gì nhọc nhằn bòn mót, tích lũy phút chốc tiêu tan. Nhờ vậy, tôi nhận rõ thế

nào là giấc mộng phù du. Cuộc đời này luôn biến đổi, vô thường, không bền chắc, không tồn tại, ngay cả thân xác mình cũng không giữ được. Từ đó tôi mới nhận thức rõ Đạo không chỉ chú trọng giúp con người hướng thiện, cách đối nhân xử thế, mà còn giúp con người biết kềm chế lục dục thất tình trước bao nghịch cảnh của dòng đời. Tôi càng thấm thía lời các Đấng dạy bảo:

- *Mê luyến hồng trần mang ách khổ*

Con vui qua khỏi lệ sầu tuôn.

- *Giặt giành rớt cuộc cũng tay không*

Nhân quả đeo mang tội chất chồng

Ví biết phép công cơ thưởng phạt

Đường tu sớm bước, chí thông dong.

- *Cần lo học đạo chí đừng lơ*

Phú quý sương tan lộ bóng Trời

Lợi lộc xô xao rồi một kiếp

Nghĩa nhơn tích trữ để muôn đời.⁽²⁾

Có lần đến nhà người bạn chơi, tôi thấy bé gái khoảng sáu tuổi, tròn trịa dễ thương, đang chạy chơi trước sân nhà; thỉnh thoảng cháu chạy ù đến bên cái bàn có để sẵn chén cơm, lấy miếng dưa leo chấm vào muối, nhai rồi đưa muỗng cơm vào miệng. Tôi hỏi thì bạn tôi nói là cháu thích ăn vậy, không thích ăn thịt cá.

Có lần khác, tôi thấy một cháu trai khoảng năm tuổi ở

⁽²⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, phần *Thi Văn Dạy Đạo*.

gần nhà đưa cục đường vào miệng chép rồi nhả ra chén, xong đưa muỗng cơm vào miệng ăn một cách ngon lành. Tôi tự thấy hổ thẹn vì không bằng chúng nó, muốn ăn chay mười ngày như trước đây cũng không giữ được! Tôi nghĩ chắc kiếp trước các cháu biết tu rồi; còn mình nặng nghiệp, cứ mãi mê đời!

Mỗi khi chứng kiến điều gì cũng làm cho tôi luôn suy nghĩ: Tại sao có kẻ giàu người nghèo? Tại sao có người rất xinh đẹp và người tật nguyền? Sau mới hiểu rằng là do nhân quả tạo gây, gieo nhân gì thì hưởng quả đó. Đến ba mươi tuổi tôi mới bắt đầu tỉnh thức.

Từ đó tôi cố tìm đọc thánh ngôn, thánh giáo kể cả kinh sách nhà Phật. Tuy lời giáo hóa của các Đấng khác nhau nhưng cùng một chân lý, mục đích cuối cùng đều dẫn dắt con người tìm con đường giải thoát.

Tôi bắt đầu thực nghiệm dần lời dạy của các Đấng, áp dụng trong cuộc sống, thấy lòng mình ngày càng thanh thản hơn, trút bớt những ưu tư phiền muộn. Tôi mới ngộ được rằng con đường giải thoát không chỉ ở phần linh hồn sau khi thoát xác mà có thể giải thoát ngay trong kiếp sống hiện tại.

Tôi thấy cần nương tựa vào tôn giáo để lập công lập vị cho chính mình, nhưng lại không khỏi suy tư chọn lựa. Tôi rất kính trọng Đức Phật Thích Ca là bậc đại giác ngộ, từ bỏ cung vàng điện ngọc tìm chân lý; Đức Chúa hy sinh thân mạng chuộc tội cho loài người. Tôi lại càng thích thú khi thấy trong thánh ngôn, thánh giáo đạo Cao Đài đều có lời

dạy của Đức Phật, Đức Chúa và các Đấng thiêng liêng khác dạy rất đầy đủ từ Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo, để mỗi người tùy theo căn cơ mà lập vị. Bởi vậy tôi quyết định nhập môn vào đạo Cao Đài, là do bản thân suy tư chọn lựa, chứ hoàn toàn không do sự ràng buộc truyền thống của gia đình.

Sau khi nhập môn vào Đạo, được thượng Thánh tượng, lập Thiên Bàn tại gia, lúc rảnh rỗi tôi vẫn xem kinh sách để tìm hiểu giáo lý Cao Đài. Khi nhìn thấy chân dung các Đấng qua hình tượng Ngũ Chi, tôi nghĩ điều quan trọng là cần học đức hạnh của mỗi Đấng và ứng dụng hàng ngày. Đại khái, khi nhìn thấy Đức Khổng Phu Tử là nhớ đến đạo làm người (nhân nghĩa lễ trí tín, tam cương ngũ thường, công dung ngôn hạnh); nhìn thấy Đức Quan Thánh thì học lấy đức trung cương nghĩa khí, không thay dạ đổi lòng; nhìn thấy Đức Lý Thái Bạch là phải luôn trau dồi trí tuệ sáng suốt, khai tâm mở trí; nhìn thấy Đức Phật Thích Ca và Đức Quan Âm là học được tâm từ bi bác ái, v.v...

Khi tò mò tìm hiểu, tôi tự hỏi: Đức Chí Tôn giao trách nhiệm Tam Trấn Oai Nghiêm cho ba Đấng là có ý nghĩa sâu xa gì? Tôi suy nghĩ rất hồn nhiên như sau: Đức Quan Âm vốn có lời nguyện tận độ chúng sanh nên Thầy giao Đức Bồ Tát nhiệm vụ tiếp dẫn nhơn sanh trở về đường đạo; Đức Lý Thái Bạch có nhiệm vụ tiếp nhận và dạy đạo; Đức Quan Thánh tiếp sức trợ duyên cho người tu học.

Tôi vẫn chưa bằng lòng, cố tìm hiểu thêm: Có lẽ Đức Chí Tôn chọn Tam Trấn để tượng trưng ba đức Bi Trí Dũng.

- Đức Quan Âm tiêu biểu cho lòng từ bi. Do đó người theo đạo phải mở rộng lòng từ, thương người mền vật. Không có tình thương thì không phải là người biết tu.

- Đức Lý Thái Bạch tiêu biểu cho sự sáng suốt. Nên người tu cần có trí để phân biệt được thiện ác, tội phước, đúng sai, tốt xấu, siêu đọa... Người tu nhờ có trí mới vượt bến mê tầm đường giác.

- Đức Quan Thánh tiêu biểu dũng mãnh oai lực, trung cương nghĩa khí. Người tu cần có lập trường vững vàng, kiên tâm để có nghị lực, khỏi bị lệch lạc, thối chí, sa ngã và nản lòng.

Trên bước đường học đạo và hành đạo, người tu luôn bị lợi danh tài sắc cám dỗ, thử thách; bởi vậy mới gọi là trường thi. Nếu không hội đủ ba yếu tố Bi Trí Dũng, người tu khó mà thành chánh quả.

Tôi nghĩ, mình nhập môn vào Đạo nhằm học tập các đức tính, đức hạnh nêu trên. Để giữ trọn lời minh thệ khi nhập môn và xứng đáng là người tín hữu chân chánh, điều quan trọng là phải giữ giới và luật mới thể hiện được tác phong đạo hạnh người tu. Giới là *Ngũ Giới Cấm* trong Đạo, tương quan với năm đức tính Đức Khổng Tử dạy (Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín). Luật là *Tứ Đại Điều Quy* gồm bốn nguyên tắc ứng xử với nhau theo lễ Đạo. Luật là cũng luật công bình bác ái, lấy thương yêu làm nền tảng. Tôi cũng luôn nghĩ nhớ câu “Làm việc gì trước phải xét hậu quả của nó”, bởi vì luật nhân quả là luật công bằng và không ai thoát khỏi sự chi phối của nó.

Hiểu như vậy, nên từ đó tôi ăn chay trường luôn, bởi trước hết phải có lòng nhân đối với loài động vật. Khi vào Đạo còn phải năng học hỏi giáo lý để trau dồi đạo hạnh. Muốn lập vị phải thực hành Tam Lập (lập công, lập đức, lập ngôn). Trong lập công có công phu, công quả, công trình. Tam Lập và Tam Công đều tác động lẫn nhau: Tự độ cho mình, trau tâm sửa tánh dần đến được minh tâm kiến tánh; còn phải biết độ tha để tạo phước đức (thương giúp người nghèo khổ, bệnh tật, neo đơn, thiên tai dịch họa). Đó là phước huệ song tu.

Tín hữu **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Ninh Thuận (Bàu Nặng) ngày 29-12-2015

*

CẢM NGHĨ CỦA BAN ÁN TỔNG

Quý bạn đọc hẳn vẫn nhớ, khi in hồi ức của tiền bối Kha Chơn Tâm (1908-1995) trên *Văn Uyển tập Hành năm Ất Mùi* (số 14, quý Hai 2015, tr. 100-108), Ban Án Tổng đã bày tỏ ước mong sẽ còn nhiều dịp đăng thêm hồi ức của quý tín hữu trong nhà Đạo, kể lại nguyên nhân hay cơ duyên đã đưa quý vị bước vào ngưỡng cửa Cao Đài. Bởi vậy, phải nói thật là chúng tôi rất vui khi nhận được bài viết trên đây của hiền huynh Nguyễn Văn Nghĩa – người bạn mà chúng ta vừa quen biết qua tập *Văn Uyển Xuân Bính Thân* (số 17, quý Một 2016, tr. 133-137).

Qua bài viết này của hiền huynh, chúng ta biết huynh

Nghĩa là con nhà “đạo dòng”, sớm gần gũi môi trường nhà đạo từ tấm bé nhưng lại nhập môn khá muộn. Rõ ràng hiền huynh không vào đạo Cao Đài chỉ vì đơn giản noi theo truyền thống sẵn có của gia đình. Hiền huynh nhập môn bằng ý chí tự do chọn lựa của mình, chỉ sau khi bản thân tỉnh thức trước những trải nghiệm (hay những va chạm) trên đường đời.

Có người đến với Đạo bằng tâm, bằng cơ bút, bằng mặc khải... Còn huynh Nghĩa thì sao? Huynh đến với Đạo phải chăng bằng trí? Chúng ta thấy huynh hay quan sát, suy tư, rồi tự tìm cách lý giải. Cũng do cái tánh “hay thắc mắc” đó nên nhập môn rồi thì huynh vẫn siêng tìm tòi, truy vấn để áp dụng đạo lý vào đời sống. Chẳng hạn, hiền huynh chỉ ăn chay trường sau khi đã tỏ ngộ cái lý lẽ sâu xa là tập thực hành đức nhân ái qua việc trường trai giới sát.

Tóm lại, huynh tu theo Cao Đài bằng chánh tín chứ không phải mê tín, hoặc a dua theo một ai. Để củng cố chánh tín của mình, huynh còn siêng năng tìm hiểu giáo lý qua kinh sách nhà đạo chứ không “an phận” giữ lệ cúng đủ tứ thời, ăn chay kỳ (hay chay trường) mà cho là đầy đủ bổn phận của một tín đồ.

Thấy một người tu theo Cao Đài với trọn vẹn chánh tín như thế, thì chúng ta tin chắc rằng dẫu gặp hoàn cảnh trở ngại đến mức nào chẳng nữa, người tín hữu ấy nhất quyết vẫn không nhạt đạo, không cải đạo, không bỏ đạo... Xin nguyện cầu anh chị em chúng ta đều được nên như vậy.

BAN AN TỔNG

Vĩ nghiệp trông chờ ở hậu lai
Mầm non kết quả được nhân tài
Bao nhiêu thể hệ bao nhiêu cảnh
Vững chí lo toan chớ nệ nài.

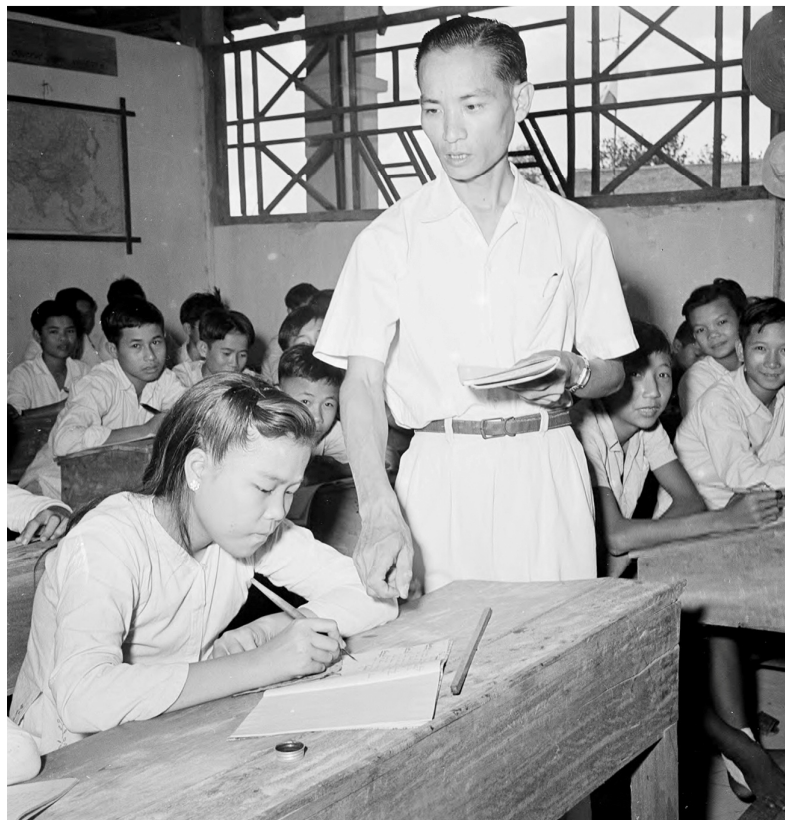
(Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Ngọc Minh Đài, 26-12-1966)



Tòa Thánh Tây Ninh 1950:
Một lớp tiểu học của Đạo Đức Học Đường.
Ảnh: Nhà báo Mỹ Harrison Forman (1904-1978)

Măng có xinh tươi mọc giữa trời
Nương tàn tre lớn lúc chiều mờ
Vươn mình tiếp thụ mùi sương gió
Để có trưởng thành các đệ ơi!

(Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông GL, 10-02-1971)



Tòa Thánh Tây Ninh 1950:
Một lớp tiểu học của Đạo Đức Học Đường.
Ảnh: Nhà báo Mỹ Harrison Forman (1904-1978)

Thanh thiếu niên mầm non bắt diệt
Trái ngon nhờ người biết gieo trồng
Đạo màu hòa điệu quốc phong
Tương lai nếu có nhờ trong hội này.

(Đức Lý Đại Tiên, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 30-8-1966)



Tòa Thánh Tây Ninh 1950:
Một lớp tiểu học của Đạo Đức Học Đường.
Ảnh: Nhà báo Mỹ Harrison Forman (1904-1978)

*Chư hiền đệ muội luôn luôn ghi nhớ cái nguyên tắc tre tàn
măng mọc, và phải có phương pháp nuôi dưỡng lớp măng
ấy theo đường lối tổ chức có chuẩn thành quy củ, theo
đường lối chánh đạo, trong quyền pháp đạo luật.*
(Đức Giáo Tông Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 03-3-1969)



Tòa Thánh Tây Ninh 1950:
Một lớp tiểu học của Đạo Đức Học Đường.
Ảnh: Nhà báo Mỹ Harrison Forman (1904-1978)

*Dạy trẻ con toan trước dạy mình
Cái công giáo hóa cũng đồng sinh
Đạo đời tua biết rằng đời trọng
Một điểm quang minh một điểm linh.*
(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 23-02-1926)



Tòa Thánh Tây Ninh 1950:
Một thầy giáo tiểu học của Đạo Đức Học Đường.
Ảnh: Nhà báo Mỹ Harrison Forman (1904-1978)

ĐỌC BÁO

GIẾNG CỔ TẠI THÁNH TỊNH ĐÔNG CUNG BẠCH LONG

Theo bản tin điện tử *Dân Trí* (<http://dantri.com.vn>, Thứ Ba 15-3-2016) hiện nay, trong lúc hàng trăm ngàn hộ dân ở tỉnh Bến Tre phải sử dụng nước nhiễm mặn do hạn hán, xâm nhập mặn, thì tại ấp An Phú 2 (xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) có một giếng cổ luôn cung cấp nguồn nước ngọt thanh cho dân chúng địa phương.

Bà Nguyễn Thị Đẹp, có nhà cạnh giếng cổ, cho biết: “Giếng nằm bên trong thánh tịnh Đông Cung Bạch Long (thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên) có nước rất ngọt nên mấy chục năm qua người dân thường đến đây lấy nước về uống. Đặc biệt trong mùa hạn hán, xâm nhập mặn trầm trọng năm nay, mỗi ngày có hàng trăm hộ dân ở xung quanh và các xã lân cận đến đây lấy nước về uống.”

Theo bà Đẹp, giồng cát ở ấp An Phú 2 có mạch nước ngầm nên người dân đều khoan giếng để lấy nước dùng trong sinh hoạt, tưới hoa màu, cho gia súc uống... Tuy nhiên, chỉ có giếng cổ tại thánh tịnh Đông Cung Bạch Long mới có thứ nước ngọt nhất.

Giếng cổ này hình tròn, đường kính khoảng hai mét, sâu khoảng năm mét, lúc nào cũng có nước trong vắt. Tại đây luôn để sẵn thùng nhựa nhỏ buộc vào sợi dây thừng dài để

người dân thả xuống lòng giếng mức nước, lại thêm cái phễu (quặng) to để tiện rót nước vào can nhựa.

Bà Nguyễn Thị Bé nói thêm: “Nhờ có giếng cổ này hàng trăm hộ gia đình quanh vùng khỏi phải mua nước ngọt với giá mắc mỏ. Giếng lúc nào cũng có nước; nếu nhiều người cùng đến lấy thì giếng cạn nhưng chỉ một lát sau lại có nhiều nước như trước.”



Thánh tịnh Đông Cung Bạch Long (Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên). Ảnh Đạt Truyền (Cơ Quan PTGLĐĐ)

TÁM NĂM HÀNH TRÌNH ĐÔI DÒNG CẢM NGHĨ

PHẠM NGUYỄN THIÊN VŨ

Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo đến tháng Sáu 2016 này vừa tròn tám tuổi. Thời gian tám năm thì chưa đầy một phần mười chiều dài nên Đại Đạo đã trải qua chín thập niên, nhưng có lẽ những gì Chương Trình đã làm được không phải là không đáng để nhìn lại...

Tôi chỉ biết đến Chương Trình non năm năm trở lại thôi, nhưng những gì bản thân tôi học được qua đó phải nói là nhiều, rất nhiều.

Những lần gặp gỡ liên tôn được phản ánh trên các trang sách của Chương Trình Chung Tay Ân Tổng giúp chúng ta hiểu thêm về tôn giáo bạn. Gặp gỡ liên tôn đang là xu hướng tiến bộ trên hoàn vũ, và cũng rất cần thiết khi mà trên thế giới trong bao nhiêu năm nay vẫn chưa hết xảy ra xung đột về tôn giáo.

Đặc biệt, Chương Trình Chung Tay Ân Tổng đã làm được việc kết nối, chia sẻ, truyền đi những hiểu biết căn bản về đạo học trong tinh thần không phân biệt chi phái, giúp chúng ta có thêm tri thức về chi phái bạn, có thêm cơ hội chia sẻ, trao đổi lẫn nhau, tạo nên sợi dây kết nối bền vững. Qua đó chúng ta thấy được những điều hay và những nét tương đồng; thấy được chỗ dị biệt chỉ là tiểu tiết không

đáng kể – như thế Cao Đài chúng ta vẫn là một, chỉ duy nhất là MỘT.

Đây là một việc làm rất ý nghĩa và thể hiện ý thức trách nhiệm của Chương Trình Chung Tay Ân Tổng. Tín hữu áo trắng chúng ta lúc nào cũng đau đầu trong tâm về một Hội Thánh Cao Đài thống nhất và duy nhất. Điểm mốc một trăm năm của Đại Đạo Kỳ Ba không còn xa nữa. Những băn khoăn suy nghĩ về điểm mốc ấy vì thế càng thêm nặng lòng những ai ưu tư về tương lai cơ đạo, hoài mong sớm được thấy “*Mấy nhánh ròi sau cũng một nhà*” như Thầy đã dạy trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*.

Đọc kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ân Tổng thực hiện, tôi ước gì có trí nhớ siêu phàm để thu và giữ lại lâu dài những tri thức ấy trong bộ óc nhỏ bé của mình.

Những bài trích đăng thánh giáo từ nhiều nguồn khác nhau đều được chú thích, diễn giải rõ ràng. Trước kia, đọc rất nhiều từ ngữ (nhất là từ Việt cổ) tôi không hiểu; nhưng nay, nhờ Chương Trình Chung Tay Ân Tổng, tôi đã dần dần hiểu ra nghĩa lý...

Một số người nói với tôi rằng Chương Trình Chung Tay Ân Tổng quá sa đà trong chú thích. Không sai, tôi cũng thấy vậy.⁽¹⁾ Nhưng, suy cho cùng đó là một khao khát,

⁽¹⁾ Lắm trang, phần chú thích chiếm hết hai phần ba rồi. Bực mình quá đi! Nhưng, mình phải tự khắc phục thôi: Đọc qua trước phần chú thích rồi mới đọc toàn bài. Chỗ nào quên, cần hiểu thêm thì đọc lại chú thích cho rõ.

muốn chuyển tải tri thức tới đông đảo tín hữu trong cộng đồng áo trắng, bỏ khuyết cho hoàn cảnh nhà đạo trải qua nhiều thập niên thiếu thôn sách vở, cơ sở đào tạo...

Điều đặc biệt của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng là giai phẩm *Đại Đạo Văn Uyển*, mỗi ba tháng ra một tập, tính đến số Xuân Bính Thân vừa qua đã là mười bảy tập. Là mảnh *Vườn Văn* của *Đại Đạo*, giai phẩm này chia sẻ với chúng ta chuyện đời chuyện đạo, chuyện xưa chuyện nay, thánh giáo, thơ ca, từ văn xuôi cho tới văn vần, hình ảnh chọn lọc, mỹ miều...

Không kể *Văn Uyển*, gần một trăm tập sách của Chương Trình Ấn Tổng đã lần lượt ghi chép lại nhiều góc cạnh lịch sử của đạo Cao Đài.

Lịch sử các thánh sở (Bát Bửu Phật Đài, Bát Quái Đồ Thiên, thánh thất Cao Đài Thủ Đô Hà Nội...); những gương tiên bối xả thân hành đạo trong những giai đoạn đất nước cực kỳ nguy khốn (tiền bối Cao Triều Phát...); cuộc đời đạo hạnh của ngài Minh Thiện, Đức Hậu Sư Chí Thánh Trương Vĩnh Ký, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư...; những trang sử bi hùng của lớp hướng đạo khai sơn phá thạch ở Trung Kỳ thuở trước được ghi chép trong *Ơn Gọi Miền Trung, Trên Đường Thiên Lý* – hai quyển sách đầu tiên dẫn tôi đến với Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng.

Ngay cả tập sách rất mỏng như *Hành Trạng Đức An Trinh Thân Nữ*, tôi nâng niu trân quý vô cùng, bởi vì qua đó chúng ta thấy nổi bật một gương sáng tu học cho giới trẻ, để thế hệ thanh niên thấy rằng dù tu học trong nghịch

cảnh nhưng vẫn một lòng một dạ sắt son với đạo Thầy, trung trinh, kiên định, thì cuối cùng sẽ được Đức Chí Tôn và Tam Giáo Tòa chứng giám, ân phong.

Tôi cũng rất quý những tập thơ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng đã in, và rất tâm đắc những dòng này:

“Tôi không có ý chọn in những bài thơ khuyên tu, hay thơ diễn bày giáo lý, bởi một lẽ rất đơn giản là vô vàn thánh giáo Cao Đài sẵn có đã quá đổi phong phú các vần điệu diệu mầu giảng dạy giáo lý rồi; do đó, những bài thơ tôi mong đợi là những bài tuân theo một dòng chảy khác; tuy thật sự chính là thơ đạo, nhưng không phải là hình thức thuyết giảng giáo lý bằng văn vần.” ⁽²⁾

“Mùi đạo” của thơ có sức thấm thấu và lan tỏa rất lớn đối với bản thân tôi. Đôi khi, chỉ cần cảm một câu thơ, ta có thể thay đổi lối sống theo chiều hướng tích cực hơn, có ích hơn trong đời sống đạo. Ví dụ, sau khi đọc được câu *“Con nguyện thu nầy hồi hương Mẹ”* ⁽³⁾ thì tôi đã thọ châu nhân ⁽⁴⁾ ngày vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Một số huynh tỷ yêu thơ đã từng gửi các sáng tác của

⁽²⁾ “*Giao Cảm*”, in trong tập thơ *Gửi Người Áo Trắng* của Trần Dã Sơn (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2015), quyển 97 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

⁽³⁾ “*Thu Nầy Con Nguyện*”, in trong tập thơ *Tiếng Chim Quyên* của Phạm Văn Liêm (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011), quyển 46 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

⁽⁴⁾ Pháp môn luyện châu (thiền) của Hội Thánh Truyền Giáo.

mình đến Văn Uyển và rồi... không được chọn. Giờ đây, đọc bài *Giao Cảm* mở đầu tập thơ của đạo huynh Trần Dã Sơn, tôi nghĩ có lẽ quý huynh tỷ ấy sẽ thông cảm với sự “chất lọc” của Ban Ấn Tổng.

Chẳng riêng thơ, không ít lần văn xuôi của tôi đã bị Văn Uyển gác lại. Dĩ nhiên tôi không vui, nhưng hiểu rằng sự “gắt gao” hay “kén chọn” của Ban Ấn Tổng là để đảm bảo giá trị hay chất lượng của những bài được chọn đăng, đồng thời cũng thể hiện trách nhiệm đối với đông đảo bạn đọc, đối với các vị Mạnh Thường Quân đã tin cậy mà không ngừng tài trợ cho Chương Trình. Có như vậy, mỗi khi được đăng bài, chúng ta càng thêm vui nhiều.

Sáng Chủ Nhật 19-5-2013 (10-4 Quý Tỵ), trong buổi gặp gỡ giữa Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng và bạn đọc thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Trung Hưng Bửu Tòa (số 63 đường Hải Phòng, Đà Nẵng), Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế) đã noi theo lời Đức Phật Tổ khi xưa mà cầu nguyện cho Chương Trình Ấn Tổng *hoàn hảo ở giai đoạn đầu, hoàn hảo ở giai đoạn giữa và hoàn hảo ở giai đoạn cuối.*⁽⁵⁾

Tôi xin nhắc lại lời cầu nguyện ấy nơi đây để tỏ lòng tri ân Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Đà Nẵng, 27-02-2016

PHẠM NGUYỄN THIÊN VŨ

⁽⁵⁾ *Trung Du Hành Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2013, tr. 29. Quyển 68-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng.

LÁ THƯ CÀ MAU

TRẦN TRUNG NHẪN

Đệ tên là Trần Trung Nhẫn, hiện cư ngụ tại đường Lâm Thành Mậu, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đệ may duyên được nhập môn vào Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong một hoàn cảnh khá đặc biệt.

Cách đây hơn bốn năm, đệ bị một tai nạn nghiêm trọng, làm ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe. Sau khi phục hồi được kha khá, bắt đầu công việc lại được một thời gian ngắn, thì đệ lâm bệnh trở lại, đi chạy chữa mọi nơi và mọi phương cách nhưng bệnh tình không thuyên giảm mà ngược lại ngày càng trầm trọng hơn, dường như đệ sắp lìa khỏi cõi đời này.

May thay! Trong lúc hơi tàn lực kiệt, ý thức tâm linh luôn thôi thúc, lời khẩn cầu của linh hồn với Trời Phật càng tha thiết chân thành.

Mầu nhiệm thay! Hai Đấng Phụ Mẫu thiêng liêng luôn chan chứa tình thương từ bi cứu rỗi linh hồn những đứa con lạc lõng, làm đường lối bước giữa bể trần đau khổ, nay thức tỉnh hồi đầu kiểm tìm chơn lý để trở về Thầy Mẹ, và... đệ đã gặp Đạo từ một giấc mơ, như một cảm ứng.

Cảm giác thiêng liêng khó tả trong giấc mơ ấy vẫn mãi in sâu trong tâm trí của đệ. Sau điềm mộng, đệ tìm đến thánh thất Cà Mau (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh) xin nhập

môn cầu đạo vào một ngày cuối tháng 9 năm Nhâm Thìn (2012), đến nay cũng đã hơn ba năm tìm học Đạo Thầy. Đệ tự biết mình đạo hạnh còn kém cỏi, kiến thức giáo lý còn nông cạn, kinh nghiệm tu hành còn non nớt (hiện tại sức khỏe của đệ còn yếu, chưa ổn định), nhưng đệ tự tin một điều là tấm lòng của đệ chí kính chí thành hiến dâng Thầy Mẹ, luôn ghi nhớ những lời vàng tiếng ngọc của Thầy Mẹ cùng các Đấng thiêng liêng đã dạy bảo, để tu tâm dưỡng tánh, rèn nét sửa lòng...

Đối với đệ, không có sự phân biệt chi phái, không có một rào cản nào ngăn cách được tâm hồn những đứa con yêu Thầy mến Đạo, và không có một thế lực nào ngăn cách được tình đạo mạch thiêng liêng của đồng đạo chúng ta.

Cách nay một thời gian ngắn (khoảng ba tháng) tình cờ đệ có duyên đọc được một số quyển sách trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng, đặc biệt là *Đại Đạo Văn Uyển*. Những áng văn thơ sâu sắc, chân thành và đầy nhiệt tâm với những kiến thức giáo lý, xã hội cao thâm, uyên bác của quý huynh tử đã truyền vào lòng đệ một ngọn lửa tâm hồn để thắp sáng niềm tin yêu Thầy Mẹ cùng các Đấng thiêng liêng và tình thương yêu kết đoàn trong Đại Đạo.

Bằng tất cả lòng chân thành quý mến quý huynh tử, đệ kính chúc quý huynh tử luôn dồi dào sức khỏe, tinh thần trí tuệ minh mẫn, để tiếp bước dài lâu trên con đường phổ thông giáo lý Đại Đạo.

TRẦN TRUNG NHÃN
Cà Mau, 26-12-2015

NIỀM VUI Ở HƯƠNG MỸ

1. Trước tiên, tôi báo tin với Ban Ấn Tổng là kể từ ngày 15-7 Ất Mùi (28-8-2015) đến nay thánh thất Hương Mỹ thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo, nằm sát quốc lộ 57, giữa chừng từ huyện Mỏ Cày Nam đến huyện Thạnh Phú (tỉnh Bến Tre), đã nhiều lần đón nhận hàng trăm đầu sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo thực hiện và phát hành. Số sách này do Ban Đại Diện của Hội Thánh ở tỉnh Bến Tre chuyển về, đặt tại Thiên Phong Đường của thánh thất. Ai có nhu cầu xem tại chỗ hay muốn thỉnh về đều được. Đây là niềm mơ ước bấy lâu nay của quý chức sắc, chức việc, đạo hữu ở thánh thất Hương Mỹ chúng tôi.

Kế tiếp, xin bày tỏ niềm vui của tôi khi nhìn lại việc làm của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng. Kể từ lúc Chương Trình khai sinh vào tháng 6-2008 tới nay, không kể *Đại Đạo Văn Uyển*, số kinh sách in ra đã lên tới cả trăm nhan đề, trong đó nhiều sách được tái bản hai, ba, hay bốn lần. Đặc biệt, *Kinh Sám Hối Minh Họa* đã in tới lần thứ bảy. Có hơn mười tập sách xuất bản theo dạng song ngữ Việt-Anh. Các Mạnh Thường Quân trong và ngoài nước vẫn đều đặn ủng hộ tài chánh để nuôi dưỡng ấn tổng. Những điều ấy chứng tỏ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng đáp ứng được lòng khao khát giáo lý của tín hữu Cao Đài, không phân biệt chi phái nào. Gặp những người cầm kinh sách do

Chương Trình ân hành, tôi đều nhận thấy nét mặt của họ vui mừng và hài lòng.

2. Lúc gần đây tôi có xem được *Ngọc Đé Chơn Kinh* (Thiền Tịnh Bửu Sơn ở Úc Châu ấn tống năm Canh Thìn), trong đó nói về pháp thí như sau:

*Dem vàng cho người là quý
Đâu có bằng bố thí pháp ngôn
Bạc vàng tiêu sẽ hết luôn
Nhưng lời nói thiện mãi còn trong tâm.
Nếu như người phát tâm hoan hỷ
In Phật ngôn, đạo giáo sách kinh
Tặng người công đức quang vinh
Con đường phúc ấy sẽ thành đạo mau.
Đeo vàng ngọc nặng đầu nặng cổ
Khi thác đi ai độ mình lên
Thí ngôn, thí pháp mới nên
Ấy là thuyền chở ta lên cõi trời.*

3. Từ năm 1985 đến nay, hàng năm được thơ mời dự lễ các thánh thất, thánh tịnh trong tỉnh Bến Tre, tôi thường đi dự, để có dịp gặp gỡ bạn đạo xa gần. Đa số bạn đạo tôi gặp đều nói rằng kinh sách Cao Đài thường ân hành ít ỏi, không đáp ứng đầy đủ lòng khao khát muốn tìm hiểu giáo lý của tín hữu Cao Đài. Nhiều câu kinh nghĩa lý mắc mớ, khó hiểu, chưa có ai giải thích kỹ càng. May mắn thay! Mấy năm gần đây tín hữu Cao Đài vô cùng hân hoan tiếp nhận được nhiều kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo tặng biếu. Nhờ vậy mà mở mang

tri thức về đạo mình và vài tôn giáo bạn, biết được sinh hoạt Đạo Thầy ở trong nước và hải ngoại.

4. Tôi cảm ơn Chương Trình đã giúp tôi hiểu biết về sự nghiệp văn hóa của các học giả, nhà văn tên tuổi và đã qua đời, như Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Hiến Lê, Trần Trọng Kim, Trương Vĩnh Ký... Tôi mong Chương Trình tiếp tục đăng những bài khảo cứu thuộc loại như vậy.

5. Đại Đạo Văn Uyển Xuân Bính Thân (tập 17) đăng bài *Câu Đối Tết Xưa Và Nay*, trong đó nhắc tới tạp chí *Sông Hương* (số 29, tháng 1 và 2-1988) với một “vé ra” của Nguyễn Khoa Vy (1881-1968) ở Huế, và cho biết rất khó tìm về đối:

Tết tới tưng tiền tiêu, tính toán toan tìm tay tử tế...

Ở xã Hương Mỹ quê tôi có ông Thanh Hoài (từ trần năm 2006, thọ chín mươi tuổi). Ông đối lại như sau:

Lễ lui lương lộc lụn, liệu lo lảng lảnh lữ lãng loàn.

Tôi chưa vừa ý lắm với câu này, nhưng xin chép ra đây để phụ họa với bài viết của tác giả Trần Văn Chánh.

6. Trong những thời cúng tôi thường cầu nguyện Đức Cao Đài Tiên Ông, Đức Mẹ Diêu Trì, và các Đấng bề trên ban bố nhiều điển lành cho Ban Ấn Tống và quý tác giả cộng tác với Chương Trình luôn luôn tâm minh trí sáng để tiếp tục công hiến lâu bền cho bạn đọc và đạo tâm các nơi.

Hương Mỹ, 23-3-2016

Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH (75 tuổi)

XANH RÌ MIỀN THƯƠNG

Trái lòng cùng bước nhân sinh
Lặng nghe bao chuyện đạo tình đầy vơi
Dấu xưa còn đó rạn ngời
Dấu nay chạm trở rồi bời – về đâu?

Thôi buồn gởi cuộc bể dâu
Cùng thương hải hát dặm câu tang điền
Reo mùa hoa cỏ như nhiên
Hết giêng xanh đến hẹn nguyên hạ vàng.

Nước mây, mây nước tuần hoàn
Cùng chung thể tánh quê làng ra đi
Đến, đi là để thăm thì
Ngàn năm cố quận xanh rì miền thương.

VÕ VĂN PHO

TA – NGƯỜI

Người giờ sống giữa phồn hoa
Bước ra một bước, lựa là nín chân
Ta riêng nín bóng làm thân
Hát ru mình với mình gần mình xa.

VÕ VĂN PHO

Thánh thất Trung Minh

NẮM

Xé tờ lịch cũ sang ngày
Nghe trên đầu sợi tóc mây cựa mình
Nín vắn thơ giữa bình minh
Rằng có câu chữ mà hình như không
Năm câu kinh để rồi buông
Rõng không như thể trẻ con khóc òa.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

THẢ

Thả cọng cỏ xuống dòng sông
Mới hay con nước vẫn bồng bênh trôi
Thả bọt bong bóng lên trời
Sắc màu lấp lánh chút rồi tan ngay
Thả bàn tay đến bàn tay
Chợt nghe hơi ấm từ ai sang mình.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Thánh thất Trung Nam

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

TUỔI HỌC TRÒ BẤT HẠNH

LÊ TRÍ TỔNG

Hiền huynh Lê Trí Tổng, chức việc của thánh thất Trung Đòng (Đà Nẵng), thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, trong gần hai năm trị bệnh ở Huế đã hoàn tất tự truyện Mảnh Thân Giữa Cõi Vô Thường vào tháng 12-2015. Văn Uyển được hiền huynh chia sẻ bản thảo này vào đầu xuân Bính Thân (hạ tuần tháng 2-2016). Văn Uyển trích đăng phần đầu của tự truyện và trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc đạo tâm. (Các chú thích trong bài đều do Văn Uyển thêm vào.)

Chôn cất mẹ tôi xong, đưa em gái của tôi mới rời quê xuống phố báo tin mẹ tôi đột ngột qua đời. Tôi, thằng bé mười bốn tuổi đang ăn nhờ ở đậu nhà người bà con để theo học tại trường trung học tỉnh lỵ. Mẹ tôi, người tôi yêu quý nhất mất đi, tôi chỉ còn lại người anh và đứa em gái nhỏ dại. Trước đây mười năm, cha tôi cũng đã vĩnh biệt cuộc đời. Nỗi đau xót quá bất ngờ, quá lớn chụp xuống tuổi thơ khiến tôi bàng hoàng với bao nỗi hoang mang, hụt hẫng. Tôi không khóc được. Nước mắt cứ viền quanh mi mặn chát, cay xè ngược xuống mũi rồi trôi lại vào ruột gan tôi. Phía trước tôi mọi cảnh vật như nhòe đi, tự đáy lòng tôi nổi lo sợ một tương lai mịt mù. Sau khi mẹ ra đi, gia tài bất hạnh mà anh em tôi chia nhau là căn nhà cột gỗ tròn đứng

táng ⁽¹⁾ ba gian hai chái bị đạn bom thiêu rụi, gần một mẫu đất tư điền đạn bom cũng tha hồ cày xới. Đã nhiều năm rồi ruộng vườn không canh tác được, mẹ tôi phải buôn gánh bán bưng để nuôi anh em chúng tôi.

Ba năm trước, sau khi được miễn thi bằng tiểu học, ⁽²⁾ tôi thi đậu vào trường trung học Trần Quý Cáp ở Hội An – một trong những ngôi trường tốt nhất của miền Trung. Thi đậu đệ thất là một bất ngờ lớn, là nỗi mừng vui không những chỉ riêng gia đình tôi mà thầy Nguyễn Hoàng, hiệu trưởng trường tiểu học, đồng thời là giáo viên dạy tôi năm lớp nhất vô cùng mừng rỡ; cả xã, chỉ có một mình tôi thi đỗ trường tỉnh. Nhưng sau niềm vui là nỗi buồn lo của cả tôi và mẹ. Nhà nghèo quá, lấy đâu ra tiền mua sắm sách vở, áo quần, lại còn tàu xe, chỗ ở... và tôi còn quá bé nhỏ để xa mẹ. Nhưng rồi tất cả cũng qua.

Đến Hội An, mẹ tôi gửi tôi ở nhờ nhà người chị bà con cô cậu ruột phía sau trại biệt kích Tây Hồ, gần sát bờ sông Hoài. Nhà chị nấu cơm tháng cho lính, gần như suốt ngày

⁽¹⁾ *Táng*: Phiến đá kê chân cột nhà. *Đứng táng*: Được kê lên phiến đá tròn hay vuông, không chôn xuống đất.

⁽²⁾ Ở miền Nam (1955-1975), bậc tiểu học gồm năm lớp từ thấp lên cao là lớp năm, lớp tư, lớp ba, lớp nhì, lớp nhất. Từ năm học 1970-1971 gọi theo thứ tự từ thấp lên cao là lớp một, lớp hai, lớp ba, lớp bốn, lớp năm. Bậc trung học đệ nhất cấp gồm bốn lớp từ thấp lên cao là đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, đệ tứ. Từ năm học 1970-1971 gọi theo thứ tự từ thấp lên cao là lớp sáu, lớp bảy, lớp tám, lớp chín. Học trò chọn một sinh ngữ (ngoại ngữ), thường là Anh hay Pháp.

đêm ồn ào, nóng bức và chật chội. Mỗi tháng mẹ tôi gửi xuống hơn một ang gạo,⁽³⁾ còn có gửi tiền không thì tôi không biết. Ở đó, tôi đi bộ qua trường theo con đường Phan Bội Châu, rẽ qua Phạm Hồng Thái, Nguyễn Duy Hiệu đến lò heo, qua khỏi trường nam tiểu học trên đường Trần Hưng Đạo là đến trường tôi. Nói vòng vèo như thế, nhưng mất khoảng mười lăm phút đi bộ thì đã đến rồi.

Tôi được xếp vào lớp đệ thất 1, do thầy Huỳnh Văn Tịnh làm giáo sư hướng dẫn,⁽⁴⁾ lớp có năm mươi hai học sinh, trong đó khoảng mười hai nữ. Tôi chơi thân nhất với Phan Trung Thành, quê Bảo An (Điện Bàn), có chiếc xe đạp. Thịnh thoảng vài ba tuần đạp xe về quê một lần, Thành cho tôi quá giang. Có lần đạp xe về đến cây Tháp Bàn An, mệt quá, hai thằng lăn ra bờ cỏ ven đường nằm nghỉ dưới bóng cây. Sau đó, tôi biết thêm một số bạn như Nguyễn Tâm, Ngô Đình Nghinh, Văn Công Trâm, Nguyễn Văn Bồng, Phạm Hoàng Do, Huỳnh Sơn Phước, Châu Toàn Khánh... Nguyễn Văn Bồng có giọng hát rất hay, sau này làm thơ, hấn lấy bút hiệu là Nguyễn Đông Nhật.

Ở nhà chị Hai, tôi đi học một buổi sáng. Trưa về, tôi phụ bưng dọn thức ăn cho lính. Buổi chiều ra bờ sông học bài rồi phụ dọn cơm chiều. Nhà chị không được rộng lắm, buổi

⁽³⁾ Dụng cụ dùng để đong ở một số địa phương, bằng gỗ hoặc bằng tre đan, tương đương khoảng bảy tám lít.

⁽⁴⁾ Ở miền Nam (1955-1975), thầy cô giáo dạy trung học từ đệ thất (lớp sáu) trở lên đều gọi là giáo sư. Nhiệm vụ giáo sư hướng dẫn hơi giống phần nào giáo viên chủ nhiệm hiện nay.

tôi phải xếp hết bàn ghế mới kê chỗ ngủ. Bà mẹ tôi nằm ở cái chõng tre trước hiên nhà, tối nào mẹ cũng say khướt. Trong cơn say mẹ chửi lung tung, và nhặt các viên gạch vỡ, đá cuội sắp đầy trên một góc giường. Hễ có ai đi qua, bà lại ném. Ngày này qua ngày khác, thời khóa biểu cứ y như thế. Cho đến tết tôi về quê, thưa lại mẹ rằng tôi không thể ở đó được nữa bởi tôi chẳng học hành được gì kể cả ngày và đêm. Tôi thưa mẹ cho tôi được ở nhờ nhà của người cùng quê, tuy không bà con nhưng có đứa con trai học cùng lớp và hàng tháng tôi về đưa xuống hai ang gạo.

Sau khi nghỉ tết âm lịch Quý Mão (năm 1963), tôi trở xuống Hội An. Tôi chuyển qua nhà Phùng Mãnh, trạc tuổi tôi và cũng học sinh Trần Quý Cáp. Qua tháng hai âm lịch năm ấy, khi chuẩn bị thi đệ nhị lục cá nguyệt,⁽⁵⁾ tôi lâm bệnh nặng. Lúc đầu là bệnh thủy đậu,⁽⁶⁾ do không biết và cũng không ai chăm sóc, tôi tắm nước lạnh rồi bị nhiễm thương hàn. Gần một tuần sau mẹ tôi từ quê xuống, bà ra chợ mua một mớ lươn còn sống bỏ vào thau nước đặt dưới giường tôi. Không bao lâu sau các con lươn chết sạch. Những người bạn gái trong lớp như Vân Anh, Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Thị Như Anh, Tinh Tâm, Thu Nguyệt, Lê Thị Sáu, Nguyễn Thị Kim Thơ, Lê Thị Bưởi cùng Văn Bồng, Nguyễn Tâm, Hoàng Do, Văn Công Trâm vận động lớp góp tiền đưa tôi đi bệnh viện. Tôi nằm viện hơn hai tháng,

⁽⁵⁾ Ở miền Nam (1955-1975), một năm học (niên khóa) chia làm hai học kỳ gọi là đệ nhất lục cá nguyệt và đệ nhị lục cá nguyệt.

⁽⁶⁾ Còn gọi là bệnh trái rạ.

khi ra viện thì cũng vừa hết niên khóa 1962-1963. Không thi lục cá nguyệt và bỏ dở chương trình cả học kỳ, tôi buộc phải học lại năm đệ thất.

Năm 1963-1964 tôi vào học lớp đệ thất 3. Tôi vẫn ở nhà chung với Mãnh. Tháng 10 năm Giáp Thìn (1964), một cơn bão lũ lịch sử tràn về, núi Cà Tang trên thượng nguồn sông Thu Bồn bị sạt lở, cuốn trôi nguyên cả làng ra biển. Sau cơn bão lũ, anh Liễu, con người bác ruột của tôi được chuyển về làm cán bộ Ty Xã Hội, đưa tôi về ở chung tại cơ quan.

Ty Xã Hội Quảng Nam nằm đối diện trường tiểu học Cẩm Hồ trên đường Cường Để là căn nhà rộng hai tầng. Tầng dưới làm văn phòng và một gian bếp, nhà ăn; tầng trên là nơi ở của cán bộ. Cán bộ của ty có năm nam, hai nữ. Tôi còn nhớ rõ tên anh Hoàng, anh Hoàn, anh Tuyên, anh Lợi và anh Liễu tôi. Hai chị là chị Mai và chị Đạm. Tôi nhỏ con, siêng làm những việc lặt vặt trong nhà nên các anh chị ai cũng thương mến. Ngoài những bữa ăn chính, các anh chị thỉnh thoảng đưa tôi đi ăn vặt, trong đó có chị Đạm quê làng Gò Nổi, có làn da trắng hồng, dáng người thanh mảnh, đôi gò má cao. Chị đẹp sắc sảo. Chị và anh tôi hình như có cảm tình với nhau, hai người thường đưa nhau đi chơi vào mỗi cuối tuần. Một lần, anh chị và tôi đi bộ xuống quán Bà Sỏ ở đường Lê Lợi ăn chè đậu đỏ nước cốt dừa. Chẳng ai đem theo tiền; ăn xong rồi để tôi ngồi ở đó, hai người chạy về nhà lấy tiền trả rồi dắt tôi về.

Cùng lúc quen thân với chị Đạm, anh tôi có người yêu là

thợ may ở chợ Hòa Phát, Phước Tường, Đà Nẵng. Một lần, anh bảo tôi mang thư anh ra chị. Anh nói chị thương anh lắm và chị sẽ thương tôi. Nếu tôi xin chị cây bút máy, chị sẽ cho ngay. Đưa thư cho chị xong bỗng dưng nước mắt tôi chảy dài, chị hỏi: “Sao em khóc?”

Tôi nói: “Lúc lên xe buýt, em bị rơi mất cây bút máy và sợ bị anh la mắng nên em lo quá.”

“Em yên tâm. Chị sẽ mua cho cây bút khác.”

Rồi chị dắt tôi qua bên kia đường, vào nhà sách Sông Đà chọn cho tôi cây bút Pilot 57 màu đen, nắp mạ vàng, là loại bút máy tốt nhất lúc bấy giờ. Lúc ấy, tôi thấy chị đẹp thùy mị, dịu dàng, mái tóc dài xõa đến ngang lưng, đôi mắt bồ câu trong, sáng long lanh và nét mặt hiền, phúc hậu. Tôi rít cảm ơn chị, theo chị về nhà ăn cơm trưa, nghỉ ngơi để chị viết thư hồi âm đưa tôi mang về cho anh tôi. Cuối năm ấy, anh chị cưới nhau.

Đầu năm 1965, Ty Xã Hội chuyển nơi làm việc đến ngã ba Phan Đình Phùng – Trần Cao Vân, anh chị thuê căn nhà ở gần Khổng Miếu và đưa tôi về kèm cặp việc học hành. Đó là năm tôi lên đệ ngũ. Mùa hè năm ấy, do tổ cáo lãnh đạo Ty ăn chặn tiền cứu trợ, anh tôi và anh Đỗ Lâm Tuyên bị chuyển chuyển khỏi Hội An. Anh Tuyên lên tít Kon Tum còn anh tôi vào Quảng Tín.

Anh chị tôi đi rồi, tôi được gửi xuống nhà người chị con ông bác, gần Ty Công Chánh, đường Thái Phiên. Lúc này chiến tranh lan rộng nhanh chóng, quê tôi không còn yên

bình nữa. Rất nhiều lần anh em tôi nhắn mẹ xuống phố Hội An hoặc ra Đà Nẵng để mẹ con được gần gũi, nhưng mẹ bảo sẽ không biết lấy gì để sống, rồi nản nã với vườn rau, gánh hàng, tảo tần hôm sớm để hàng tháng gửi tiền gạo cho tôi. Cho đến khi vừa khai giảng năm học 1965-1966 tôi vào lớp đệ ngũ thì hung tin mẹ qua đời đến với tôi như cơn sét đánh.

Mẹ tôi mất, nơi nương tựa duy nhất của em gái tôi không còn. Nó cùng anh tôi khăn gói vào Sài Gòn, bắt đầu cuộc đời trôi dạt. Còn tôi, sau một tuần lễ thẫn thờ như một kẻ mất hồn đã phần nào tỉnh lại và nhớ ra rằng mình phải đến trường để tiếp tục việc học hành. Tôi trở lại lớp với vành khăn tang trắng, lòng tôi mênh mông một nỗi trống vắng đến vô cùng. Thầy cô, bạn cùng lớp an ủi vỗ về tôi, càng làm tôi tủi thân hơn. Tôi bắt chọt lớn lên trong suy nghĩ phải cố gắng học hành cho bằng bè bằng bạn như mong ước của mẹ tôi ngày xưa, mỗi Chủ Nhật cuối tháng chạy về giúi đầu vào lòng mẹ để nghe mẹ dặn dò, khuyên nhủ. Niềm đau của tang thương bất hạnh lắng xuống khi tôi phải tập trung vào công việc học tập và mỗi ngày Chủ Nhật tôi ra trại tạm định cư Cao Đài Xuân Mỹ để sinh hoạt cùng các bạn con em nhà đạo từ khắp miền trong tỉnh về đây để tị nạn chiến tranh.

Đoàn thanh niên Hưng Đạo của đạo Cao Đài được thành lập đã hơn một năm và tôi có may mắn được tham gia trại đại hội ra mắt ngày mùng một tháng Sáu năm Giáp Thìn (09-7-1964) tại Trung Hưng Bửu Tòa, Đà Nẵng. Tôi nhanh

chóng tiếp thu những bài hát sinh hoạt tập thể, những trò chơi ngoài trời, kỹ thuật trại và đặc biệt tôi được học về giáo lý, giáo luật, giáo sử... Thấy tôi lanh lợi, thông minh, quý trưởng giao cho tôi làm đội trưởng một đội ngành thiếu và anh Lưu Ngọc Em, Lưu Ngọc Phước mỗi người làm đội trưởng một đội khác. Từ đây trong tuần tôi đi học ở trường, Chủ Nhật đi sinh hoạt tập thể. Tôi sinh hoạt đều đặn và chuyên cần, dần dần hình thành cho tôi một nhân cách sống tự lập, biết sống cho mọi người, vì mọi người và luôn kiên nhẫn, vui tươi trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cuối năm học 1966-1967, tôi hoàn thành chương trình trung học đệ nhất cấp và được cấp bằng trung học hệ miễn thi. Mùa hè năm đó, tôi ra Đà Nẵng, tá túc tại nhà người bác ruột ở ngã ba Cai Lang, được một cậu bé trạc tuổi dắt đi bán kẹo kéo. Bạn tên Tăng, Nguyễn Văn Tăng, là em con nhà chú của cháu Cao, gọi tôi bằng cậu. Nó quê làng Giao Thủy (Đại Lộc) ra lánh nạn chiến tranh ở Đà Nẵng và mưu sinh bằng nghề bán kẹo kéo. Nó dắt tôi xuống ngã ba Cây Quăn, đi vào một con hẻm sâu. Nó nhận bàn xếp, nhận kẹo rồi dắt tôi theo nó. Ra đón xe lam ⁽⁷⁾ lên Hòa Khánh nó

⁽⁷⁾ Xe lam ba bánh (tức xe *lambretta* hoặc *lambro*) là phương tiện chuyên chở công cộng dành cho người lao động bình dân ở miền Nam Việt Nam từ thập niên 1960. Tài xế ngồi phía trước, có thể chở thêm một hành khách ngồi bên cạnh. Dưới ghế tài xế là thùng đặt máy xe (sản xuất ở Ý). Phía sau là thùng xe có thể chở từ tám đến mười hành khách. Thùng xe đóng tại Việt Nam, đặt trên hai bánh xe. Bánh thứ ba ở đầu xe. Từ năm 2004 xe lam bị ngưng sử dụng dần dần và rồi mất dạng trên các nẻo đường.

rẽ vào phía tay phải, nơi có trại gia binh,⁽⁸⁾ trại định cư và khu dân cư đông đúc. Miệng nó rao lạnh lạnh: “Kéo đây, kéo kéo đây...” Khi có khách mua, nó đặt chân bàn xếp xuống, mở ra, đặt bàn kéo lên. Nó lấy tấm vải trắng sạch sẽ hơi ẩm nước, tay phải đè vào giữa thân cây kéo, tay trái lấy khăn ẩm quần vào đầu cây và từ từ kéo. Bàn tay nó vặn đều, nhẹ nhàng, cây kéo được kéo đều tấm vải. Được một đoạn dài khoảng 10cm, nó lấy ngón tay cái và ngón trỏ giữ một đầu, tay kia nó cầm cây kéo bẻ nhẹ, cây kéo gãy một cách gọn gàng. Gần trưa, cây kéo đã gãy đi phân nửa, nó đưa tôi: “Cậu kéo đi.”

Tôi cũng nhẹ nhàng kéo và lần đầu, tôi bẻ không gãy. Nó bảo: “Cậu phải bẻ cho dứt khoát.”

Tôi bẻ dứt khoát và bẻ được. Đến hai giờ chiều nó bán hết, đem được 120 đồng. Giá vốn 80 đồng, vậy là lãi được 40 đồng. Hồi đó ăn cơm hết 300 đồng một tháng, tôi tính nếu ba tháng hè, ăn nhờ nhà bác, đi bán kéo kéo khoảng tám mươi ngày tôi sẽ để dành được trên 3.000 đồng, bằng tiền ăn của cả một năm học, và tôi đã làm được như thế, một kỳ nghỉ hè vất vả mà không thể nào quên.

Hết kỳ nghỉ hè, tôi dùng tiền lời bán kéo kéo mua một chiếc xe đạp, sắm hai bộ đồng phục quần xanh áo trắng.⁽⁹⁾

⁽⁸⁾ Trại gia binh gồm các dãy nhà dài chia ra nhiều căn, mỗi căn dành cho một gia đình quân nhân ở miền Nam trước 1975.

⁽⁹⁾ Học trò trung học toàn miền Nam trước 1975 mặc thống nhất một kiểu đồng phục: Nam áo sơ mi trắng, quần tây dài xanh nước biển sậm; nữ áo dài và quần dài trắng (hoặc đen). Không

Nhiều năm rồi, tôi chỉ có một chiếc quần xanh, giặt đến bạc màu, phải lộn bên trong ra ngoài may lại mới có quần màu xanh đồng phục mặc đi học. Chú Hai Kiệm ở Quảng Ngãi gửi về cho bốn chục quyển vở, anh Ba Tham ở Sài Gòn gửi tặng bộ sách giáo khoa lớp đệ tam. Tôi trở lại Hội An, ăn nhờ ở đậu nhà chú tôi.

Năm học đệ tam,⁽¹⁰⁾ tôi chọn ban C (ban văn chương và ngoại ngữ) cùng với trên mười đứa bạn của lớp đệ tứ, một số chuyên từ trường trung học Quế Sơn, một số từ Nguyễn Duy Hiệu (Điện Bàn), tổng cộng lớp đệ tam C1 năm ấy có hai mươi bảy đứa. Tôi thường chơi thân với Lê Có, Phạm Ngọc Châu, Phạm Hải – những đứa có nhà ở Hội An nhưng thuộc diện nghèo, không khá giả lắm. Lê Có học giỏi đều các môn, giỏi nhất là môn văn và ngoại ngữ. Tôi thua nó môn ngoại ngữ, còn văn thì chia với hắn hai lần làm sơ-mi của bốn kỳ thi lục cá nguyệt.⁽¹¹⁾ Giáo sư hướng

có nạn mỗi trường tự ý bày ra một kiểu đồng phục riêng biệt và bắt học trò phải mua.

⁽¹⁰⁾ Ở miền Nam (1955-1975), bậc trung học đệ nhị cấp gồm ba lớp từ thấp lên cao là đệ tam, đệ nhị, đệ nhất. Từ năm học 1970-1971 gọi theo thứ tự từ thấp lên cao là lớp mười, lớp mười một, lớp mười hai. Học sinh chọn thêm một sinh ngữ (ngoại ngữ) thứ hai, thường là Anh hay Pháp. Một ít trường lớn ở Sài Gòn dạy tiếng Đức là sinh ngữ thứ hai.

⁽¹¹⁾ *Sơ-mi* (*chemise*, tiếng Pháp): Tờ bìa đôi bọc ngoài xấp giấy tờ, hồ sơ. Trong lớp tác giả thuở ấy, trò nào có bài thi môn văn đạt điểm cao nhất thì được thầy cô giao cho trộn xấp bài làm của cả lớp để xếp lại theo thứ tự từ cao xuống thấp; bài thi có điểm cao nhất sẽ bọc ra bên ngoài như một bìa sơ-mi.



Chiếc xe đạp mua năm 16 tuổi, sau mùa hè bán kẹo kéo.

dẫn năm đệ tam C1 là cô Nguyễn Thị Phương Lan. Cô dạy Anh Văn, đẹp và nói tiếng Anh rất hay. Ngay trong buổi học đầu tiên, cô dành cho lớp năm quyền tự điển Việt-Anh Anh-Việt của Nguyễn Văn Khôn, trong đó cô cho tôi một quyển. Có lẽ cô đã tìm hiểu lý lịch của tôi: Tên cha (chết), tên mẹ (chết).

Vào năm học mới, Hội Khuyến Học Đà Nẵng cấp học bổng cho học sinh có học lực khá, gia cảnh khó khăn qua sự giới thiệu của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Tôi được bác Mai Dinh bảo lập tờ khai, kèm theo bản sao kết quả học tập năm trước. Có lẽ hoàn cảnh của tôi bi thương quá, phải bước xuống cuộc đời từ tuổi mới mười ba, mười bốn, nên Hội Khuyến Học đã dành cho tôi một học bổng toàn phần là 800 đồng một tháng. Có được nguồn trợ cấp này, các năm tiếp theo tôi không lo nhiều về cơm áo và tập trung cho việc học tập, sinh hoạt. Tôi cũng có thời gian hơn để tham gia các sinh hoạt văn học qua trao đổi thơ văn với các bạn đồng sở thích và lập bút nhóm, viết bài đăng báo *Tuổi Ngọc*.⁽¹²⁾ Tôi lấy bút hiệu là Lê Trí Hàn Sinh.

Cũng kể thêm rằng năm học đệ tam, tôi gặp người chú tên Lương Vĩnh Đồng chuyển từ trường trung học Quế Sơn qua. Chú cũng theo ban C, ngoại ngữ chính là Pháp văn nên chú vào đệ tam C2. Hồi đó tôi thần tượng chú vì chú ăn nói

⁽¹²⁾ Tuần báo dành cho tuổi mới lớn, ra mắt năm 1969 tại Sài Gòn. Sau một thời gian đình bản, số 1 bộ mới tục bản năm 1971. Nhà văn Duyên Anh (Vũ Mộng Long, 1935-1997) làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

lưu loát, hát hay, chơi đàn guitar được. Bài ruột của chú là bài *Giọt Mưa Thu* (của Đặng Thế Phong), *Chiếc Bóng Công Viên* (của Phượng Linh, tức Nguyễn Văn Đông) và *Chuyến Tàu Hoàng Hôn* (của Minh Kỳ và Hoài Linh). Chú lớn hơn tôi bốn tuổi và do làm khai sinh trễ nên học cùng thời với tôi. Từ đó, tôi và chú còn nhiều gắn bó đầy kỷ niệm cho tới sau này. Hai chú cháu cùng thích bài thơ *Thân Phận* của Nguyễn Thúc Thụy Trâm, tên thật là Nga Tuyết, nữ sinh trường nữ trung học Hội An, đến năm đệ nhất thì chuyển qua lớp đệ nhất C Trần Quý Cáp (trích):

*Tuổi mười sáu em bỏ về với phố
Buồn muôn phương hoài vọng khát lời quê
Nghe thời gian khai tử tuổi trắng thề
Làm thân xác một mùa thu tàn tạ*

*Hồn lênh đênh như sông về biển cả
Lòng đại dương ôm buốt giá biên thùy
Buồn có buồn chưa hẳn nghĩa chia ly
Mà một thuở sân trình mình tay trắng*

*Có nhớ thương nhưng còn gì ước hẹn
Thơ đã nhiều đâu đến tận quê hương
Viết cho nhau từ buổi mới lìa trường
Lời gió núi, mưa khuya hồn dã thảo*

.....

Cùng học ban C, cùng trọ chung nhà, cùng mất quê hương vì chiến tranh ly loạn, tôi và chú có nhiều điểm gần

gũi, nhưng chú hơn tôi bốn tuổi nên vốn sống của chú rất phong phú. Tiếc thay những ngày bên chú cũng ngắn ngủi. Sang nửa năm đệ nhị, chú chuyển qua trường Phan Chu Trinh (Đà Nẵng).

Lên lớp đệ nhị, chiến tranh càng lan rộng, tình lý hẹp dần, con đường Hội An – Đà Nẵng trở nên nguy hiểm vì thỉnh thoảng có người chết vì xe đụng mìn, hoặc vì bắn sê. Đỉnh điểm của chiến tranh là cuộc tổng tấn công tết Mậu Thân (1968). Sau khi làm lược giải cá nhân,⁽¹³⁾ đến lúc bước vào tuổi mười tám, tôi được cấp tám giấy hoãn dịch vì lý do học vấn, hạn chót là ngày 04-10-1969, với tài nguyên là hạ sĩ quan trừ bị, nghĩa là kỳ thi tú tài một⁽¹⁴⁾ sẽ

⁽¹³⁾ Lược giải cá nhân nhằm thống kê tài nguyên quân dịch. Nam công dân mười sáu tuổi phải làm thủ tục này.

⁽¹⁴⁾ Xong chương trình lớp đệ nhị (từ năm học 1970-1971 gọi là lớp mười một) học sinh sẽ thi *tú tài phần thứ nhất* (gọi tắt là tú tài một), gồm tất cả các môn đã học trong niên khóa. Nếu đậu thì được học lên lớp đệ nhất (từ năm học 1970-1971 gọi là lớp mười hai), cuối niên khóa sẽ thi *tú tài phần thứ hai* (gọi tắt là tú tài hai), cũng gồm tất cả các môn đã học. Kỳ thi tú tài một được bãi bỏ từ năm học 1972-1973; sau đó tú tài hai gọi là *tú tài phổ thông*. Thí sinh đậu hai kỳ thi tú tài chia làm năm hạng: *thứ* (điểm trung bình các môn 10-11/20), *binh thứ* (12-13/20), *binh* (14-15/20), *ưu* (16-17/20), *tối ưu* hay *ưu ban khen* (18-20/20). Đậu tú tài hai từ hạng bình trở lên sẽ có cơ hội nhận học bổng để du học. Các kỳ thi tú tài ở miền Nam trước 1975 được tổ chức rất chặt chẽ, nên tỷ lệ đậu ở cả miền Nam thường không quá cao, và đa số thi đậu là học sinh trường công. Các công tư chức, binh lính, tù nhân được nộp đơn thi, gọi là thí

được diễn ra vào tháng 7, nếu thi hỏng, buộc phải nhập ngũ vào quân đội trước ngày 04-10-1969.

Nhóm bạn chúng tôi gồm Lê Có, Phạm Ngọc Châu, Hoàng Công Khanh, Phạm Hải và tôi thường đến nhà Châu học thêm ban đêm. Không ai bảo ai, chúng tôi quyết tâm chuẩn bị thật tốt cho kỳ thi quan trọng, kỳ thi quyết định trực tiếp đến số phận mình. Nếu thi đỗ, anh sẽ tiếp tục học lên đệ nhất, mở cánh cửa vào tương lai thênh thang bằng con đường đại học khi vượt qua được kỳ thi tú tài hai năm sau, hoặc nếu không đỗ tú tài hai, anh sẽ vào trường bộ binh với tài nguyên là sĩ quan trừ bị.

Tôi học tốt môn văn, tạm được môn ngoại ngữ là hai môn chính; còn toán, lý hóa, sử địa thì ở mức trung bình. Tôi rất tự tin vào học lực của mình; điều cụ thể là kết thúc năm đệ nhị, điểm trung bình cuối năm của tôi là 13,5/20 xếp hạng 6/27 học sinh.⁽¹⁵⁾

sinh tự do, và đều được đối xử công bằng. Không có quy định cộng thêm điểm ưu tiên cho bất kỳ thí sinh nào.

⁽¹⁵⁾ Ngày xưa, học sinh tuy giỏi nhưng điểm lại không cao lắm. Giáo sư, tiến sĩ giáo dục Dương Thiệu Tống (1925-2008) viết: “*Điểm nhận xét đầu tiên của tôi là điểm số các môn học ngày xưa sao lại thấp đến thế, ngay cả đối với học sinh đứng nhất lớp (...)*” Giáo sư Dương hỏi: “*Vậy phải chăng các thầy giáo chúng tôi ngày xưa không bị áp lực bởi thi đua đạt thành tích nên có thể cho điểm trung thực hơn? Phải chăng chúng tôi quá khắt khe với học sinh? Hay là học sinh ngày nay giỏi hơn xưa quá nhiều? Tôi xin phép dành các câu hỏi này cho các đồng nghiệp và các trường học của chúng ta suy ngẫm và tìm giải*

Mùa hè năm 1969 – mùa chia tay buồn thảm trong cuộc đời tôi. Đường như linh tính mách bảo những điều không hay nên tôi viết cho thằng Lê Có, bạn thân nhất lớp của tôi những dòng lưu bút thấm đẫm nỗi buồn (bài lưu bút ấy, sau bốn mươi sáu năm với biết bao biến dâu hưng phế, Lê Có vẫn còn cất giữ, nó còn giữ cả tấm ảnh thời học trò của tôi. Nét vẽ vụng về trên trang lưu bút – tôi nhận ảnh scan – nâng niu trân trọng như một vật quý...)

Mùa hè năm 1969 – mùa hè bận rộn và lo âu nhất của tôi. Hoặc tôi sẽ bước tiếp lên đệ nhất, hoặc sẽ trình diện nhập ngũ. Thời gian này cơm áo không còn là mối lo lớn nữa. Anh Hướng tôi đã vào ngành Hành Chánh Tài Chánh, anh Liễu tôi mãn khóa 1/68 Thủ Đức về Đặc Khu Đà Nẵng, đã mua được nhà ở đường trụ với Hòa An, trên ngã ba Huế, tôi có nơi ôn luyện. Lúc này tôi đã ra Đà Nẵng, cùng ôn thi với tôi có Hoàng Quốc Bê, Trần Phước Vĩnh.

Ngày 28, 29 tháng 7 năm 1969, tôi bước vào phòng thi tú tài một tại trung tâm ⁽¹⁶⁾ Sao Mai (Đà Nẵng) đây tự tin, không một chút lo âu. Sau ngày thi mấy hôm, nhóm bạn lớp tôi gồm Có, Châu, Bê, Vĩnh, Phạm Hải, tôi và Nguyễn Tuấn đèo nhau bằng Honda lên đỉnh đèo Hải Vân chơi rồi về Nam Ô tắm biển. Trèo lên cành cây cao trên núi Nam Ô, nhìn về thành phố chỉ thấy toàn là nhà và bãi biển Thanh Bình lượn cong đến mũi Sơn Trà. Chúng tôi gặm bánh mì,

đáp.” (Dương Thiệu Tống, *Suy Nghĩ Về Giáo Dục Truyền Thống Và Hiện Đại*. Nxb Trẻ 2003, tr. 279-281.)

⁽¹⁶⁾ Trung tâm: Địa điểm thi tú tài đặt tại một trường học.

uống nước lọc và chơi với nhau nguyên một ngày. Tôi có ngờ đâu, đó là ngày hội ngộ sau cùng trong đời học trò của tôi, vì khoảng mười ngày sau tên tôi không có trong danh sách thí sinh thi đậu tú tài một.

Tôi vật vã, khổ đau trước cú trượt ngã đầu đời dập tắt con đường vào tương lai trong mơ ước của tôi. Tôi đã không có tuổi ấu thơ, không có nguồn động viên an ủi nào ngoài sự lẻ loi, cô độc. Không thiết ăn uống, đêm về tôi không ngủ được. Tôi ở lì trong phòng nhà anh tôi ở đường trụ voi Hòa An. Anh tôi đóng đồn dưới chân đèo Hải Vân, chị tôi đi may ở chợ Phước Tường từ sáng đến tối mịt mới về, nên chỉ một mình tôi gặm nhấm nỗi đớn đau vô hạn.

Ít ngày sau tôi tạm vơi đi nỗi buồn thất chí. Tôi còn cả một cuộc đời dài phía trước và gần nhất là con đường vào quân ngũ, tôi phải trình diện khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn kết thúc. Không có con đường nào khác. Nhưng từ thâm tâm tôi quyết tâm sẽ làm cuộc đời mình bằng sự cố gắng khác, để vượt lên dù trong nhục nhằn, cay đắng. Tôi đón xe lam xuống ngã ba Cai Lang gặp những người anh em cùng trang lứa, tuy không học cùng lớp cùng trường, nhưng có cùng chung thân phận: Quê hương chiến tranh, trôi dạt ra thành phố kiếm sống bằng mọi công việc lương thiện ban ngày và đi học ban đêm. Trong số này có Nguyễn Văn Cao (cháu gọi tôi bằng cậu), Nguyễn Đức Ánh quê Lê Bắc (Duy Xuyên), Trần Thanh Cảnh quê làng Giao Thủy (Đại Lộc), Trần Hữu Thiệp quê Bảo An (Điện Bàn), Nguyễn Truyện quê Quế Sơn. Chỉ có Cảnh được hoãn dịch

vì lý do gia cảnh, còn lại Thiệp, Truyện, Cáo và tôi đều đến tuổi đi lính. Anh em tôi bàn nhau nộp đơn vào chuyên viên không quân. Nhưng khi nhận đơn, người ta đòi năm ngàn đồng (giá tương đương một lạng vàng). Do tôi không có tiền, nên không đi được không quân và vì thế, chỉ một mình tôi chấp nhận vào bộ binh, vào quân trường Đồng Đế. Không cùng nhau đi chung binh chủng, nhưng tình cảm với nhau, anh em tôi giữ bền mãi đến sau này, và chúng tôi thường tự hào là tình thân như thủ túc.

Một tuần lễ trước khi nhập ngũ tôi vào lại Hội An để gặp gỡ bạn bè lớp cũ. Tôi đến thăm và chào từ giã thầy cô. Điều tôi không nghĩ đến bao giờ và là điều bất ngờ đối với thầy Dương Ngọc Tạo, cô Nguyễn Thị Nguyệt là thầy cô dạy tôi môn văn năm đệ nhị, hai vị giáo sư đã thương yêu tôi, cả hai ngõ ngàng đón nhận nguồn tin không vui và càng xót xa hơn khi biết rằng tôi không còn cơ hội để làm lại. Hai vị đã an ủi tôi rất nhiều, đã cho tôi những lời khuyên sâu sắc. Trưa hôm ấy tôi ở lại nhà thầy Dương Ngọc Tạo, căn nhà cổ cấp bốn nằm sâu trong hẻm Phan Đình Phùng. Khi chào thầy lần sau cùng, thầy nắm lấy tay tôi khuyên nhủ: “Rồi em sẽ bước vào một môi trường mới, một hoàn cảnh mới, một không gian mới, tất cả đều cần sự thích nghi. Điều quan trọng là em sẽ làm gì để sớm thích nghi với những đổi thay này. Không gian nào cũng buồn chán cả thì chỉ có tâm hồn thường ngoạn mới làm nó khác đi được mà thôi.”

Cũng trong những ngày buồn chán này, tôi bắt đầu viết. Tôi viết tự truyện, làm thơ. Có những đêm tôi chợt thức

giác nghe lòng mình cực kỳ hoang vắng. Nỗi buồn theo ngày tháng càng dâng cao chụp kín tuổi thanh xuân. Vùng trời mơ ước phủ đầy mây đen như sắp sửa trút một cơn mưa lớn, tôi có còn gì đâu ngoài những đau thương mọc rễ ở tâm hồn. Tôi lại bắt đầu tập hút thuốc. Khói thuốc đắng ngắt như nỗi niềm cay đắng chất ngất ở trong tôi, nỗi buồn như làn khói trắng bay lên, tan loãng vào khoảng không.

Những vần thơ đầu đời như những tiếng than đau, tôi ngây ngô viết cho riêng mình nỗi lòng không biết tỏ cùng ai:

*Thôi hết rồi, em ơi! Còn chi nữa
Vỡ tan rồi mộng ước của đời anh
Trọn đêm này, đêm mai rồi mãi mãi
Đệt thơ sầu, khai tử tuổi tròn trăng.*

*Trả lại em những ngày đây kỷ niệm
Vui cho tròn đừng nhắc đến tên anh
Tàu anh đi em ơi còi đã điếm
Để anh đi xây đắp mộng đang trình...*

“Em ơi” là gọi ai? Tôi chưa có ai để gọi gắm, để tâm sự. Em của tôi bây giờ là thành phố thân yêu, là bạn bè thăm thiết, là thầy cô thân thương. Phải chi có một ai đó để giờ này tôi được gục đầu khóc nức nở, cho vui, cho dịu nỗi xót xa bỗng rất trong tim. Và tôi ước chi tôi còn mẹ.

Tôi chỉ có một người có thể hiểu, sẻ chia tâm sự là chú Lương Vĩnh Đồng. Chú đã xa tôi ra Đà Nẵng học rồi và

năm nay chú thi đỗ. Chú đã bứt tóc khi nghe tin buồn của tôi. Trước đây chú cháu tôi đọc cho nhau nghe những bài thơ hay, hát cho nhau nghe những bản nhạc buồn, học thuộc lòng thơ Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến và thích nhất là truyện Kiều của Nguyễn Du. Chú chép tặng tôi bài *Ngồi Lại Bên Cầu* của Hoài Khanh trong tập thơ *Thân Phận*:

*Người em xưa trở về đây một bận
Con đường cam bỗng sáng ánh diệu kỳ
Tôi lẫn trốn vì thấy mình không thể
Mây của trời rồi gió sẽ mang đi*

*Em thì vẫn nụ cười xanh mắt biếc
Màu cô đơn trên suối tóc la đà
Còn gì nữa với mây trời đang trắng
Đã vô tình trôi mãi bến sông xa*

*Thôi nước mắt đã ghi lời trên đá
Và cô đơn đã ghi dấu trên tay
Chân vẫn bước trên lối về hoang vắng
Còn chẳng em nghĩa sóng ngực căng đầy*

*Quá khứ đó dòng sông em sẽ ngủ
Giấc chiêm bao, nguyên vẹn có bao giờ
Ta sẽ gặp trong ý tình vũ bão
Con thuyền hồn trở lại bến hoang sơ*

*Rồi em lại ra đi như đã đến
Dòng sông kia vẫn cứ chảy xa mù*

*Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu.⁽¹⁷⁾*

Lên lớp đệ nhị – giao thừa của tuổi mười bảy lên mười tám. Ngưỡng cửa tuổi thành nhân, tôi bắt đầu biết mơ mộng. Lúc này tôi đang ở trại tạm định cư, tá túc gia đình một đạo hữu quê Gò Nổi để học và kèm cho một cô học trò dưới tôi hai lớp nhưng lại hơn tôi một tuổi nên những từ ngày đầu tôi gọi bằng chị. Chị có mái tóc cắt ngắn ôm quanh khuôn mặt tròn, đẹp nhất là đôi mắt. Đôi mắt sáng tinh anh, long lanh, lúc nào cũng như biết cười. Tôi không thể nào quên được có lần tôi đang học bài, chị từ phía sau nghịch ngợm bịt mắt tôi rồi giả giọng đố: “Biết ai không?” Tôi đưa hai tay đặt lên lưng đôi bàn tay của chị. Một cảm giác êm đềm, dịu nhẹ, dần lan tỏa từ khuôn mặt tôi chạy dần đến trái tim tôi. Một cảm giác không thể diễn tả, nó lâng lâng khi lần đầu tiên tôi tiếp xúc làn da mềm mại của người khác phái. Lần khác vào một đêm đông, ngoài trời mưa rả rích, tôi và chị cùng ngồi ghé tựa, học bài bên chiếc bàn, đôi mắt vào nhau. Không biết từ lúc nào, không biết ai chủ động, đôi đầu gối chúng tôi đan vào nhau, ấm áp. Tôi biết, không ai có ý đồ đen tối hay dục vọng thấp hèn, nên những giây phút ấy thoáng qua, rất nhanh, không để lại mặc cảm tội lỗi.

Cho đến khi tôi thi hồng tú tài và thời hạn hoãn dịch đã hết, đêm cuối ở Hội An, mấy đứa bạn thân làm một tiệc

⁽¹⁷⁾ Hoài Khanh, *Thân Phận*. Sài Gòn: Nxb Ca Dao 1972.

nhỏ tiễn tôi. Lần đầu tiên tôi nhấp men cay. Sáu năm dài chung lớp chung trường, chung ước mơ và chung niềm hy vọng. Ngày mai tôi, Hoàng Công Khanh, Phạm Hải, Nguyễn Anh sẽ rời phố cổ Hội An, nơi tôi đã sống cả thời niên thiếu trong đau thương, trong mất mát. Lê Có, Nguyễn Bôn, Phạm Ngọc Châu, Hoàng Quốc Bê, Trần Phước Vĩnh ở lại, dệt tiếp mộng ước tương lai.

Tôi chưa biết uống bia, bia đắng quá, khó nuốt quá, tôi không nhấp từng ngụm, bung lên là tôi uống cạn như cạn chén men đời rất buốt trái tim tôi. Tôi đốt một điếu thuốc, khói thuốc Ruby Queen thơm nồng tỏa lan. Qua làn khói tôi thấy đôi mắt bạn bè nhìn tôi buồn rười rượi. Chút men cay đã làm tôi bớt buồn. Tôi nhớ lời cô Nguyệt, giáo sư Việt văn nửa năm đệ nhị khuyên nhủ khi tôi đến giả từ cô: “Em đi, cần nhất là giữ gìn sức khỏe. Sự ra đi của em, chị tin rằng em sẽ thành công, thành công ở một hướng đời khác. Điều cốt yếu là không được quyền buông bỏ ước mơ. Vào quân trường, những ngày đầu sẽ rất bỡ ngỡ, gian nan, chị tin rằng em sẽ đủ nghị lực vượt qua. Khi có địa chỉ ổn định nhớ biên thư cho chị...” Cô giáo tôi – một người tôi vừa kính, vừa yêu từ nhan sắc, tính tình đến giọng nói, ngọt ngào chia sẻ cùng tôi. Đại từ mà cô xưng cùng tôi là *chị-em*. Cô không xem tôi là đứa học trò để cô dạy bảo, cô đã xem tôi là đứa em nhỏ bé để an ủi, vỗ về, và tôi đã được an ủi, vỗ về.

Ngắm chút men cay, lũ bạn tôi tha hồ kể lể những kỷ niệm của sáu năm cùng học. Nào những đêm ôn bài ở nhà

Phạm Ngọc Châu nhóm chúng tôi được dì Bốn là mẹ thứ của Châu nấu mì tôm Đại Hàn ăn cùng với kim chi hộp ngon hết sảy; nào những buổi thuyết trình văn học tại lớp; nào những đêm xem phim rạp Hòa Bình ở đường Bạch Đằng; nào những lần đi biển Cửa Đại cùng nhau...

Bữa tiệc nhỏ diễn ra đến gần nửa đêm mới tan. Tôi bước về trong mưa khuya lất phất. Trời lập đông mang giá buốt rét run thấm vào da thịt, trên từng ngón tay tê cứng, nhưng từ cổ họng trở vào, men bia như mang hơi ấm chạy vào tới ngực. Tôi bước từng bước nhỏ trong mưa khuya, con đường Nguyễn Trường Tộ nhòa dưới ánh đèn đường vàng vọt. Qua khỏi nhà thờ thì đến đoạn đường đá lờm chờm dẫn ra miếu Ông Cọp, tiếp đến là con đường đất dẫn ra trại tạm định cư. Đoạn đường này tôi om vì không có đèn đường, tôi bắt giắc lạng buồn. Con đường tôi quá, tôi như ngày mai của một thằng học trò hỏng thi chỉ một lần trong đời và phải đùn đầu vào quân trường khắc nghiệt, chôn tuổi thanh xuân trên nắng cháy thao trường.

Trời vẫn mưa, tôi vẫn thả những bước ngắn trên con đường đất dẫn vào khu tạm cư Cao Đài và dừng lại trước hiên nhà người học trò của tôi mà tôi gọi bằng chị. Đèn vẫn còn sáng, Thúy (tên người con gái) vẫn đang còn thức. Ánh sáng vàng vọt từ ngọn đèn trần hắt qua khe cửa hẹp. Dưới chân tôi nước mưa từ bộ quần áo ướt sũng chảy thành vũng. Phía trong Thúy vẫn vùi đầu vào trang vở, bên ngoài trời tối đen vẫn đang tí tách mưa. Tôi bỗng dung thấy lạnh. Vùng ánh sáng bên trong là của Thúy, đêm đen và con

đường tối tăm phía trước là của tôi. Tôi phân vân định đưa tay gõ cửa, nhưng rồi lại thôi. Tôi lặng lẽ quay đi, lặng lẽ già từ một kỷ niệm đầu đời.

*Rời em lại ra đi như đã đến
Dòng sông kia vẫn cứ chảy xa mù
Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu.*

Đời tôi đã bắt đầu hoang vu khi giữa hồn tôi, nỗi đau thương mặn đắng. Tôi bước lên cây cầu chênh vênh vào đời với kỷ niệm học trò bi thương, hồn tôi đơn lẻ vô cùng.

VĨNH BIỆT HUYNH LÊ TRÍ TỔNG

Khi quý đạo hữu đọc hồi ức trên đây thì hiền huynh Lê Trí Tổng đã an nghỉ trong tình thương Thầy Mẹ chúng ta. Chúng tôi đang chuẩn bị đăng phần cuối hồi ức của huynh Tổng trên Văn Uyển tập Lợi (số 19) thì trưa ngày 30-4-2016, hiền nội của huynh (chị Tuyết Mai) điện thoại cho biết huynh đã về cõi vĩnh hằng lúc 15 giờ kém 5 phút ngày 12-3 Bính Thân (18-4-2016), tại nhà riêng ở Đà Nẵng, an táng tại nghĩa trang Hòa Sơn (Đà Nẵng).

Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo kính thành thắp nén hương lòng, hiệp tâm cùng tang quyến và các đạo hữu cầu nguyện giác linh hiền huynh Lê Trí Tổng (tuổi Tân Mão, 1951) sớm thọ hưởng ơn cứu rỗi của Thầy Mẹ nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

CHỊ TÔI

Chị tôi lật đật xuống đò
Bỏ quên đụn nắng nằm co bên thềm
Lựa tình dệt bảy nghìn đêm
Buồng cau quá lứa còn thềm chỗ rơi

Chị tôi khăn áo theo người
Vành mi cong với nụ cười trở bông
Đêm ngồi chuốt nhọn mũi chông
Toan ghim bến lở vào trong sông bồi

Nghĩ càng thương hạt cơm sôi
Thương hương bồ kết đáy nồi vớt ra
Xuân thì mơn mớn người ta
Chị tôi xuân muộn bằng ba trăng tròn

Khuya nghe rụng tiếng bông gòn
Chút thơ ngây biết có còn hay không
Từ hôm chị bước theo chồng
Mẹ ngồi đếm lá sầu đông chuyển mùa.

HUỲNH VĂN MƯỜI

Tháng 12-2015

Thánh thất Nam Trung Hòa (Quảng Nam)

TỰ KHÚC 2

Một bóng nhỏ, một đèn chong
Một tâm vô niệm, một dòng chân kinh
Thoát trần mở cửa huyền linh
Tướng tâm trong một, tự mình bước vô

Hai tay nâng bức hà đồ
Chân kinh ngư đập lô xô sóng cuồng
Đường lên trăm dốc nghìn truông
Chống chèo qua những lạch luồng trở ngăn

Gội lòng sáng tự gương trăng
Nhu lai dần đã thường hằng trong ta
Nhộng tầm tỉnh giấc mù sa
Một hôm tách vỏ bước ra thành ngài.

HUỲNH VĂN MƯỜI

Tháng 12-2015

TỰ KHÚC 3

Cầm hòn đá cuội trên tay
Mấy nghìn năm tự lẫn quay để tròn
Sóng cuồng mặt biển hoàng hôn
Bao nhiêu gió để gọi hồn nước dâng

Ta phơi một mảnh phong trần
Phải đầu nắng sót một lần rồi khô
Tìm mình giữa chốn hư vô
Đợi chi đến lúc trên mô cỏ lay
Cầm đèn bát nhã trên tay
Chuốt thân củi mục để ngày trầm hương.

HUỲNH VĂN MƯỜI

Tháng 2-2016

BƯỚC TIẾP

*Mừng ngày khánh thành thánh thất Quảng Hòa
(Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)
thị trấn Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam.*

Vui quá sáng xuân nay
Sương sớm bay bay theo từng tiếng hát
Tia nắng còn cào nghiêng nghiêng phím nhạc
Ta cúi mình trước thánh thể ba ngôi
Nghe lửa tim reo đập nhịp bồi hồi
Sung sướng quá! Hồn ta say chất ngất
Nghe trong gió hương đời thơm vị mật
Đạo kỳ bay lộng lộng giữa muôn sao
Ta bước đi lộp lộp ngẩng cao đầu
Mạch sống trẻ vượt trăm ngàn gai sắc
Hạnh phúc mới trào dâng trên khóe mắt
Tạ ơn Thầy, quả ngọt đã trao tay

Ta bước đi trong tiếng gọi Cao Đài
Lửa tim cháy chưa từng phai sắc đỏ
Lòng tươi mới như buồm căng sức gió
Dầu thắp năm, hương sắc cứ thơm nồng
Ta đi trong tiếng hát vạm thiên thần
Nhịp trống phách giục bàn chân thiên sứ
Đay áo trắng viết dài trang huyền sử
Đất rung lên triệu triệu đóa môi cười
Đi, đi hoài, đi nữa anh em ơi!
Ta bước tới cùng trời hay cuối đất
Ngọn đuốc sáng chuyền tay ta nắm chặt
Hiển dâng mình bụi đất hóa tương lai.

HUỲNH VĂN MƯỜI

Tháng 2-2016

ĐÍNH CHÍNH

* **Đại Đạo Văn Uyển tập Trình** (số 16), quý Bôn 2015:
trang 39, dòng 9:

→ Năm 1932, tiền bối Trần Văn Tia (~~sinh năm 1886~~)
trang 79, dòng 14: **ánh** hưởng → **ảnh** hưởng

* **Đôi Điều Về Bình Giảng Thánh Giáo**, của Huệ Khải:
trang 41, dòng 10: **chờ** đợi tuổi già → **chớ** đợi tuổi già
trang 45, dòng 1↑ (*dấu ↑ nghĩa là từ dưới đếm ngược lên*):
phụng **xuất** là → phụng **xuất hiện** là

trang 78, dòng 9↑: **rán** chí bền → **ráng** chí bền
trang 82, dòng 5: **lập** đi **lập** lại → **lập** đi **lập** lại

TRẦN TRỌNG KIM VÀ VIỆT NAM SỬ LƯỢC *

TRẦN VĂN CHÁNH

Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim xuất bản lần đầu năm 1920 (lời tựa của tác giả đề tại Hà Nội, tháng 10-1919) là bộ thông sử đầu tiên của Việt Nam soạn theo phương pháp mới và viết bằng chữ quốc ngữ, nhưng lại tương đối đầy đủ và có thể được coi là một bộ tin sử có phong cách trình bày ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu dễ nhớ, sinh động và hấp dẫn nhất từ trước đến nay.

Với khối lượng dày gần 600 trang, nội dung sách trình bày một cách sơ lược và có tính hệ thống, nhưng không bỏ sót những chi tiết chủ yếu, toàn bộ lịch sử nước Việt từ thời thượng cổ, kể từ họ Hồng Bàng huyền sử (2879-258 trước Công Nguyên), cho đến thời Pháp thuộc, dừng lại ở những năm đầu thế kỷ Hai Mươi (1902), với một đoạn ngắn chừng hơn một trang gần cuối sách được “tạm” viết thêm vào khi tác giả sửa chữa bổ sung cho ấn bản lần thứ ba (1949), trong đó chỉ nhắc lướt qua một số sự kiện lịch sử nổi bật liên quan các phong trào kháng Pháp của người Việt cho đến khi vua Bảo Đại thoái vị (1945) trao quyền lại cho chính phủ Việt Minh⁽¹⁾.

* Trích lại bài viết “Trần Trọng Kim Và Việt Nam Sử Lược” in

Thật ra, đây chỉ là một công trình có tính tập đại thành đã được Trần Trọng Kim gom góp, phát triển lên từ những công trình nhỏ hơn của chính ông trước đó, tức những bài Nam sử bậc tiểu học do ông phụ trách biên soạn cho mục Học Khoa đăng trên *Đông Dương Tạp Chí* (từ số 43, tháng 3-1914), và quyển *Sơ Học An Nam Sử Lược*⁽²⁾ xuất bản năm 1917.

Trước nữa, Việt Nam cũng đã từng có mấy bộ sử chép theo lối cũ biên niên bằng chữ Hán của các triều Lê, Nguyễn, cũng như vài sách tiếng Pháp của Trương Vĩnh Ký (*Cours d'Histoire Annamite*, Sài Gòn, 1875), của Schreiner (*Abrégé de l'Histoire d'Annam*, Sài Gòn, 1906)⁽³⁾

ở đầu sách *Việt Nam Sử Lược* do Nxb Văn Học hợp tác với Công Ty Văn Hóa & Truyền Thông Nhã Nam xuất bản tháng 12-2015. [Văn Uyển chú]

⁽¹⁾ Nói “tạm” viết thêm vào vì Trần Trọng Kim đã có dự định viết tiếp quyển sử cho những giai đoạn tiếp sau, nhưng không thành, như ông đã trình bày ở một dòng chú thích dưới phần TỔNG KẾT sách *Việt Nam Sử Lược*: “Trước tôi đã dự bị viết một quyển sử nối theo sách này. Tôi đã thu nhặt được rất nhiều tài liệu. Chẳng may đến cuối năm Bính Tuất (1946) có cuộc chiến tranh ở Hà Nội, nhà tôi bị đốt cháy, sách vở mất sạch, thành ra đành phải bỏ quyển sử ấy không làm được nữa.” (Ấn bản lần ba, tr. 573).

⁽²⁾ Hồi đó, do tác giả xuất bản; “bán tại nhà người làm sách và các hàng sách” (theo một chú thích cuối trang của Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, Quyển II, Sài Gòn: Nxb Thăng Long, 1960, tr. 208).

⁽³⁾ Sách này có một bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Văn Nhân,

... mà Trần Trọng Kim có dẫn dụng tham khảo, nhưng tất cả đều không còn thích dụng hợp thời, nên ngay từ khi ra đời, *Việt Nam Sử Lược* đã được quần chúng đón nhận nhiệt liệt, và hầu như chưa bị búa rìu gì dữ dội từ phía những học giả khó tính nhất (như Phan Khôi, Nguyễn Văn Tố...), tuy rằng lẽ tất nhiên nó chưa phải là một bộ sử hoàn hảo.

Cái mới không chỉ ở chỗ lần đầu tiên có bộ thông sử khá đầy đủ viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾, mà điều quan trọng hơn nữa là lần đầu tiên tác giả đã tham khảo lối viết sử tiến bộ có tính khoa học hơn của phương Tây, thoát ly ra khỏi lối chép biên niên truyền thống của Trung Quốc vốn chỉ nêu lên từng sự kiện riêng lẻ, rời rạc, từ đó biết chia lịch sử Việt Nam ra làm năm thời kỳ theo từng đặc điểm tương đối chung nhất của mỗi thời kỳ để trình bày các diễn biến lịch sử thành một câu chuyện liên tục và hấp dẫn, cho thấy được

dưới nhan đề *Đại Nam Quốc Lược Sử*, do Alfred Schreiner, chủ bán sách, xuất bản tại Sài Gòn. Bài Tựa bản dịch tiếng Việt ghi: Saigon, ngày 25 tháng Avril 1905, nhưng ngoài trang bìa giả có ghi: “Diễn ra quốc âm theo kỳ in tiếng Langsa lần thứ hai, có chủ bút quản sóc”. Trong khi đó, sách gốc tiếng Pháp *Abrégé de l’Histoire d’Annam*, bản in lần thứ hai (deuxième édition), ngoài bìa lại ghi Saigon, 1906. Vậy chắc tác giả giao cho ông Nhân dịch từ khi có bản in tiếng Pháp lần thứ nhất (trước 1906), nhưng vì lý do thương mại, họ đề “theo kỳ in tiếng Langsa lần thứ hai” cho sách có tính cập nhật và dễ bán?

⁽⁴⁾ Năm 1913, đã có *Việt Nam Sử Yếu* của Hoàng Cao Khải đăng dần trên *Đông Dương Tạp Chí*, từ số 2 đến số 21, tổng cộng 159 trang, nhưng nội dung còn rất sơ sài và thiếu tính hệ thống.

mối liên lạc nhân quả, biện chứng giữa các sự kiện xảy ra theo dòng thời gian. Ngoài ra, khác với lối chép sử của các sử thần thời phong kiến, thường chỉ chú ý ghi chép hành vi, hoạt động của vua chúa, hoàng hậu và giới quan lại, gắn với những hoạt động tranh bá đồ vương, coi sử của quốc gia đồng nghĩa với sử của tầng lớp vua chúa quý tộc, mà vắng bóng hẳn bộ mặt sinh hoạt của người dân, *Việt Nam Sử Lược* trái lại đã bắt đầu chú ý đưa vào thật nhiều những sự kiện liên quan đời sống thực tế người dân, như việc học hành thi cử, tiền tệ, đo lường, thuế má, luật pháp, xã hội, phong tục, tín ngưỡng...

Trước khi đi vào cụ thể từng thời kỳ lịch sử, tác giả đã có một phần riêng ở đầu sách trình bày tổng quát về NƯỚC VIỆT NAM (Quốc hiệu, Vị trí và diện tích, Địa thế, Chung loại, Gốc tích, Người Việt Nam, Sự mở mang bờ cõi, Lịch sử Việt Nam), tương đương với một bài dẫn nhập ngắn gọn, giúp người đọc nắm bắt nhanh những kiến thức căn bản để từ đó thông tỏ mối giềng lịch sử của dân tộc một cách dễ dàng hơn.

Trong quá trình mô tả lịch sử, ở những chỗ xét thấy cần thiết, tác giả còn chen vào cung cấp những kiến thức cần biết để giúp hiểu rõ mối liên lạc nhân quả giữa các sự kiện lịch sử đã diễn ra, như khi cần trình bày bối cảnh chính trị – văn hóa – xã hội như thế nào của nước Tàu, nước Chiêm Thành, nước Tiêm La, nước Cao Miên, nước Pháp... mà có quan hệ với nước ta (chẳng hạn, ở quyển I, chương III: “Xã hội nước Tàu về đời Tam Đại và đời nhà Tần”, và chương

VI: Sự kết quả của thời đại Bắc thuộc; ở quyển III, chương IV, đoạn nói về việc đánh nhà Tống, trước hết cũng nói qua việc cải tổ chính trị nước Tàu của Vương An Thạch...). Đặc biệt ở quyển V (Cận kim thời đại), chương VI là một chương quan trọng, cho biết “Chế độ và tình thế nước Việt Nam đến cuối đời Tự Đức”, giúp giải thích được nguyên nhân của thảm trạng mất nước vào tay người Pháp.

Cuối mỗi triều đại vua chúa hay kết thúc một chương sách, tác giả hầu như luôn không quên đưa vào một đoạn văn tóm tắt ý chính, đồng thời xen vào những lời nhận xét đánh giá, bình luận riêng, để giải thích nguyên nhân gốc rễ các hiện tượng, trên cơ sở phân tích hợp tình lý những yếu tố ảnh hưởng thuộc về chính trị, nhân tâm, lực lượng của nhiều biến cố quan trọng, như cuộc đại thắng quân Nguyên của nhà Trần, cuộc thất bại của nhà Hồ, việc nhà Hậu Lê mất ngôi vua...

Về phương pháp ghi niên đại, có thể nói *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim là một mẫu mực đầu tiên ở nước ta trong việc thể hiện ngày, tháng, năm một cách khoa học, rõ ràng nhất, bằng cách ghi kết hợp cả ba yếu tố năm âm lịch, năm dương lịch với niên hiệu các vua. Việc chưa thêm nguyên văn chữ Hán sau những từ Hán Việt về tên người, tên đất, tên chức quan... cũng cần thiết, vừa đảm bảo tính chính xác, vừa giúp các nhà khảo cứu dễ dàng kiểm chứng, so sánh mỗi khi cần sử dụng đến những tài liệu cũ chữ Hán.

Đầu quyển IV (Tự chủ thời đại), khi chuẩn bị mô tả thời kỳ Nam Bắc phân tranh (1533-1788) trong đó trên có vua

Hậu Lê dưới có chúa Trịnh ngoài Bắc và chúa Nguyễn trong Nam, cục diện diễn ra đan xen nhau cực kỳ phức tạp, nếu tác giả không giúp bằng cách dành riêng cả chương I gọi là “Lịch triều lược kỷ” (Ghi sơ lược qua các triều vua, chúa) dưới hình thức một bảng liệt kê so sánh rất rõ ràng mạch lạc mối tương quan giữa các vua và các chúa, thì người đọc thật không tài nào nắm bắt được diễn biến các sự kiện lịch sử. Các bảng Thế Phổ chen vào rải rác theo từng triều đại vua chúa, sáu tờ bản đồ, cũng như bảng Niên Biểu lập ở cuối sách, đều như những bài “toát yếu” giúp người sử dụng sách có thể thu tóm và ôn tập kiến thức để nhớ được một cách dễ dàng hơn những sự kiện hoặc nhân vật lịch sử quan trọng... Cho nên có thể nói, về phương diện mô tả lịch sử một cách vừa khoa học vừa tài tình và hấp dẫn, cho đến nay vẫn chưa thấy có công trình mới nào tương tự mà có thể so sánh được với *Việt Nam Sử Lược*.

Về quan điểm chép sử và bình sử, Trần Trọng Kim đã giữ được thái độ gần như hoàn toàn khách quan trung thực, như ông đã bày tỏ trong lời Tựa ở đầu sách. Ông không đứng hẳn về phe nào, thậm chí không phân biệt địch-ta, nhờ vậy luôn khen-chê đúng mực, nói lên được tiếng nói của lương tri nhà sử học, và có can đảm xét lại một số vấn đề “nhạy cảm” vào lúc tác phẩm ra đời (năm 1920), như khi xét lại để thừa nhận tính chính đáng (chính thống) của nhà Tây Sơn vốn xưa nay vẫn bị các sử gia triều Nguyễn coi là “ngụy Tây”. Chỗ này, ông phải tìm cách khéo léo giảng rõ để biện bạch: “*Thời đại nào nhân vật ấy và tư tưởng ấy, soạn giả cứ bình tĩnh cứ theo cho đúng sự thực.*”

Thỉnh thoảng có một đôi nơi soạn giả có đem ý kiến riêng của mình mà bàn với độc giả, thí dụ như chỗ bàn về danh hiệu nhà Tây Sơn thì thiết tưởng rằng sử là của chung cả quốc dân, chứ không phải riêng cho một nhà một họ nào, cho nên mới phải lấy công lý mà xét đoán mọi việc và không vị tình riêng mà để phạm đến lẽ công bằng vậy.” (Trích lời Tựa.)

Mỗi khi có dịp, ông còn nói rõ hơn: *“Cái nghĩa vụ làm sử, tưởng nên kê cứu cho tường tận, rồi cứ sự thực mà nói, chứ không nên lấy lòng yêu ghét của mình mà xét đoán. Dẫu người mình ghét mà có làm điều phải, mình cũng phải khen; người mình yêu mà có làm điều trái, mình cũng phải chê.”* (Ấn bản lần 5, tr. 427.)

Ở đoạn mở đầu sách, khi mô tả đặc điểm người Việt Nam, Trần Trọng Kim đã không ngần ngại nêu lên cả những tính tốt lẫn nét xấu. Đối với vài triều đại làm việc gian ác, thoán nghịch, nêu nhân vật có khía cạnh gì hay thì ông vẫn khen, như công nhận Trần Thủ Độ là người tài năng, Hồ Quý Ly không phải hạng người tầm thường; khen Mạc Ngọc Liên đã trở lại một lời nói thật trung hậu; nhận định về tính cách bạc nhược của tập thể triều đình Lê Chiêu Thống; nêu cả mặt tốt lẫn mặt rất xấu của vua Minh Mạng, bình phẩm thẳng thắn cách xử tội tàn ác của vua đối với một đứa trẻ và hai người ngoại quốc; chê Tôn Thất Thuyết gian độc hèn nhát nhưng lại khen hai người con trai của ông Thuyết (Tôn Thất Thiệp và Tôn Thất Đạm) *“thật là bạc thiếu niên anh hùng, có thể che được cái xấu cho cha”*...

Đối với vài ông vua có vai trò đặc biệt quan trọng trong lịch sử và có mệnh hệ đến tiền đồ dân tộc, tác giả luôn có thêm một tiểu mục mở đầu chương sách để xét về đức độ của họ (như các vua Trần Anh Tông, Quang Trung, Thánh Tổ [Minh Mạng], Hiến Tổ [Thiệu Trị], Dục Tông [Tự Đức]), hẳn vì ông đã có sẵn một quan niệm hết sức rõ ràng dứt khoát: Làm vua hay làm nguyên thủ quốc gia mà kém đức thì chỉ có hại dân hại nước!

Thái độ chép sử khách quan như trên đã thể hiện phần nào qua việc sử dụng ngôn từ lịch sử, nhã nhặn của Trần Trọng Kim, trong mọi tình huống, và dường như lúc nào ông cũng nói năng một cách ôn tồn, trầm tĩnh, thậm chí vô cảm như một kẻ hoàn toàn ngoài cuộc. Chẳng hạn, đối với các nhà vua, thì ông luôn gọi kính trọng bằng “ngài”, cho dù vua đó là một kẻ rất hoang dâm vô độ như Lê Tương Dực (tuy nhiên đối với kẻ quá bạo ngược như Lê Long Đĩnh / Ngọa Triều thì ông đã cố tránh chữ “ngài” và chỉ gọi bằng tên Long Đĩnh). Tương tự như vậy, khi kể đến những trận giao chiến giữa lực lượng thực dân Pháp với quan quân kháng chiến người Việt, dường như ông cũng đứng ở vị trí bàng quan mà kể, gọi các sĩ quan Pháp bằng tên chức vụ (như Đại Tá X, Trung Tướng Y...), chứ không bao giờ dùng những từ ngữ nặng nề (như “tên” đại tá, “bọn” thực dân Pháp^[5]...). Có lẽ chính thái độ “trung dung” kiểu đứng

⁽⁵⁾ Riêng về từ “bọn”, *Việt Nam Sử Lược* rất hay dùng, như khi nói “bọn ông Mạc Đĩnh Chi”, “bọn cự thần như ông Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn...”, thì hoàn toàn không có ý

kẽ giữa này là một trong những nguyên nhân gây ngộ nhận khiến có một số người đã lên án Trần Trọng Kim là một học giả tài giỏi nhưng bạc nhược và phản động, dẫn đến sách của ông có thời gian bị cấm tuyệt lưu hành ở miền Bắc. Tuy nhiên, nếu đọc kỹ *Việt Nam Sử Lược* với một chút tinh tế, ai ai cũng sẽ nhận ra ông đã luôn biểu lộ tình cảm một cách kín đáo tế nhị, và đôi lúc nồng nhiệt, thiết tha, mỗi khi ngợi khen hoặc tỏ ý cảm khái, khâm phục đối với một vị quan thanh liêm biết thương dân (như Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản...), những con người trung dũng kháng Pháp (như Lê Trực, Phan Đình Phùng...), hay trước cái chết của một chiến sĩ hết lòng vì nước. Như đoạn tả Tôn Thất Thiệp hy sinh vì hết lòng bảo vệ vua Hàm Nghi đang chống Pháp, Tôn Thất Đạm thất cổ tự tử vì không bảo vệ được vua, để cho vua bị bắt, thật hết sức cảm động.

Xét cho cùng, thái độ “trung dung”, “trung lập” nhưng cận nhân tình kiểu Trần Trọng Kim cũng là một loại thái độ khách quan trong việc mô tả lịch sử bằng ngôn ngữ khoa học trung tính, ở đó không có sự thiên lệch bên nào ngoài sự thật lịch sử khách quan, nên không cần dùng tới những lời lẽ mạt sát nặng nề hay tâng bốc quá đáng đối với bất kỳ ai đã trở thành nhân vật của quá khứ, dù người đó thuộc

khinh thường, mà chỉ vì quen dùng theo câu văn chữ Hán cổ có chữ “bôi” 輩 đặt sau tên người, để chỉ số nhiều người. Nếu muốn tỏ ý xưng hô khinh thường, Trần Trọng Kim dùng từ “nó”, hoặc “tên”, như khi kể chuyện kẻ phản bội Trương Quang Ngọc nhận hối lộ của thực dân Pháp đi tìm bắt vua Hàm Nghi.

phe nào chẳng nữa.

Ở một mặt khác, người ta còn có thể thấy Trần Trọng Kim viết *Việt Nam Sử Lược* với một tâm ý và chủ đích không tầm thường, mà đã trút hết tâm huyết vào trong công trình biên khảo của mình. Điều này không chỉ đã được nêu rõ một phần khi mở đầu bài Tựa, mà còn được phát biểu rải rác trong suốt tác phẩm, bằng cách luôn tìm cách kích động lòng ái quốc và cổ vũ chí độc lập, tự cường của dân tộc, nhưng với tinh thần xây dựng hòa bình, chủ hòa nhiều hơn chủ chiến. Như trong mấy trang mở đầu, ở tiểu mục số 8 “Lịch sử Việt Nam”: “*Từ khi người Việt Nam lập thành nước đến giờ, kể hàng mấy nghìn năm, phải người Tàu cai trị mấy lần, chịu khổ sở biết bao nhiêu phen, thế mà sau lại lập được cái nền tự chủ, và vẫn giữ được cái tính đặc biệt của giống mình, ấy là đủ tỏ ra rằng khí lực của người mình không đến nỗi kém hèn cho lắm. Tuy rằng mình chưa làm được việc gì cho vẻ vang bằng người, nhưng mình còn có thể hy vọng một ngày kia cũng nên được một nước cường thịnh.*”

“*Vậy ghi chép những cơ hội gian truân, những sự biến cố của nước mình đã trải qua, và kể những công việc của người mình làm từ đời nọ qua đời kia, để cho mọi người trong nước đều biết...*”

Ở tiểu mục số 9, “Lòng yêu nước của người Việt Nam” (thuộc quyển 5, chương XV), tác giả lại ca ngợi lòng ái quốc, chí quật cường của dân tộc sau khi dẫn chứng một số cuộc khởi nghĩa, vận động cách mạng trong nước. Đặc biệt,

ở bài TÔNG KẾT cuối sách, tâm huyết và sự lo lắng của ông đối với tiền đồ dân tộc lại càng thêm rõ nét: “*Vận mệnh nước Việt Nam hiện nay còn ở trong tay người Pháp, sự hay dở tương lai chưa biết ra thế nào. Song người bản quốc phải biết rằng phàm sự sinh tồn tiến hóa của một nước, là ở cái chí nguyện, sự nhẫn nại và sự cố gắng của người trong nước. Vậy ta phải hết sức mà học tập, mà giữ cái tâm trí cho bền vững, thì chắc tương lai còn có nhiều hy vọng. Nước Việt Nam ta đã có cái văn hóa chẳng thua kém gì ai, và lại có một lịch sử vẻ vang, nhưng chỉ vì sự làm lỗi một lúc mà phải chịu cái cảnh suy hèn. Nếu ta biết lợi dụng cái tiềm lực cố hữu và cái tính thông minh hiểu học của ta để theo thời mà tiến hóa, thì sao ta lại không có ngày nổi được cái chí của ông cha mà dật thêm một đoạn lịch sử mỹ lệ hơn trước?*”

“*Có một điều thiết tưởng nên nhắc lại là ta nên giữ lấy những điều hay của ta vẫn có, bỏ những điều hủ bại đi, và bắt chước lấy những điều hay của người, để gây lấy cái nhân cách đặc biệt của dân tộc ta và cùng tiến với người mà không lẫn với người. Muốn được như thế, ta phải biết phân biệt cái hay cái dở, không ham muốn những cái huyền hão bề ngoài, rồi đồng tâm hiệp lực với nhau mà làm mọi việc cho thành cái hiệu quả mỹ mãn.*”

“*Nước nào cũng có lúc bĩ lúc thái, đó là cái công lệ tuần hoàn của Tạo Hóa trong thế gian. Tự xưa chưa thấy có nước nào cứ thịnh mãi hay cứ suy mãi. Khi lâm vào cảnh bĩ mà người trong nước cứ vững lòng giữ được cái nghị lực*

để sinh tồn và tiến hóa, thì rồi thế nào cũng có ngày chấn khởi lên được. Vậy chúng ta đây đều là một dòng dõi nhà Hồng Lạc, nếu ta biết kiên tâm bền chí, thì há lại không có một ngày ta có cái địa vị vẻ vang với thiên hạ hay sao? Sự ước ao mong mỏi như thế là cái nghĩa vụ chung cả chủng loại Việt Nam ta vậy.”

Về mặt nhược điểm của *Việt Nam Sử Lược* thì trước nay một số nhà nghiên cứu - phê bình ⁽⁶⁾ cũng đã vạch ra khá rõ rồi. Đại khái: Cách phân kỳ lịch sử vài chỗ còn nhập nhằng chưa hợp lý (như Triều Nguyễn xếp vào Cận kim thời đại, trong khi vẫn có thể xếp vào Tự chủ thời đại trước đó...). Tài liệu tham khảo để biên soạn chưa được dồi dào lắm, chủ yếu chỉ sử dụng khoảng trên hai mươi cuốn sách cũ viết bằng chữ Hán và chữ Pháp, mà thiếu sự khảo sát thực địa các di tích, hiện vật lịch sử, cũng như chưa có sự phối hợp liên ngành bằng cách chú ý đến những công trình nghiên cứu về khảo cổ học, cổ tiền học, cổ sinh vật học... Viết về giai đoạn Hậu Lê, Trịnh Nguyễn phân tranh và Pháp thuộc, tác giả còn ít sử dụng loại tài liệu báo chí và chưa khai thác đến những tập du ký, hồi ký, tài liệu ghi chép... vốn khá xác thực, sinh động của một số giáo sĩ thừa sai, doanh nhân, quân nhân... người châu Âu đã từng có mặt ở Việt Nam vào những năm đầu và giữa thế kỷ 17.

⁽⁶⁾ Có thể xem: Vũ Ngọc Phan trong *Nhà Văn Hiện Đại* (quyển II, Sài Gòn: Nxb Thăng Long, 1960, tr. 209-215), Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* (tập III, Sài Gòn: Nxb Quốc Học Tùng Thư, 1965, tr. 288-293).

Về lập trường tư tưởng, có người chê Trần Trọng Kim vẫn chưa thoát ra khỏi những thành kiến triết lý, luân lý Nho Gia về mệnh Trời cũng như những quan niệm cũ kỹ về sự phân biệt trung nghịch chánh ngụy, và qua ngôn từ diễn đạt, dường như ông có vẻ hơi vị nể triều Nguyễn và có chút khép nép đối với người Pháp... Tuy nhiên, mấy lỗi này đều có lý do chính đáng để thông cảm. Về mệnh Trời, thật khó đưa ra sự phán đoán dứt khoát một quốc gia thịnh hay suy, còn hay mất... là có tùy thuộc mệnh Trời thật hay không. Còn về thái độ vị nể, khép nép..., chúng ta ai cũng biết Trần Trọng Kim vốn là công chức ngành giáo dục ăn lương của Pháp, viết *Việt Nam Sử Lược* trong lúc đất nước còn nô lệ với sự tồn tại của chế độ phong kiến nhà Nguyễn, mà theo quan niệm xưa, cách nay gần trăm năm, dù quyền uy của triều đình Nguyễn đã sút giảm đi nhiều, ông cũng thuộc thân phận / địa vị thần tử. Sang đến bản in lần thứ 5 (in xong tháng 3-1954), khi tình thế mới cho phép, Trần Trọng Kim đã cho sửa một chỗ “Đại Pháp” (tr. 17) thành “Pháp” (bỏ chữ “Đại”); còn những chỗ khác như “quan Trung Tướng”, “quan Tổng Đốc Toàn Quyền”... thì bỏ hẳn chữ “quan”, hoặc thay bằng chữ “viên”..., cho thấy cái sự khép nép trước đây cũng chỉ vì lý do khôn khéo cần thiết, như viết thì phải lách, “một bước tiến hai bước lùi”, nếu không muốn nói vạ bất đắc dĩ!

Dù sao, một số mặt hạn chế này khác như chúng ta vừa nêu, cũng đã được tác giả khiêm tốn dự liệu và tự nhận trước trong lời Tựa: “*Độc giả cũng nên biết cho rằng bộ sử này là bộ Sử Lược chỉ cốt ghi chép những chuyện yếu trọng*

để hãy tạm giúp cho những người hiếu học có sẵn quyển sách mà xem cho tiện. Còn như việc làm thành ra bộ sử thật là đích đáng, kê cứu và phê bình rất tường tận, thì xin để dành cho những bậc tài danh sau này sẽ ra công mà giúp cho nước ta về việc học sử. Bây giờ ta chưa có áo lụa, ta hãy mặc tạm áo vải, tuy nó xấu xí nhưng nó có thể làm cho ta đỡ rét.”

Và có lẽ cũng nên nói như nhà nghiên cứu văn học Phạm Thế Ngũ, “*Song phải thành thật mà nhận rằng về phía chúng ta là người phê bình tác giả, cái áo lụa mà ông cầu chúc cho chúng ta ấy, cho đến bây giờ ta vẫn chưa có mà mặc.*”⁽⁷⁾

Trong *Phê Bình Và Cảo Luận* (Hà Nội: Nxb Nam Ký 1933), nhà phê bình văn học Thiều Sơn đã nêu lên một số nhận xét xác đáng cho thấy khái quát cả mặt ưu điểm lẫn khuyết điểm của *Việt Nam Sử Lược*: “*Sử học nước ta vốn còn khuyết điểm nhiều lắm; cái phương pháp khoa học dùng để tìm kiếm tài liệu đã chưa có, mà cả đến luật lệ nhất định cho sử gia, cùng cái triết học của lịch sử cũng thiếu nữa. Vậy có phê bình Việt Nam Sử Lược của ông Trần, ta cũng không nên quá nghiêm mà trách bị cầu toàn*⁽⁸⁾ *mới phải. Cái văn cổ kính đẽo đẽo, lời thuật sáng sủa dồi dào, cách xếp đặt có trật tự phân minh, ý cai quát*

⁽⁷⁾ Phạm Thế Ngũ, sách đã dẫn (sđd), tr. 293.

⁽⁸⁾ Chữ Hán là *cầu toàn trách bị* 求全責備: Đòi hỏi người khác hoặc việc làm của người đó phải được hoàn mỹ, không có khuyết điểm (*to demand perfection*). [Văn Uyển chú]

được rõ ràng khúc chiết, ấy là những cái đặc sắc của bộ Việt Nam Sử Lược... Tôi quyết đoán rằng sau ông Trần, sẽ còn có nhiều sử gia hoàn toàn hơn ông. Song hiện nay tôi mới thấy bộ Việt Nam Sử Lược là hơn hết. Chẳng những là một bộ sách giáo khoa về lịch sử có giá trị, mà còn là một bộ sử ký của khắp cả những ai muốn rõ lịch sử nước nhà.” (tr. 34-35).

Trong *Nhà Văn Hiện Đại* (Hà Nội, 1942), Vũ Ngọc Phan khi đánh giá *Việt Nam Sử Lược* cũng có những ý kiến tương tự như trên và cho rằng “*tuy gọi là ‘lược’ nhưng cũng đủ được mọi việc trong thời kỳ đã qua của nước nhà và đáng coi là một bộ sách giá trị... Như vậy, bộ Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim là một bộ sử ký đầu tiên của nước ta viết bằng quốc văn có thể tạm gọi là đầy đủ.*” (Sài Gòn: Nxb Thăng Long, 1960, tr. 209-211.)

*

Sách đạt được tin cậy của hầu hết học giả và quần chúng trong nước, được tái bản rất nhiều lần, nhưng số phận cũng có lúc long đong, vì sau Hiệp Định Genève 1954, đất nước tạm thời chia đôi ở vĩ tuyến 17, do một số vấn đề khác biệt về quan điểm đánh giá, *Việt Nam Sử Lược* cùng tác giả của nó đã bị phê phán rất nặng, coi là sách phản động, đồng thời cấm lưu hành ở miền Bắc, và chỉ còn một vài người cất giấu được để đọc lén. Trong khi đó tại miền Nam giai đoạn 1954-1975, sách được lưu hành thoải mái và được dùng làm căn cứ chủ yếu để biên soạn sách giáo khoa lịch sử cho học sinh các cấp. Sau năm 1975, tuy dần dần được

nhìn nhận lại một cách khách quan hơn nhưng mãi đến năm 1999, tức hai mươi bốn năm sau ngày đất nước thống nhất, *Việt Nam Sử Lược* mới được tái bản, nhưng cũng lại do vấn đề quan điểm chính trị này khác, có lúc nó đã bị biên tập cắt bỏ vài chương và vài đoạn rải rác⁽⁹⁾.

Được biết, *Việt Nam Sử Lược* cũng đã từng có bản dịch tiếng Trung Quốc của dịch giả Đái Khả Lai (Dai Kelai), với tên sách *Yuenan Tong shi* (Việt Nam Thông Sử, Bắc Kinh, Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1992).

Dưới đây xin liệt kê tắt cả những ấn bản tiếng Việt trong những lần in khác nhau của *Việt Nam Sử Lược*, trước và sau mốc lịch sử 1975, kèm theo ghi chú vắn tắt về những chỗ khác biệt do có sự sửa chữa bổ sung của chính tác giả trước khi qua đời (tháng 12-1953), hoặc của nhà xuất bản sau khi tác giả qua đời⁽¹⁰⁾. Đối chiếu tiểu sử và năm mất

⁽⁹⁾ Xem *Việt Nam Sử Lược*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, 1999.

⁽¹⁰⁾ Tác giả mất đột ngột tháng 12-1953, trước đó còn kịp sửa chữa cho bản in lần thứ 5 của Nxb Tân Việt (3-1954). Vậy có thể nói, bản in lần 5 là đáng tin cậy nhất, vì tất cả những gì thêm bớt ít nhiều trong *Việt Nam Sử Lược* từ ấn bản thứ 6 trở đi, đều không có sự can thiệp sửa chữa trực tiếp của Trần Trọng Kim. Đoạn hồi ký sau đây cho biết sau khi thôi làm Thủ Tướng và ở Sài Gòn vào năm 1947, Trần Trọng Kim mới có một dịp cho tái bản một số sách cũ của mình: “*Tôi ở Sài Gòn, có góp nhặt những sách của tôi, định tìm nhà xuất bản cho in lại. Lúc ấy tôi gặp ông Trần Văn Văn đến thăm tôi. Khi tôi ở Huế, ông có ra làm việc ở Bộ Kinh Tế với ông Hồ Tá Khanh, cho nên đã quen từ trước, ông thấy tôi ở trong cái hoàn cảnh*

của Trần Trọng Kim với ngày in xong của các lần xuất bản, chúng ta ngày nay có thể khẳng định, tác giả chỉ tham gia sửa chữa, bổ sung sách từ bản in lần thứ ba, thứ tư và thứ năm. Một vài đoạn sửa chữa hoặc chú thích nhỏ từ lần in thứ sáu (1958) đều do Nxb Tân Việt thêm vào, sau khi tác giả đã qua đời trước đó năm năm tại Đà Lạt.

Lần xb	Nhà xuất bản Nơi, năm xb	Đặc điểm / Sự khác biệt
1	Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội 1920	Chia làm hai tập (Tập I: 225 trang; Tập II: 324 trang). Có lời tác giả đề tặng quan Tổng đốc Thân Trọng Huề ⁽¹¹⁾ .
2	Imprimerie Vinh&Thành, Hà Nội 1926	In cùng bản kèm của lần 1. Có lời tác giả đề tặng quan Tổng Đốc Thân Trọng Huề, như ấn bản lần 1.
3	Tân Việt, Hà Nội. In và phát hành tại Sài Gòn 7-1949	In gộp thành một quyển, 588 trang, với khá nhiều đoạn sửa chữa, bổ sung. Chữ Hán có nhiều lỗi in.
4	Tân Việt, Hà Nội. In và phát hành tại Sài Gòn 2-1951	In gộp thành một quyển, 588 trang. Hai chữ “Đại Pháp” ở tr. 17 sửa thành “Pháp”. Quan Tổng Đốc Toàn Quyền sửa thành “Viên” Tổng Đốc... Bắc Kỳ,

rất eo hẹp, ông liền cho tôi vay một món tiền khá lớn và ông nhận việc tìm nhà xuất bản để in những sách của tôi.” (Một Con Gió Bụi, Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969, tr. 181.)

⁽¹¹⁾ Lời đề tặng đặt ngay sau trang bìa giả và trước trang lời Tựa, nội dung như sau: “Có nhiều khi được ngồi tiếp chuyện quan lớn, thường hay nghị luận đến lịch sử nước nhà, tôi cũng nhân đó mà sửa đổi được nhiều điều rất chính đáng. Vậy nay bộ *Việt Nam Sử Lược* đã thành, xin kính tặng ngài để ngài thương giám cho. Nay kính / TRẦN TRỌNG KIM”

		Trung Kỳ sửa thành Bắc Việt, Trung Việt. Vài chỗ “An Nam” sửa thành “Việt Nam”. Các tên vua như Thánh Tôn... sửa thành Thánh Tông.
5	Tân Việt, Sài Gòn 3-1954	In cùng bản kèm với lần 4, gồm 588 trang + 4 trang giới thiệu sách. Vài chỗ sửa đổi rất nhỏ ⁽¹²⁾ .
6	Tân Việt, Sài Gòn 4-1958	588 trang. Ở trang 52, tiểu mục TRIỆU ẦU được Nxb sửa thành BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ TRINH), với dòng chữ giải thích lý do ở cuối trang. Trang 352, Nxb có thêm hai chú thích nhỏ về địa danh Thất Kỳ Giang và Tam Phụ. Ở bài TỔNG KẾT (tr. 573), câu “ <i>Vận mệnh nước Việt Nam hiện nay còn ở trong tay người Pháp, sự...</i> ”, đã được Nxb sửa thành: “ <i>Mặc dù nước Việt Nam hiện nay được hoàn toàn độc lập, nhưng...</i> ”
7	Tân Việt, Sài Gòn 6-1964	In cùng bản kèm lần 6, gồm 588 trang.
8	Trung Tâm Học Liệu, Sài Gòn 1971	Chia làm hai quyển, tổng cộng 682 trang. Không gọi “5 quyển” mà gọi “5 phần”: Phần 1; Phần 2... Chiếu theo bản in lần 7 của Tân Việt, thêm Phụ Lục và Sách Dẫn. Số bản in: 80.000 cuốn.

⁽¹²⁾ Như câu cuối trang 572, ấn bản 4 viết: “*Ấy là những công việc ngày nay còn đang tiến hành, mà ta hết lòng trông mong cho mỗi ngày một tiến thêm.*” Sang ấn bản 5 đã được cắt gọn còn: “*Ấy là những công việc làm của chính phủ bảo hộ vậy.*” Ngoài ra ở trang 568, còn có thêm bốn dòng chữ chú thích cuối trang về tổ chức Việt Minh.

9	Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 1999	620 trang. Cắt bỏ một số đoạn. Lời Nxb có ghi: “ <i>Những chỗ sai sót so với chính sử hiện nay, chúng tôi xin phép lược bỏ hoặc có chú thích ở dưới để bạn đọc tiện theo dõi, so sánh.</i> ” ⁽¹³⁾
10	Tổng Hợp TpHCM, TpHCM 2000	Chia làm hai quyển, 576 trang.
11	Đà Nẵng, Đà Nẵng 2003	Bỏ phần in kèm chữ Hán ⁽¹⁴⁾ .
12	Tổng Hợp TpHCM, TpHCM 2005	576 trang.

⁽¹³⁾ Theo Nguyễn Văn Nghệ trong bài “Tác phẩm *Việt Nam Sử Lược* thăng trầm theo dòng thời gian” (*khoahocnet.com*), thì các từ ngữ mà cụ Trần Trọng Kim dùng khi viết *Việt Nam Sử Lược* như: giặc cướp; khởi loạn; biến loạn; giặc giã; quấy nhiễu; loạn; phiến động; đánh dẹp; bảo hộ... đều được Nxb Văn Hóa Thông Tin chú thích lại. Riêng trong Quyển 4 (“Tự chủ thời đại”) ở Chương 6 (“Công việc họ Nguyễn làm ở xứ Nam” theo nguyên bản có tất cả chín mục nhưng khi Nxb Văn Hóa Thông Tin cho xuất bản đã bỏ bớt mục số 6: (“Lấy đất Chiêm Thành”) và mục số 7 (“Mở đất Nam Việt và sự giao thiệp với Chân Lạp”). Nhà xuất bản chỉ ghi ở cuối trang dòng chữ “*Lược bỏ năm trang (BT)*”.

⁽¹⁴⁾ Với Nxb Đà Nẵng thì Lời Nxb ghi như sau: “*Do sách xuất đã lâu nên ngôn ngữ cũ và số liệu có vài chỗ chỉ phù hợp với tình hình xã hội thời bấy giờ. Tuy vậy, lần tái bản này, chúng tôi vẫn giữ nguyên bản đã được xuất bản lần đầu, chỉ bỏ phần chú thích bằng Hán Nôm là loại chữ mà bạn đọc Việt Nam ngày nay ít dùng*” (Nguyễn Văn Nghệ, tài liệu đã dẫn).

13	Thanh Hóa, Thanh Hóa 2006	603 trang ⁽¹⁵⁾ .
14	Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 2006	625 trang.
15	Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 2008	625 trang.
16	Thời Đại, Hà Nội 2010	Không gọi “năm quyển” mà gọi “năm phần”: Phần 1; Phần 2..., tương tự bản của Trung Tâm Học Liệu.
17	Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 2011	531 trang.
18	Văn Học, Hà Nội 2012	648 trang.
19	Thanh Niên, Hà Nội 2013	Chia làm hai quyển.
20	Văn Học, Hà Nội 2015	Gộp thành một quyển, dựa đúng theo ấn bản thứ 5 (tháng 3-1954).

*

Trần Trọng Kim là người tiên phong cho một số công trình biên khảo có giá trị lâu dài thuộc nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau. Khởi đầu sự nghiệp từ tác từ năm 1914 khi phụ trách mục “Học Khoa” trên *Đông Dương Tạp Chí*,

⁽¹⁵⁾ Nxb Thanh Hóa đã cho in giống như *Việt Nam Sử Lược* của Nxb Văn Hóa Thông Tin từ chú thích (BT) cho đến số trang, chỉ trừ không có Lời Nxb mà thôi (Nguyễn Văn Nghệ, tài liệu đã dẫn).

với loạt bài viết có tính giáo khoa về Nam sử, luân lý và về khoa sư phạm học, nếu tính đúng và đủ, ngoài *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim còn là tác giả của tất cả những công trình đã in thành sách, liệt kê theo thứ tự thời gian như sau: *Sơ Học Luân Lý* (Hà Nội: Nhà in Trung Bắc Tân Văn, 1914), *Sư Phạm Khoa Yếu Lược* (Trung Bắc Tân Văn, 1916), *Truyện Thúy Kiều Chú Giải* (1925, soạn chung với Bùi Kỳ), *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* (ba tập: lớp Đồng ấu, lớp Dự bị, và lớp Sơ đẳng), *Luân Lý Giáo Khoa Thư*, *Sử Ký Giáo Khoa Thư* (cả ba loại giáo khoa thư này xuất bản năm 1926, và đều soạn chung với Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, do Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ vẽ minh họa), *47 Điều Giáo Hóa Của Nhà Lê* (Trung Bắc Tân Văn, 1928, dịch “Lê Triều Giáo Hóa Điều Luật Tứ Thập Thất Điều” ra tiếng Pháp: *Les 47 Articles du Catéchisme Moral de l’Annam d’Autrefois*), *Nho Giáo* (Trung Bắc Tân Văn, 1930, ba quyển; sau in gộp lại thành hai quyển, 1932-1933), *Việt Thi* (sao lục và chú giải), *Phật Lục* (Hà Nội: Nxb Lê Thăng, 1940), *Phật Giáo* (Tân Việt xuất bản), *Vương Dương Minh* (1940), *Việt Nam Văn Phạm* (Hà Nội: Nxb Lê Thăng, 1941, soạn chung với Phạm Duy Khiêm, Bùi Kỳ), *Tiểu Học Việt Nam Văn Phạm* (Tân Việt xuất bản), *Phật Giáo Thừa Xưa Và Phật Giáo Ngày Nay* (Tân Việt, 1953; “Lời mở đầu” của tác giả đề tháng 10-1952), *Hạnh Thực Ca* (Tân Việt xuất bản), *Đường Thi* (Tân Việt xuất bản), *Lãng Ca Kinh* (Tân Việt, 1964), *Một Con Gió Bụi* (Hồi ký, viết từ xong 1949; Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969).

Ngoài những sách đã in chính thức trên đây, Trần Trọng Kim còn có loạt bài biên khảo dài về Đạo Giáo (Đạo Lão Tử) đăng nhiều kỳ trên *Nam Phong Tạp Chí* (từ số 67 năm 1923), chưa xuất bản thành sách. *Vũ Trụ Đại Quan* và *Thiên Văn Học* là hai công trình biên khảo khác nữa nhưng dường như đang soạn dang dở hoặc chỉ ở dạng bản thảo đã bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp (1946-1954).

Trần Trọng Kim, còn có bút hiệu Lê Thành, sinh năm 1883 (Quý Mùi) tại làng Kiều Lĩnh, xã Đan Phố (nay là Xuân Phố, trước thuộc tổng Đan Hải), huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Họ Trần của ông là một họ lớn ở Đan Phố (lúc đầu gọi Đan Phố, sau theo cách phát âm mới đọc Phố), cụ thân sinh ra ông là Trần Bá Huân, có tham gia phong trào Cần Vương. Em gái ông tên Trần Thị Liên là một cán bộ Xô Viết, hoạt động năm 1930 (mất năm 1964). Ngoài ra, ông còn có người con gái duy nhất là Trần Thị Diệu Chương, hiện đang ở Pháp (xem “Bàn thêm về Trần Trọng Kim”, *Tạp chí Văn Hóa Nghệ An*, 26-11-2009). Riêng vợ ông là em gái nhà nghiên cứu văn học Bùi Kỳ.

Xuất thân trong một gia đình Nho Giáo, ông học chữ Hán từ nhỏ. Năm 1897, học chương trình Pháp ở trường Pháp-Việt Nam Định. Năm 1900, thi đỗ vào trường Thông Ngôn, tốt nghiệp năm 1903. Năm 1904, làm Thông Sự ở Ninh Bình.

Ít ai biết rõ thuở hàn vi của Trần Trọng Kim ra sao, vì ngay trong tập hồi ký viết cuối đời, cuốn *Một Con Gió Bụi*

(tên phụ “Kiến Văn Lục”, Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969), cũng không thấy kể. Chỉ biết ông nhà nghèo, nên năm 1906 mới nhờ bạn học cũ là Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) giúp, khi ông Vĩnh được nhà nước bảo hộ Pháp giao trách nhiệm tổ chức đi dự cuộc Hội Chợ Marseille ở Pháp (hội đó gọi là “đấu xảo”), sắp xếp cho ông đi theo với tư cách thợ khảm, mà thật ra mục đích chính chỉ để tranh thủ ở lại Pháp học thêm. Từ đó ông trải qua học trường Thương Mại ở Lyon, rồi được học bổng vào trường Thuộc Địa Pháp. Năm 1909, vào học trường Sư Phạm Melun, tốt nghiệp ngày 31-7-1911 rồi về nước, do học bổng của mọi sinh viên lúc đó đột nhiên bị bãi. Sau đó, lần lượt dạy ở trường trung học Bảo Hộ (trường Bưởi), trường Hậu Bô và trường Nam Sư Phạm.

Ông là nhà giáo mẫu mực, có uy tín trong xã hội, từng giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục thời Pháp thuộc như: Thanh Tra các trường tiểu học Pháp-Việt (1921), Trưởng Ban soạn thảo sách giáo khoa tiểu học (1924), giáo viên trường Sư Phạm Thực Hành (1931), Giám Đốc các trường nam tiểu học tại Hà Nội (1933). Ngoài ra ông còn là Phó Trưởng Ban Văn Học của Hội Khai Trí Tiến Đức và Nghị Viên Viện Dân Biểu Bắc Kỳ. Bắt đầu về hưu năm 1942 khi vừa tròn sáu mươi tuổi.

Chỉ một năm sau khi về hưu (1943), thời cuộc bắt đầu đưa đẩy chuyển ông sang một hướng rẽ đầy phong ba bão táp mà bình sinh có lẽ ông chưa bao giờ kịp nghĩ tới. Người Nhật, kéo vào Đông Dương từ những năm 1940, với nhiều

ý đồ có sẵn trong mối quan hệ tranh quyền với Pháp, đã bắt đầu cho người ve vãn, tìm cách lui tới làm quen, lấy cớ để hỏi han ông những kiến thức liên quan các vấn đề văn hóa, lịch sử. Họ dần cảnh bắt Trần Trọng Kim và cụ Dương Bá Trạc (1884-1944) đưa đi giấu sẵn ở Chiêu Nam Đảo (tức Singapur do Nhật chiếm đóng) để chuẩn bị cho một mưu đồ tương lai, lấy cớ là để bảo vệ các ông thoát khỏi sự rình rập bắt bớ của mật thám Pháp. Chuyển đi định mệnh đó vào ngày 01-01-1944, nằm trong dự mưu của người Nhật, đã hướng cuộc đời ông vào một ngã rẽ hoàn toàn không chủ động, nếu không muốn nói gần như trái hẳn với lập trường chính trị ban đầu của ông⁽¹⁶⁾.

Ngày 09-3-1945, Nhật bắt ngờ đảo chánh Pháp trên toàn cõi Đông Dương, tuyên bố “trao trả độc lập cho Việt Nam để cùng nhau xây dựng khối Đại Đông Á thịnh vượng”, đề nghị vua Bảo Đại ra tuyên bố độc lập và chuẩn bị thành lập chính phủ mới trên cơ sở hợp tác dưới sự bảo trợ của Nhật.

Ngày 30-3-1945, Nhật cho người bố trí đưa Trần Trọng Kim về Sài Gòn, cho hay vua Bảo Đại muốn mời ông ra giữ chức Thủ Tướng, thành lập Nội Các mới.

Ngày 07-4-01945, Trần Trọng Kim vào yết kiến Bảo Đại ở Huế. Theo như lời kể của ông trong tập hồi ký riêng thì ông tìm cớ thoái thác mãi, lấy lý do già yếu, không có đảng

⁽¹⁶⁾ Về chi tiết cuộc đời chính trị của Trần Trọng Kim, có thể xem Trần Văn Chánh, “Tản mạn nhân vật lịch sử Trần Trọng Kim qua những trang hồi ký”, Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển*, số 6-7 (104-105). 2013, in ở Huế.

phái và không hoạt động chính trị, nhưng cuối cùng đã phải xiêu lòng nhận, vì nghe vua Bảo Đại trình bày vấn đề đất nước một cách rất hợp tình lý, chứng tỏ vua cũng là một người thông minh và am hiểu tình thế (xem *Một Con Gió Bụi*, sđd., tr. 49).

Về mặt lịch sử, dù sao vẫn phải công nhận Nội Các do Trần Trọng Kim đứng ra thành lập ngày 17-4-1945 là chính phủ đầu tiên của Việt Nam theo nghĩa hiện đại, và Trần Trọng Kim đã trở thành vị Thủ Tướng đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, dù chỉ mới độc lập trên danh nghĩa. Tham gia Nội Các của ông đều là các nhà trí thức tên tuổi, có trình độ học vấn cao, nhiệt tâm, trong sạch và yêu nước, nhưng tất cả đều thiếu hẳn kinh nghiệm quản lý và nhất là sự lọc lõi chính trị trong thời loạn.

Ngày 08-5-1945, Nội Các Trần Trọng Kim mới chính thức tổ chức lễ ra mắt quốc dân, đưa ra bản tuyên cáo khẳng định nền độc lập mới có được sau tám mươi năm bị Pháp cai trị, kêu gọi quốc dân ra sức đoàn kết, gây mạnh tinh thần yêu nước trong mọi giai tầng xã hội...

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn về nhiều mặt và trong khi đang tập trung nỗ lực làm được một số việc ích quốc lợi dân thì thời cuộc biến chuyển dồn dập khắp nơi, Chiến Tranh Thế Giới thứ Hai kết thúc, Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện vì bị hai quả bom nguyên tử của Mỹ, Nội Các Trần Trọng Kim vì thế phải từ chức (05-8-1945), tiếp theo vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị (30-8-1945)...

Nhìn chung, xét trên những điều kiện lịch sử cụ thể, trong vô vàn khó khăn các mặt, Nội Các Trần Trọng Kim dưới sự lãnh đạo đầy thiện chí của vua Bảo Đại đã đạt được một số thành công nhất định, nhưng tất cả đều dang dở. Một số việc quan trọng về nội trị, ngoại giao đều rất sáng suốt nhưng chỉ vừa kịp đưa ra chủ trương thì thời cuộc đã chuyển sang hướng khác. Trong số những thành tích, đáng kể nhất và tiếp tục ảnh hưởng tốt đến các giai đoạn về sau có lẽ là chương trình cải cách giáo dục tiếng Việt do Bộ Trưởng Giáo Dục Và Mỹ Thuật Hoàng Xuân Hãn (1908-1996) chủ trì biên soạn (quen gọi tắt Chương Trình Hoàng Xuân Hãn), hoàn thành chỉ trong khoảng mười ngày, và được đem ra áp dụng ngay trong năm đó ở miền Trung và miền Bắc (miền Nam vì có sự trở lại của Pháp nên chương trình Pháp vẫn còn tiếp tục cho đến giữa thập niên 1950).

Về phần Trần Trọng Kim, sau khi hoàn toàn rời khỏi chức vụ cùng với vua Bảo Đại (23-8-1945), ông tạm ở lại Huế khoảng hơn ba tháng trong cảnh sinh hoạt buồn tẻ chờ thu xếp điều kiện trở ra Hà Nội cuối tháng 11-1945. Trong lương tâm thanh thản vì tự cho mình đã làm hết trách nhiệm, ông luôn tỏ ra ngậm ngùi thân thế, chán bỏ công danh, và như lời ông nói, “*thế là xong một giấc mộng Nam Kha*” (*Một Con Gió Bụi*, sđd., tr. 98).

Thế rồi, lấy lý do “*để tránh cái họa binh lửa sắp đến*” (*Một Con Gió Bụi*, sđd., tr. 132), cuối tháng 5-1946, từ Hà Nội ông đã tìm đường lưu vong sang Trung Quốc, theo đường bộ Lạng Sơn, có ý muốn liên lạc lại với Bảo Đại và các nhóm “*tòng vong*” vì Bảo Đại đã được cử sang đó từ

trước hội tháng 3-1946 dưới danh nghĩa cố vấn cho Chính Phủ Lâm Thời giao hảo với chính quyền Tưởng Giới Thạch, nhưng sau đó Bảo Đại đi Hồng Kông rồi không về nước.

Sau nhiều năm tháng sống thiếu thốn ở Quảng Châu và Hồng Kông, ngày 06-02-1947, ông trở về Sài Gòn ở tạm nhà luật sư Trịnh Đình Thảo. Người Pháp cùng cựu hoàng Bảo Đại thu xếp cho ông trở về Sài Gòn lần này là để thăm dò, vận động thành lập chính phủ mới, nhưng khi về đến, ông nhận ra những lời hứa hẹn của Pháp đều giả dối nên quyết định không làm gì.

Đầu tháng 3-1948, ở tuổi 65, vừa túng thiếu vừa mệt mỏi và bất lực trước thời cuộc, ông quyết định bỏ Sài Gòn qua Nam Vang (Cam Bốt) sống với người con gái, cũng trong cảnh nghèo túng. Trong thời gian này, ông đã tập hợp các bản thảo nhật ký của mình viết thành cuốn hồi ký *Một Con Gió Bụi*, mà phần kết thúc là nêu lên một số nhận xét về những chỗ hay dở của phong trào Việt Minh và khẳng định tấm lòng chân thành của ông đối với dân tộc. Đây là quyển sách chứa đựng nhiều sử liệu quý hiếm liên quan giai đoạn lịch sử 1945-1949, có lẽ cũng bù đắp được phần nào cho cái mộng không thành của Trần Trọng Kim khi muốn viết tiếp bộ *Việt Nam Sử Lược*.

Ít lâu sau ông trở về Việt Nam, rồi thuê nhà định cư tại Hà Nội.

Ngày 06-9-1953, trong khuôn khổ Quốc Gia Việt Nam thuộc Liên Hiệp Pháp, Trần Trọng Kim được Quốc Trưởng

Bảo Đại mời về Sài Gòn dự Đại Hội Đồng Quốc Gia (còn gọi “Quốc Dân Đại Hội”), và được bầu làm Chủ Tịch Chủ Tịch Đoàn nhưng chỉ hư vị và không thực tế làm gì. Sau đó ông lên Đà Lạt định sống an dưỡng cùng với gia đình nhưng chưa được bao lâu thì mất đột ngột tại đây vì bị đứt mạch máu ngày 02-12-1953, thọ 71 tuổi, thi thể được đưa máy bay về an táng cạnh chùa Láng, Hà Nội.

Trần Trọng Kim được đánh giá là một học giả uyên thâm cả tân học lẫn cựu học, là người tận tụy cho ngành giáo dục và cho nền văn hóa Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ 20. Tuy nhiên, ông là người có tư tưởng bảo thủ và dân tộc – bảo hoàng. Chính Phan Anh, Bộ Trưởng Thanh Niên trong Nội Các trước đây của ông đã từng nhận xét: “*Trần Trọng Kim là một người yêu nước nhưng không phải là một nhà chính trị.*” Điều này không chỉ đúng với ông mà còn đúng cả với bộ sậu của ông và với vua Bảo Đại nữa.

Do cái ngả rẽ bất đắc dĩ sang con đường chính trị mà không thành công của một học giả hoàn toàn không thủ đoạn chính trị, sau Cách Mạng Tháng 8-1945, và nhất là sau năm 1954 (đất nước tạm thời chia đôi), cũng vì cái lý lịch chính trị đó, nên tương tự như không ít người khác (Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Tường Tam [nhà văn Nhất Linh, Văn Uyển chú]...), ở miền Bắc người ta không nhắc gì đến ông nữa, cả về phương diện thành tích học thuật chân chính. Cá nhân Trần Trọng Kim cùng với quyển *Việt Nam Sử Lược* nổi tiếng một thời đã bị một số nhà sử học mácxít đầu đàn như Trần Huy Liệu, Trần Văn

Giàu... phê phán nặng nề (...) cho dù lịch sử đã sang trang. Các sách giáo khoa môn sử cũng theo đó mà đưa ra các nhận định, hoặc mạt sát nặng nề, hoặc chỉ nhắc lướt qua như một chi tiết phụ không đáng kể... khiến cho học sinh và thậm chí một số trí thức tương đối trẻ ngày nay không còn biết Trần Trọng Kim là ai và Nội Các do ông lãnh đạo có vai trò lịch sử như thế nào nữa.

Riêng cuốn *Việt Nam Sử Lược* đã từng bị coi là sách cấm, khiến cả những giáo sư dạy sử trong trường đại học (như Giáo Sư Trần Quốc Vượng...) cũng chỉ dám cất giấu đọc lén (...).

Khoảng hơn chục năm gần đây, qua lớp bụi thời gian, “tội lỗi” của Trần Trọng Kim đã dịu bớt, người ta bắt đầu biết đến rồi nhận ra giá trị đích thực các tác phẩm của ông, cho in đi in lại nhiều lần *Việt Nam Sử Lược*, rồi *Nho Giáo*, *Phật Giáo*, *Phật Lục*... nhất là bộ sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* và *Luân Lý Giáo Khoa Thư* do ông chủ trì nhóm biên soạn. Từ năm 2000, tức bốn mươi bảy năm sau khi Trần Trọng Kim qua đời, mới thấy mục từ TRẦN TRỌNG KIM bắt đầu xuất hiện trong cuốn *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* do Đinh Xuân Lâm và Trương Hữu Quýnh chủ biên (Nxb Giáo Dục). Năm 2004, khi bộ sách quy mô *Từ Điển Văn Học* bộ mới ra đời (Nxb Thế Giới), mục từ TRẦN TRỌNG KIM lại được đưa vào một cách trân trọng hơn, do nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Huệ Chi trình bày, với gần đầy ba trang giấy khổ lớn, bỏ hết mọi lời công kích.

Trong bài viết “Trần Trọng Kim với *Việt Nam Sử Lược*” (Tạp chí *Xưa & Nay*, số 346, tháng 12-2009), tác giả Mai Khắc Ứng trong khi tập trung phê phán tệ nạn viết sử giáo điều thiếu tôn trọng sự thật, đã đưa ra rất nhiều lý do để biện hộ cho Trần Trọng Kim về các mặt, rồi đi đến kết luận dứt khoát:

“Với tôi, Trần Trọng Kim qua *Việt Nam Sử Lược* là một người yêu nước thành tâm, một nhà sử học chân chính, trung thực, một người cầm bút có nhân cách, một học giả xuất sắc đã cống hiến phần trí tuệ, chí ít cho các thế hệ nửa đầu thế kỷ XX (...)”

TRẦN VĂN CHÁNH

* PEARL BUCK (1892-1973), nữ sĩ Mỹ, giải Nobel Văn Chương 1938, nói về sử:

“Nếu các bạn muốn hiểu biết hôm nay, các bạn phải **sục sạo hôm qua**. / *If you want to understand today, you have to search yesterday.*”

* Bác sĩ JOHN MICHAEL CRICHTON (1942-2008), tác gia Mỹ, nói về sử:

“Giáo Sư Johnston thường bảo rằng nếu bạn không biết sử, bạn chẳng biết gì cả. Bạn ví như một chiếc lá không biết mình là một phần của một thân cây. / *Professor Johnston often said that if you didn't know history, you didn't know anything. You were a leaf that didn't know it was part of a tree.*”

**CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO
NHÌN LẠI TÁM NĂM ẤN TỔNG
THÁNG 6-2008 / THÁNG 6-2016**

NHAN ĐỀ KINH SÁCH ĐÃ ẤN TỔNG	TRANG	SỐ QUYỀN	SỐ TRANG IN
1-3. ĐẤT NAM KỲ, TIỀN ĐỀ VĂN HÓA... 2008a-b, 2012.	96	8,500	816,000
2-3. NGÔ VĂN CHIÊU ... 2008, 2009, 2012.	96	12,000	1,152,000
3-2. LỜI VÀNG SEN TRẮNG. 2008, 2009.	128	7,500	960,000
4-2. LÒNG CON TIN ĐẲNG CAO ĐÀI. 2008, 2010.	192	10,000	1,920,000
5-3. LUẬT NHÂN QUẢ ... 2008, 2010, 2012.	128	14,000	1,792,000
6-2. ĐẤT NAM KỲ, TIỀN ĐỀ PHÁP LÝ ... 2008, 2010.	80	9,000	720,000
7-1. CÁC THÀNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN. 2008.	160	2,000	320,000
8-2. BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN. 2008, 2012.	128	9,000	1,152,000
9-2. LỄ BỔN. 2008, 2009.	256	7,000	1,792,000
10-3. CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ. 2009a-b, 2012.	96	9,000	864,000
11-2. NHỚ ĐẠT LINH. 2008, 2009.	96	7,000	672,000
12-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CĐ. 2009, 2010, 2011.	40	11,000	440,000
13-1. HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỶ (1965). 2009.	224	1,500	336,000
14-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. 2009, 2010, 2016.	96	9,000	864,000
15-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI. 2009, 2010, 2011.	80	14,000	1,120,000
16-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BC. 2009, 2010.	96	11,000	1,056,000
17-2. THIÊN THƯ. 2009, 2013.	208	9,000	1,872,000
18-2. HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI. 2009, 2012.	136	9,000	1,224,000
19-1. XUÂN TRI ÂN. 2010.	128	5,000	640,000
20-2. CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG. 2010, 2011.	96	8,000	768,000
21-2. BA MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO C.ĐÀI. 2010, 2012.	80	8,000	640,000
22-2. TAM GIÁO VN, TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG... 2010, 2013.	224	10,000	2,240,000
23-2. ƠN GỌI MIỀN TRUNG. 2010, 2011.	112	10,000	1,120,000
24-4. HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CĐ. 2010a-b, 2012, 2013.	96	20,000	1,920,000
25-3. CẦU CHUYỆN ĐỨC TIN. 2010, 2011, 2012.	96	15,000	1,440,000
26-1. NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO. 2010.	32	5,000	160,000

27-2. HÀNH TRANG T. BỒI CAO TRIỀU PHÁT. 2010, 2012.	112	10,000	1,120,000
28-2. TRIẾT LÝ ĐẸN THÁNH CAO ĐÀI T. NINH. 2010, 2012.	88	10,000	880,000
29-2. DANH THẮY DANH ĐẠO. 2010, 2012.	96	10,000	960,000
30-2. MỘT DÒNG BÁT NHÃ. 2010, 2013.	72	8,000	576,000
31-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU. 2010, 2011.	192	10,000	1,920,000
32-1. NGÀI MINH THIÊN, CUỘC ĐỜI & ĐẠO NGHIỆP. 2010.	256	5,000	1,280,000
33-2. TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO. 2010, 2012.	40	7,000	280,000
34-3. THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. 2010a, 2010b, 2012.	268	11,500	3,082,000
35-1. XUÂN CHUNG TÂM. 2011.	144	7,000	1,008,000
36-2. ĐÀI THỪA CHỜN GIÁO. 2011., 2016	284	12,000	3,408,000
37-2. NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI. 2011, 2012.	144	10,000	1,440,000
38-7. K. SÁM HỐI M. HỌA. 2011, 12, 14, 15 (2 lần), 16 (2).	120	50,000	6,000,000
39-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN... 2011, 2012.	88	8,000	704,000
40-2. SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. 2011, 2012.	104	10,000	1,040,000
41-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. 2011, 2013.	176	8,000	1,408,000
42-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI. 2011, 2013.	240	10,000	2,400,000
43-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. 2011, 2012.	32	15,000	480,000
44-2. ĐỌC LẠI THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. 2011, 2013.	120	10,000	1,200,000
45-1. NGƯỜI ĐẠO CĐ LÀM QUEN PP NGHIÊN CỨU. 2011.	80	5,000	400,000
46-1. TIẾNG CHIM QUYÊN. 2011.	128	4,000	512,000
47-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. 2011.	248	5,000	1,240,000
48-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. 2011, 2013.	80	8,000	640,000
49-1. KINH CỨNG TỬ THỜI. 2011.	80	5,000	400,000
50-1. XUÂN HÒA ĐỒNG. 2012.	144	7,000	1,008,000
51-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. 2012 hai lần, 2013.	40	9,000	360,000
52-2. TU CỨU CỨU HUYỀN THẮT TỔ. 2012, 2013.	40	15,000	600,000
53-1. CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-50). 2012.	48	10,000	480,000
54-2. BẮC CẦU TÂM LINH. 2012, 2013.	144	10,000	1,440,000
55-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN. 2012, 2013.	120	10,000	1,200,000
56-1. ĐẠO LÝ HUYỀN CỐ. 2012.	224	5,000	1,120,000
57-1. LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI. 2012.	152	5,000	760,000
58-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. 2013.	144	6,000	864,000

59-1. QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY. 2013.	184	5,000	920,000
60-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CQP.TGL. 2013.	112	5,000	560,000
61-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. 2013, 2014.	180	10,000	1,800,000
62-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. 2013.	96	5,000	480,000
63-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. 2013.	76	5,000	380,000
64-1. ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. 2013.	40	5,000	200,000
65-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY. 2013.	80	5,000	400,000
66-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. 2013.	96	3,000	288,000
67-2. ƠN CỨU ĐỘ. 2013, 2016.	96	6,000	576,000
68-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. 2013.	120	5,000	600,000
69-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. 2013.	144	5,000	720,000
70-1. CÔNG GIÁO, CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH. 2013.	100	5,000	500,000
71-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY. 2014.	72	5,000	360,000
72-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY. 2014.	40	5,000	200,000
73-1. TƯỢNG NHỚ NHÂN TỬ NG VĂN THỌ. 2014.	196	6,000	1,176,000
74-1. HÀNH TRANG AN TRINH THẦN NỮ. 2014.	36	5,000	180,000
75-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. 2014.	124	5,000	620,000
76-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. 2014.	96	5,000	480,000
77-1. THIÊN BÀN TẠI NHÀ. 2014.	68	5,000	340,000
78-1. SƠ KHẢO BÀI KINH NGỌC HOÀNG TÂM ẨN. 2014.	32	5,000	160,000
79-1. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY. 2014.	88	5,000	440,000
80-1. VẠN HẠNH THIÊN SỰ XƯA VÀ NAY. 2014.	164	5,000	820,000
81-1. THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN. 2014.	176	5,000	880,000
82-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO. 2014.	116	5,000	580,000
83-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. 2014.	124	5,000	620,000
84-1. NẾO VỀ TÂM LINH. 2014.	140	5,000	700,000
85-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI. 2014.	88	5,000	440,000
86-1. MÂY NHÁNH RỐI SAU CỬNG MỘT NHÀ. 2014.	360	5,000	1,800,000
87-1. NGỌN NẾN NÀO KHÔNG TẮT. 2015.	96	5,000	480,000
88-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. 2015.	160	12,000	1,920,000
89-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG. 2015.	96	3,000	288,000
90-1. MINH THIÊN CHƠN KINH. 2015.	112	5,000	560,000

91-1. LỊCH SỬ TH. THẮT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI. 2015.	144	3,000	432,000
92-1. HỒNG ÂN TẬN ĐỘ. 2016	296	3.500	1,036,000
94-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐĐ 1926. 2015.	112	3,000	336,000
95-1. HÀNH TRANG T. KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG. 2016.	120	5,000	600,000
96-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN... 2015.	64	4,000	256,000
97-1. GỞI NGƯỜI ÁO TRẮNG. 2015.	72	2,000	144,000
98-1. GIỮA CHƠN TA BÀ. 2015.	72	1,000	72,000
99-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA. 2016	52	2,000	104,000
100-1. ĐỐI ĐIỀU VỀ BÌNH GIÁNG THÁNH GIÁO. 2016	100	3,000	300,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 1. QUÝ I, NĂM 2012.	176	5,000	880,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 2. QUÝ II, NĂM 2012.	192	5,000	960,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 3. QUÝ III, NĂM 2012.	192	5,000	960,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 4. QUÝ IV, NĂM 2012.	224	5,000	1,120,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 5. QUÝ I, NĂM 2013.	224	5,000	1,120,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 6. QUÝ II, NĂM 2013.	224	5,000	1,120,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 7-8. QUÝ III-IV, 2013.	348	5,000	1,740,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 9. QUÝ I, NĂM 2014.	272	5,000	1,360,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 10. QUÝ II, NĂM 2014.	264	5,000	1,320,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 11. QUÝ III, NĂM 2014.	272	5,000	1,360,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 12. QUÝ IV, NĂM 2014.	216	4,000	864,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 13. QUÝ I, NĂM 2015.	220	5,000	1,100,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 14. QUÝ II, NĂM 2015.	220	4,000	880,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN (15-)-16. QUÝ III-IV, NĂM 2015.	184	2,000	368,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 17. QUÝ I, NĂM 2016.	180	3,500	630,000
ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 18. QUÝ II, NĂM 2016.	176	3,500	616,000
Kể cả Đại Đạo Văn Uyển, trong tám năm, Chương Trình Ấn Tổng đã in được tổng cộng 115 đầu sách, đạt được:			824,500 quyển 108,356,000 trang

Kính thành tri ân tất cả quý vị Mạnh Thường Quân luôn luôn thương yêu, tin cậy, nhiệt tâm ủng hộ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO suốt tám năm qua.

✉ **Hiền huynh Trần Trung Nhẫn** (đường Lâm Thành Mậu, K 4, phường 4, thành phố Cà Mau). Thư ngày 26-12-2015.

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

Ban Ân Tông: Chúng tôi cảm ơn huynh đã gửi thư tâm tình với chúng tôi. Chúng tôi đã trích phần lớn nội dung lá thư của hiền huynh để chia sẻ với quý bạn đọc và in trong Văn Uyển tập Hanh này (bài *Lá Thư Cà Mau*). Ở bìa 2, chúng tôi cũng trân trọng giới thiệu ảnh thánh thất Cà Mau, nơi hiền huynh nhập môn cầu Đạo.

Mặc dù sức khỏe chưa bình phục hoàn toàn (như hiền huynh nói trong thư), hiền huynh đã chẳng quản ngại viết và gửi cho Văn Uyển nhiều bài thơ, nét chữ rất đẹp. Chúng tôi cảm kích và kính thành cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn phước để hiền huynh sớm hồi phục, và có phương tiện thân xác khỏe mạnh để tu hành thêm tinh tấn, hiệu quả.

Qua các bài thơ của huynh (*Cảm lòng Từ Mẫu; Chợ Mới, quê hương một người con; Huynh đệ một lòng; Huynh đệ một nhà...*), chúng tôi thấy rõ huynh vừa yêu thơ lục bát, song thất lục bát, vừa mến thơ Đường luật. Quả là một hồn thơ lai láng! Mong hiền huynh tiếp tục sáng tác. Chúng tôi xin biết ơn tấm lòng và mỹ ý của hiền huynh đã dành rất nhiều cho Chương Trình Chung Tay Ân Tông.

*

✉ **Hiền tử Phương Lan** (Đà Nẵng). Thư ngày 13-01-2016:

Đọc sách báo, tôi thấy có người viết “khoái trá”, hoặc viết “khoái chá”. Xin hỏi Văn Uyển chữ nào đúng?

Huệ Khải: Hiền tử quý mến, viết “khoái chá” mới đúng. Khoái 膾 là miếng thịt, miếng cá thái nhỏ, xắt vụn (*minced meat or fish*). Chá 爇 là nướng (*to roast, to broil*). Nói khoái chá tức là rất đổi thích thú.

*

✉ **Hiền tử Hà Thị Tuyết Minh** (Bến Bình Đông, quận Tám, TpHCM). Thư ngày 16-3-2016:

Tôi thấy hầu hết các thánh thất thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài luôn luôn đặt tên có chữ TRUNG phía trước, chẳng hạn như *Trung Bảo, Trung Chiêu, Trung Hiền, Trung Minh, Trung Nghĩa, Trung Tín*, v.v... phù hợp với tên gọi giáo sở trung ương là *Trung Hưng Bửu Tòa*. Cách đặt tên thống nhất như vậy theo tôi rất hay, vì thoát nghe tên thánh thất như *Trung Hòa, Trung Phước An*, v.v... thì biết ngay là thuộc Hội Thánh Truyền Giáo. Tuy nhiên, lại có nhiều thánh thất cũng thuộc Hội Thánh Truyền Giáo mà tên gọi lại không bắt đầu bằng chữ TRUNG, ví dụ như *Kim Quang Minh Đài, Linh Bửu, Thanh Quang, Từ Vân*, v.v... Kính nhờ Văn Uyển cho biết lý do sự khác biệt này.

Huệ Khải: Hiền tử kính mến, sáu mươi năm trước, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài xây dựng xong Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng. Lễ khánh thành ngôi Trung Hưng Bửu Tòa và ra mắt Hội Thánh Truyền Giáo được tổ chức

rất trọng thể vào ngày 01-6 Bính Thân (Chủ Nhật 08-7-1956). Sau đó, trong một đàn cơ tại Trung Hưng Bửu Tòa vào ngày 27-7 Bính Thân (Thứ Bảy 01-9-1956), Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Đại Tiên Ngô Minh Chiêu dạy: “*Lấy chữ TRUNG đặt đầu các hiệu thất.*” Như vậy, kể từ khi có Trung Hưng Bửu Tòa trở đi, các thánh thất mới thành lập đều lấy tên bắt đầu bằng chữ TRUNG; riêng các thánh thất nào đã thành lập trước thời điểm 01-6 Bính Thân (tháng 7-1956) thì tên gọi cũ vẫn giữ nguyên.

*

✉ **Hiền tử ĐỖ THỊ KẾT** (thánh thất Linh Bửu, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). E-mail ngày 12-4-2016:

Trong ngày khánh thành thánh thất Quảng Hòa (thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) tại thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào buổi sáng 26-02 Bính Thân (03-4-2016), đa số bôn đạo đến từ khắp nơi rất phấn khởi khi nhận được sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo trong Nam gửi ra để tặng biếu. Hôm ấy, tề muội rất hào hứng khi tham gia với Ban Tổ Chức cuộc lễ để phát hành kinh sách, và tề muội cảm nhận được sự sung sướng, ngưỡng mộ của bạn đạo trong đạo và cả ngoài đời. Tiếc rằng lại không có đủ sách để tặng biếu hàng ngàn đạo hữu, quan khách đến dự lễ.

Ban Ấn Tống: Chân thành cảm ơn hiền tử chia sẻ tin vui và kính chúc hiền tử an lạc. Số sách được mang ra tận thánh thất Quảng Hòa trong ngày vui lớn của họ đạo chính là kết quả công lao khó nhọc của nhiều vị tín hữu nhiệt tâm

thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Vì tôn trọng thiện ý muốn làm công quả vô vi của quý huynh tử ấy, chúng tôi không tiện nêu rõ phương danh từng vị nơi đây.

Thật lòng mà nói, nếu không có quý hiền huynh, hiền tử tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo vừa chịu nhọc nhằn với những bao sách nặng nề, những thùng sách cồng kềnh, vừa chịu bỏ tiền túi chi trả cước phí vận chuyển đường dài, thì chúng ta cũng khó mong sách trong Nam được chuyển ra tới miền Trung. Thế nên chúng tôi luôn luôn thành tâm biết ơn quý huynh tử bấy lâu nay đã âm thầm ủng hộ, nối dài cánh tay của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống.

*

✉ **Hiền hữu ấn danh** (điện thoại ngày 20-4-2016):

Kinh sách hay dẫn hai câu: *Mạc đãi lão lai phương học đạo / Cô phần tận thị thiếu niên nhơn.* Câu hai có dị bản: *Cô phần đa thị thiếu niên nhơn.* Xin hỏi câu nào đúng?

Huệ Khải: Hai câu đạo hữu hỏi đều thấy phổ biến trong kinh sách người Hoa và người Việt:

- *Mạc đãi lão lai phương học đạo* 莫待老來方學道: Chớ đợi tuổi già đến mới học đạo. / *Cô phần tận thị thiếu niên nhơn* 孤墳盡是少年人: Mộ hoang đều là kẻ nhỏ tuổi. (*Tận thị:* Đều là, hết thầy là, tất cả là, toàn bộ là.)

- *Cô phần đa thị thiếu niên nhơn:* Mộ hoang phần nhiều là kẻ nhỏ tuổi. (*Đa thị* 多是: Phần nhiều là, đa phần là.)

Có lẽ nói *đa thị* hợp lý hơn *tận thị*.



KINH SÁCH MỚI IN

*“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh
hiền truyền.”* Đức GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Kinh sách mới ấn tổng Quý Một và Hai năm 2016:

14-4. ĐẠO ÁO TRẮNG (Phạm Văn Liêm, in **1.000 quyển**) – Do quý môn sanh ẮN DANH (Chiếu Minh, Long Vân Đàn, Mỹ Tho) công quả **7.500.000 đồng**,

30-6. KINH SÁM HỐI MINH HỌA (Trương Quân vẽ tranh, in **5.000 quyển**) – Do ĐT HUỆ MAI HƯƠNG (Cao Đài Chiếu Minh) và quý môn sanh Cao Đài Tây Ninh công quả **42,9 triệu đồng**, phương danh như sau: ĐT DƯƠNG THỊ MỸ DUNG, ĐT HUỖNH THU NGÀ, ĐT LÊ THỊ BẠCH YẾN, ĐT LÊ THỊ MẶN, ĐT NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ (pháp danh Nguyễn Thiên Hoa), ĐT NGUYỄN THỊ HOA, ĐT NGUYỄN THỊ XUÂN, ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH, ĐT NGUYỄN THỊ THU, ĐT PHAN THỊ ANH NGÀ, ĐH PHAN VĂN CHIA, ĐT PHÙNG THỊ HỢP.

30-7. KINH SÁM HỐI MINH HỌA (Trương Quân vẽ tranh, in **10.000 quyển**) – Do quý môn sanh Cao Đài công quả **92.801.000 đồng**, phương danh như sau: Đạo hữu ẮN DANH (Long Vân Đàn, Mỹ Tho); thánh thất BÌNH LẬP (HT Ban Chính Đạo); ĐH BÙI MINH TÙNG (Hoa Kỳ); ĐT ĐIỀU LẠC (Bình Chánh); ĐT ĐINH THỊ DỪ (Hoa Kỳ); ĐH ĐOÀN THIÊN MỸ; ĐH ĐOÀN VĂN NHƠN; Gia đình đạo trưởng HIỆP NHƠN TÂM (TTi Thanh Tịnh Đàn); ĐT HỒ THỊ TRIỆU (TT Đô Thành); ĐT HUỖNH THỊ ANH TUYẾT; ĐT HUỖNH TIỂU MI (Hòa Thành, Tây Ninh); ĐH HUỖNH VĂN LUÔNG, ĐH HUỖNH TẤN ĐẠT (Mỹ Hòa, Trung Chánh, Hóc Môn); ĐH LÊ MINH TRÍ; ĐH LÊ THANH HẢI, LÊ THANH HIỂN, LÊ THANH HÒA (TT Tam Thôn Hiệp); ĐT LÊ THỊ ĐƯỢC (58 tuổi); Phối Sư NGỌC ĐẤY THANH (HT Ban Chính Đạo); ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn); ĐT NGUYỄN THỊ DIỆP THỦY (Hố Văn Huệ, Phú Nhuận); ĐT NGUYỄN THỊ KIM CHI (TT Bình Lập); ĐT NGUYỄN THỊ KIM OANH (Nguyễn Huệ, Hòa Thành, Tây Ninh); ĐT NGUYỄN THỊ MỤI; ĐT NGUYỄN THỊ NƯƠNG; ĐT NGUYỄN THỊ SÁO (họ đạo liên xã Tân Hiệp, Tân Châu, Tây Ninh); ĐT NGUYỄN THỊ THU (Hiệp An, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh); ĐT NGUYỄN THỊ THU LAN (Bình Chánh); ĐT NGUYỄN THỊ THU THỦY (Hòa Thành, Tây Ninh); ĐT NGUYỄN THỊ TỬ PHƯỢNG (TT Thành Tâm Đàn); ĐT NGUYỄN THỊ XÚNG (Thuận An, Bình Dương); ĐH NGUYỄN VĂN ĐẠO (Long Khánh); ĐH PHẠM ANH SƠN (Trần Văn Ôn, Tân Sơn Nhì, Tân Phú); ĐH PHẠM KHIỆT DẦN (Tây Ninh); ĐH PHAN THÀNH TÂM (TT Nhựt Chánh); ĐT TRÀ THỊ ÚT (61 tuổi); ĐT TRẦN THỊ ANH MINH (Phú Thọ Hòa, Tân Phú); ĐT TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG (Bình Hiệp, Kiến Tường, Long An); ĐT TRẦN THỊ HỒNG (Hòa Thành, Tây Ninh); ĐT TRẦN THỊ NGỌC YẾN (Hoàng Ngọc Phách, Phú Thọ Hòa, Tân Phú); ĐH TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý); ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT

Thành Tâm Đàn); VINH NGUYỄN TỰ (Cần Giuộc, Long An); ĐH VÕ ĐỨC NHẪN (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo); ĐT VÕ THỊ CHÍ LINH (Bình Chánh); ĐT VŨ THỊ CÚC (đường 01, Bình Hưng Hòa, Bình Tân).

36-2. ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO (Cao Đài Chiếu Minh, in **2.000 quyển**) – Do môn sanh HUỆ MAI HƯƠNG (Chiếu Minh, Long Vân Đàn, Mỹ Tho) công quả **30.500.000 đồng**,

67-2. ƠN CỨU ĐỘ (Diệu Nguyên, in **1.000 quyển**) – Do quý môn sanh ẮN DANH (Chiếu Minh, Long Vân Đàn, Mỹ Tho) công quả **7.500.000 đồng**,

95-1. HÀNH TRẠNG TIẾN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951 (Huệ Khải, in **5.000 quyển**) – Do quý môn sanh Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo công quả **30 triệu đồng**, phương danh hơn 128 vị được in đầy đủ trong sách (gồm 3 trang).

99-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI (Huệ Khải, song ngữ Việt-Anh, in **2.000 quyển**) – Do quý môn sanh Cao Đài công quả **11 triệu đồng**, phương danh như sau: ĐH ẮN DANH (Hội Nghĩa, Tân Uyên), ĐT CHƠN HỒNG Đặng Thị Thu Vân (Minh Đức Nho Giáo), Bảo Đàn DƯƠNG TIẾN QUÂN (HT Ban Chính Đạo), LỄ SANH HƯƠNG NĂM (TT Mỹ Yên), ĐH/ĐT ĐẠT TƯỜNG, QUÁCH HỒNG ĐỨC, QUÁCH HỒNG PHÚC (CQPTGLĐĐ), ĐH HUỖNH AN KHƯƠNG, ĐT LÊ THỊ SƯƠNG (TT Lộ Đò), ĐH NGUYỄN HỮU KHÁNH (HT Cầu Kho TQ), ĐT NGUYỄN THỊ HUỖNH HẠNH, cháu NGUYỄN KHÁNH TOÀN, cháu TỐNG THANH LONG HỮU (Long Thuận, Đồng Tháp), ĐT PHẠM THỊ NHƠN (TT Liên Hòa), TT TỬ VÂN, Quảng Nam (HT Truyền Giáo), ĐH VÕ THÀNH PHÚ / PHÚC? (TT Phú Quý), Chơn linh Thái Giáo Sư VÕ VĂN HỢI (1927-2010).

100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO (Huệ Khải, in **3.000 quyển**) – Do quý môn sanh Cao Đài công quả **20 triệu đồng**, phương danh như sau: ĐH HUỖNH VĂN MẬT (TT Khổ Hiển Trang), ĐT LÊ THỊ SÁU (TT Khổ Hiển Trang), ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Trung Nam), ĐT NGỌC LINH, ĐT NGỌC TRÂM (TTi Tân Minh Quang), ĐT NGUYỄN THỊ A (TTi Trước Mai), ĐT NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT (Long Đại, Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh), ĐT NGUYỄN THỊ THANH THỦY, ĐT NGUYỄN THỊ THANH VÂN (TT Thủ Thừa), ĐH NGUYỄN VŨ PHƯƠNG, ĐH NGUYỄN VŨ TÀI (TT Thủ Thừa), Chơn linh LỄ SANH NGUYỄN XÉT (xã đạo La Ngà, HT Truyền Giáo), ĐT PHAN THỊ Ế (TT An Thạnh), ĐT TRẦN THỊ THU VÂN (TT Trung Đông), ĐT DƯ BẢO HÒA (TT Trảng Bàng), ĐT ĐẶNG THỊ BẠCH TUYẾT (Phó Cơ Điều, P6, Q11), Chơn linh ĐTr HUỆ CHIẾU QUANG (TTi Tân Minh Quang), Gia đình ĐT LÊ KIM PHƯỢNG (HT Ban Chính Đạo), ĐT LÊ THỊ PHƯỢNG QUYÊN (TT Mỹ Lộc), ĐT NGUYỄN THỊ PHỤNG, ĐT NGUYỄN THỊ THU LAN, ĐT NGUYỄN THỊ THU VÂN, cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG, cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh), TT TÂN ĐINH, ĐT TRẦN THỊ THỜI, ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh), Anh Lớn Bảo Y Quân TRƯƠNG VĂN TÂM (HT Tiên Thiên).

ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN (Hiệp tuyến). **Tập Hạnh** – Quý Hai năm 2016. Quý vị Mạnh Thường Quân đóng góp nhiều đợt (**36 triệu đồng**). Ban Ấn Tổng tổng kết và phân bổ từ quỹ chung, để ấn tống **3.500 quyển**. Phương danh quý vị như sau:

01	Đạo tỷ ẨN DANH (Long Văn Đàn, Chiêu Minh, Mỹ Tho). Trích đợt 90	1,000,000
02	ĐH BA BI (TTi Long Am Cung, HT Tiên Thiên): Tiên Giang. Gởi đợt 104.	600,000
03	ĐT ĐINH TUYẾT ĐẦU (Thanh Tịnh Đàn). Gởi đợt 110.	1,000,000
04	ĐT HÀ THỊ HỒNG THU (TTi An Tiên, HT Tiên Thiên). Gởi đợt 107.	100,000
05	ĐH HOÀNG HỮU THANH (TT Phụng Mỹ, HT Cầu Kho - Tam Quan): Gởi đợt 103, 107.	700,000
06	ĐT HUỶNH THỊ DƯƠNG (Long Văn Đàn, Chiêu Minh, Mỹ Tho). Gởi đợt 91.	30,000,000
07	ĐH NGUYỄN BẢO HẢI : Long Hòa 2, Long Hòa, Phú Tân, An Giang. Gởi đợt 110.	1,000,000
08	ĐT NGUYỄN THỊ HOÀI (Gò Công Đông). Gởi đợt 110.	500,000
09	ĐT NGUYỄN THỊ LUẬN (TT Tân Định, HT Cầu Kho - Tam Quan). Gởi đợt 102.	200,000
10	ĐT NGUYỄN THỊ MƯỢT (TTi Ngọc Thanh Quang, HT Tiên Thiên). Gởi đợt 100, 107.	700,000
11	ĐH TRẦN QUAN TRỊ (TTi An Tiên, HT Tiên Thiên). Gởi đợt 107.	100,000
12	ĐT VÕ THỊ BẠCH HUỆ (TTi An Tiên, HT Tiên Thiên). Gởi đợt 107.	100,000

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Một Trăm Lẻ Bảy: Từ ngày 01-01-2016 đến ngày 31-01-2016

01	Bốn đạo Cao Đài LONG HỮU . Gởi 18-01.	400,000
----	--	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

02	ĐT ĐẶNG THỊ BẠCH TUYẾT : Phó Cơ Điều, P6, Q11. Gởi 19-01. Hồi hướng giác linh thân mẫu Huỳnh Kim Nhung (88 tuổi, TT Long Phú). ☎0907239xxx.	500,000
03	Gia đình Phối Sư NGỌC ĐẦY THANH . Gởi 17-01.	1,000,000

Họ đạo Nhứt Chánh (Bến Lức, Long An).

04	ĐH PHAN THÀNH TÂM . Gởi 26-01.	1,500,000
----	---------------------------------------	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

05	ĐH HOÀNG HỮU THANH (TT Phụng Mỹ). Gởi ACB 29-01.	400,000
----	---	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

06	ĐT DƯƠNG THỊ MỸ DUNG (KP4, P4, Tp Tây Ninh). Gởi đợt 107. Hồi hướng chơn linh cha mẹ Bùi Văn Dần và Nguyễn Thị Năm. Gởi 08-01.	1,000,000
07	ĐT HUỶNH THU NGA (Hiệp Long, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi 08-01. Hồi hướng chơn linh Thông Sự Ngô Thị Báng (sinh năm 1935- quy ngày 01-7-2012)	1,000,000
08	ĐT LÊ THỊ BẠCH YẾN : Ninh Thuận, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 104 (ba lần: 700,000), đợt 106 (hai lần: 300,000).	1,000,000
09	ĐT LÊ THỊ MÂN (Tp Tây Ninh). Gởi 08-01.	500,000
10	ĐT NGUYỄN THỊ BÍCH NGA , pháp danh Nguyễn Thiên Hoa (Hiệp An, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi 08-01.	2,000,000
11	ĐT NGUYỄN THỊ HOA , ĐT NGUYỄN THỊ XUÂN (TT Đệ Ngũ). Gởi 08-01.	500,000

12	ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH (Long Hải, Trường Tây, TN). Gởi 08-01. Hồi hướng chơn linh mẹ Nguyễn Thị Hứng (60 tuổi, Long Mỹ, Hòa Thành, quy 13-01-2015).	500,000
13	ĐT NGUYỄN THỊ THU (Hiệp An, Hiệp Tân, Hòa Thành, TP Tây Ninh). Gởi 08-01. Hồi hướng chơn linh ĐH Nguyễn Văn Khá (92 tuổi, phường 4, TP Tây Ninh); chơn linh ĐH Nguyễn Văn Tấn (87 tuổi, Ninh Phước, Ninh Thạnh, TP Tây Ninh).	10,000,000
14	ĐT PHAN THỊ ÁNH NGA (KP4, P4, Tp Tây Ninh). Gởi 08-01. Hồi hướng chơn linh cha mẹ Phan Văn Gia (66 tuổi) và Bùi Thị Ràng (61 tuổi).	400,000
15	ĐH PHAN VĂN CHIA : phường 4, Tp Tây Ninh. Gởi 08-01.	10,000,000
16	ĐT PHÙNG THỊ HỢP (sinh 1974, Đông Lào, Động La, Hoàì Đức, Hà Nội). Gởi 08-01.	1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

17	ĐT HÀ THỊ HỒNG THU (TTi An Tiên). Gởi 10-01.	100,000
18	ĐT NGUYỄN THỊ MƯỢT (TTi Ngọc Thanh Quang): Vũng Liêm, VL. Gởi 10-01.	500,000
19	ĐH TRẦN QUAN TRỊ (TTi An Tiên). Gởi 10-01.	100,000
20	ĐT VÕ THỊ BẠCH HUỆ (TTi An Tiên). Gởi 10-01.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

21	ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Trung Nam). Gởi ACB 09-01.	500,000
----	---	---------

Tổng cộng: **33,000,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Lẻ Tám: Từ ngày 01-02-2016 đến ngày 29-02-2016

01	Đạo hữu ẨN DANH . Gởi 23-01.	200,000
02	ĐT NGUYỄN THỊ TÂM (Thủ Đức). Gởi 27-02.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

03	ĐT ĐẶNG THỊ BẠCH TUYẾT : Phó Cơ Điều, P6, Q11. Gởi 19-01. Hồi hướng chơn linh thân mẫu Huỳnh Kim Nhung (88 tuổi, TT Long Phú). ☎0907239xxx. Gởi 17-02.	500,000
04	ĐT PHAN THỊ Ế (TT An Thạnh, Long An). Gởi 17-02.	500,000

Họ đạo Nhứt Chánh (Bến Lức, Long An).

05	ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG . Hồi hướng chơn linh ĐH Phạm Văn Ky (Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cần Đức, Long An). Gởi 17-02.	500,000
06	Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG . Gởi 17-02.	1,000,000
07	Cháu PHẠM QUẾ TRÂM . Gởi 17-02.	1,000,000
08	ĐT TRẦN THỊ THỜI : Hồi hướng chơn linh ĐH Phạm Văn Ky (Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cần Đức, Long An). Gởi 17-02.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

09	ĐH HUỶNH VĂN MẬT (TT Khố Hiến Trang): 78 tuổi, Tiên Giang. Gởi 02-02.	500,000
10	ĐT LÊ THỊ SÁU (TT Khố Hiến Trang): 67 tuổi, Tiên Giang. Gởi 02-02.	500,000
11	ĐT LÝ THỊ DUNG (huyện Tân Châu, Tây Ninh). Gởi ACB 16-02.	200,000
12	ĐT NGÔ KIM LOAN (Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi ACB 26-02.	100,000
13	ĐT NGUYỄN THỊ CẨM TÚ (Hiệp Thạnh, Gò Dầu, Tây Ninh). Gởi ACB 26-02.	100,000
14	ĐT NGUYỄN THỊ NGA (xã Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi ACB 16-02.	200,000
15	ĐT TRẦN THỊ HỒNG THU (Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi ACB 26-02.	400,000

16	ĐT VÕ NGỌC ĐIẾP (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi ACB 01-02.	200,000
HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI		
17	Phó Trị Sự PHẠM THỊ LŨY (TT Trung Hiệp, Khánh Hòa). Gởi 23-02.	100,000
18	Chơn linh Luật Sự UNG NGỌC XƯƠNG (TT Trung Hiệp, Khánh Hòa). Gởi 23-02	100,000
19	Chơn linh Phó Trị Sự UNG SĨ HIỂN (TT Trung Hiệp, Khánh Hòa). Gởi 23-02.	100,000
THÁNH TỊNH TÂN MINH QUANG (P12, Q12, TpHCM)		
20	Chơn linh ĐTr HUỆ CHIẾU QUANG. Gởi 28-02.	1,000,000
21	ĐT NGỌC LINH và ĐT NGỌC TRÂM. Gởi 28-02.	1,000,000

Tổng cộng: **8,900,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Lẽ Chín: Từ ngày 01-3-2016 đến ngày 31-3-2016

A. In Kinh Sám Hối Minh Họa (lần thứ bảy)		
01	ĐT DIỆU LẠC (Bình Chánh). Hối hướng cứu huyền thất tổ, song thân, bá tánh.	2,500,000
02	ĐT ĐÌNH THỊ DỪ (Hoa Kỳ). Gởi 14-3.	2,000,000
03	ĐH ĐOÀN THIÊN MỸ. Gởi 10-3.	100,000
04	ĐH ĐOÀN VĂN NHƠN. Gởi 10-3.	200,000
05	Gia đình đạo trưởng HIỆP NHƠN TÂM (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 23-3.	1,200,000
06	ĐT HUỖNH TIỂU MI (Hòa Thành, Tây Ninh). Hối hướng cho con (Trịnh Ngọc Yến, 1 tuổi). Gởi 24-3.	200,000
07	ĐH LÊ MINH TRÍ. Gởi 12-3.	500,000
08	ĐT LÊ THỊ ĐƯỢC (58 tuổi). Gởi 10-3.	500,000
09	ĐT NGUYỄN THỊ MỤI. Gởi 10-3.	200,000
10	ĐT NGUYỄN THỊ NƯỚNG. Gởi 13-3. ☎0985711xxx.	1,000,000
11	ĐT NGUYỄN THỊ SÁO (họ đạo liên xã Tân Hiệp - Tân Châu, huyện Tân Châu, Tây Ninh. Gởi 13-3. ☎01682634xxx.	2,000,000
12	ĐT NGUYỄN THỊ THU (Hiệp An, Hiệp Tân, Hòa Thành, TP Tây Ninh). Gởi 18-3. Hối hướng chơn linh ĐH Nguyễn Văn Khá (92 tuổi, phường 4, TP Tây Ninh); chơn linh ĐH Nguyễn Văn Tấn (87 tuổi, Ninh Phước, Ninh Thạnh, TP Tây Ninh).	3,000,000
13	ĐT NGUYỄN THỊ THU LAN (Bình Chánh). Gởi 14-3.	1,000,000
14	ĐT NGUYỄN THỊ THU THỦY (KP1, TTr Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi 18-3.	500,000
15	ĐH NGUYỄN VĂN ĐẠO (Long Khánh, HT Tây Ninh). Gởi 30-3.	500,000
16	ĐH PHẠM ANH SƠN (Trần Văn Ôn, P Tân Sơn Nhì, Tân Phú). Hối hướng giác linh hiển nội Văn Thị Phong. Gởi 12-3.	5,000,000
17	ĐH PHẠM KHIẾT DẦN. Tây Ninh.	1,000,000
18	ĐT TRÀ THỊ ÚT (61 tuổi). Hối hướng con là Trần Hiếu Trung (sinh 1985, quy vị 23-9 Giáp Ngọ). ☎0985759xxx.	1,000,000
19	ĐT TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG (Bình Hiệp, Kiến Tường, Long An). Gởi 18-3.	5,000,000
20	ĐT TRẦN THỊ HỒNG (TTr Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi 18-3.	1,000,000
21	ĐT VÕ THỊ CHÍ LINH (Bình Chánh).	500,000
B. In Kinh Sám Hối Minh Họa. Gởi 14-3.		

22	ĐT HUỖNH THỊ ÁNH TUYẾT	
23	ĐH HUỖNH VĂN LUÔNG, ĐH HUỖNH TẤN ĐẠT (Mỹ Hòa, Trung Chánh, Hóc Môn).	
24	ĐT NGUYỄN THỊ DIỆP THỦY (Hồ Văn Huệ, Phú Nhuận). Hối hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Tú, ĐT Trần Thị Nhật.	
25	ĐT NGUYỄN THỊ KIM OANH (Nguyễn Huệ, Hòa Thành, Tây Ninh). Hối hướng giác linh ĐT Trần Thị Hoa Lài.	
26	ĐT NGUYỄN THỊ XỨNG (Thuận An, Bình Dương).	
27	ĐT TRẦN THỊ ÁNH MINH (Phú Thọ Hòa, Tân Phú). Hối hướng giác linh ĐH Trần Văn Muôn, cầu an ĐT Nguyễn Thị Kiêm.	
28	ĐT TRẦN THỊ NGỌC YẾN (Hoàng Ngọc Phách, Phú Thọ Hòa, Tân Phú).	
29	ĐT VŨ THỊ CÚC (đường 01, Bình Hưng Hòa, Bình Tân). Hối hướng giác linh ĐT Nguyễn Thị Duyệt.	
30	ĐH NGUYỄN ĐỨC TIẾN ĐẠT. Gởi 12-3.	50,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

31	Thánh thất BÌNH LẬP (Tp Tân An, Long An). Gởi 10-3.	518,000
32	Gia đình ĐT LÊ KIM PHƯƠNG (Huỳnh Thị Phụng, P4, Q8). Gởi 01-3.	1,000,000
33	ĐT LÊ THỊ HỮU (TT Trường An, Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long).	100,000
34	ĐT NGUYỄN THỊ KIM CHI (TT Bình Lập, Tp Tân An, Long An). Gởi 10-3.	500,000
35	ĐT PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG (TT Nhứt Chánh, Long An). Gởi 10-3.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

36	ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn): Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hối hướng giác linh cha mẹ (ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quán), giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 04-3.	600,000
37	ĐH TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý). Gởi ACB 04-3.	200,000
38	ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi ACB 04-3.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

39	ĐT LÊ THỊ BẠCH YẾN (Ninh Thuận, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh). Gởi 25-3.	200,000
40	ĐT NGUYỄN THỊ CẨM (xã Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi 25-3.	100,000
41	ĐT NGUYỄN THỊ ANH (ấp Long Phú, Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi 25-3.	200,000
42	ĐT NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOÀNG (Ninh Thuận, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh). Gởi 25-3.	200,000

Họ đạo Bình Khánh, Cấn Giờ

43	Minh Đức DƯƠNG THỊ TIẾN. Gởi 12-3.	100,000
44	ĐH HỒ THANH TÙNG. Hối hướng giác linh cha (ĐH Hồ Văn Tám, ấp Bình Phước, 72 tuổi). Gởi 12-3.	100,000
45	ĐH HỒ VĂN SJA. Hối hướng giác linh cha (ĐH Lê Văn Phối, 25 tuổi, ấp Bình Mỹ) và giác linh mẹ (ĐT Hồ Thị Mới, 23 tuổi). Gởi 12-3.	100,000
46	ĐT LÊ NGỌC THỦY. Hối hướng giác linh cha (ĐH Nguyễn Văn Quang, 75 tuổi, ấp Bình Thuận) và mẹ (ĐT Lê Thị Sậm, 72 tuổi, ấp An Nghĩa). Gởi 12-3.	200,000

47	ĐT NGUYỄN THỊ NHƠN. Hồi hướng giác linh cha (ĐH Nguyễn Văn Quế, ấp Bình Thuận, 76 tuổi) và giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Phận, ấp Bình Thuận, 79 tuổi). Gởi 12-3.	100,000
48	PTS NGUYỄN THỊ TÌNH. Hồi hướng giác linh cha (ĐH Nguyễn Văn Quế, 76 tuổi, ấp Bình Thuận) và giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Phận, 79 tuổi). Gởi 12-3.	300,000
49	ĐT NGUYỄN THỊ TRINH. Hồi hướng giác linh cha (ĐH Nguyễn Văn Quế, 76 tuổi, ấp Bình Thuận) và giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Phận, 79 tuổi). Gởi 12-3.	300,000
50	ĐT NGUYỄN THỊ TÝ. Hồi hướng giác linh cha (ĐH Nguyễn Văn Nhứt, 53 tuổi, Bình Phước) và giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Quới, 87 tuổi, ấp Bình Phước). Gởi 12-3.	100,000
51	PTS NGUYỄN VĂN DẮM (họ đạo Bình Khánh), Căn Giờ. Hồi hướng giác linh cha (PTS Lê Văn Tân, 60 tuổi, ấp Bình Trường) và giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Ngử, 75 tuổi, ấp Bình Trường). Gởi 12-3.	100,000
52	CTS NGUYỄN VĂN ĐỨC. Hồi hướng giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Ba, 83 tuổi, ấp Bình Thuận). Gởi 12-3.	50,000
53	Thông Sự TRẦN VĂN LƯỢNG. Hồi hướng giác linh mẹ (PTS Trương Thị Tích, 91 tuổi, ấp Bình Mỹ). Gởi 12-3.	50,000

Tổng cộng: **64,468,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Mười: Từ ngày 01-4-2016 đến ngày 30-4-2016

01	Bảo Đàn DƯƠNG TIẾN QUÂN (Hội Thánh Ban Chính Đạo). Gởi 09-4.	100,000
02	ĐT ĐINH TUYẾT ĐẦU (Thanh Tịnh Đàn). Gởi 10-4.	1,000,000
03	ĐH NGUYỄN BẢO HẢI: Long Hòa 2, Long Hòa, Phú Tân, An Giang. Gởi 20-4.	1,000,000
04	ĐT NGUYỄN THỊ HOÀI (Gò Công Đông). Gởi 03-4.	500,000
05	ĐH VÕ VĂN PHO (TT Trung Minh, HT Truyền Giáo Cao Đài). Gởi 25-4.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

06	ĐT ĐÀM THỊ BÍCH HẠNH: Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 28-4.	100,000
07	ĐH HUYNH VĂN ÁI: Long Vĩnh, Tây Ninh. Gởi 28-4.	40,000
08	ĐT LÊ THỊ BẠCH YẾN: Ninh Thuận, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 28-4.	200,000
09	ĐT NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH: Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 28-4.	200,000
10	ĐT NGUYỄN THỊ NGA: xã Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 28-4.	100,000

Tổng cộng: **3,340,000 VNĐ**

Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):

Bạc Liêu:	LÊ QUỐC VIỆT	☎ 0919434444
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	LÊ SANH TRẦN THANH TỪ	☎ 0912949657
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
Vĩnh Long:	LÊ THỊ HỮU	☎ 0969263264

**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỒ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO**



ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN

*Hiệp tuyển thơ văn đạo lý. HUỆ KHẢI chủ biên.
Tập Hanh (18), quý Hai năm 2016*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Trảng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám Đốc - Tổng Biên Tập: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Vẽ bìa: LÊ ANH THƯ. Trình bày và kỹ thuật: NGHÊ DŨ LAN

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, NGÔ BÁI THIÊN

Đơn vị liên kết: Ông Lê Anh Dũng

Địa chỉ: 87/3 Đinh Tiên Hoàng, P. 3, Q. Bình Thạnh, TpHCM

In 3.500 bản, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí Nghiệp In FAHASA:
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số đăng ký xuất bản **27-2016/CXBIPH/130-05/TG.**

Mã số ISBN: **978-604-61-3260-8**

Quyết định xuất bản số **529/QĐ-NXB TG**, ngày 09-5-2016.

In xong và nộp lưu chiểu quý Hai năm 2016.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

*Phát hành: MINH QUANG Trần Văn Quang
số 59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎0913613653
Thư từ, bài viết... xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com*